

Chân Giả Luận

Sách Tặng Miễn Phí

MỤC LỤC

STT	Tựa bài	Trang
1	Coi Địa Lý	5
2	Chọn Ngày, Định Hướng, Xem Tuổi	5
3	Đoán Số	6
4	Xem Tướng	8
5	Bói Quẻ, Xin Xăm và Đoán Chữ	8
6	Các Thần Giả	9
7	Ngọc Hoàng	10
8	Lão Quân	11
9	Tiên Thuật	12
10	Quan Công	13
11	Thành Hoàng	14
12	Thổ Địa	15
13	Phật Thích Ca	16
14	Thuyết Luân Hồi	18
15	Quan Âm	19
16	Diêm Vương	20
17	Bà Chúa Ngọc và Bà Liễu Hạnh	20
18	Đạo Nho và Đạo Tin Lành	21
19	Thờ Lạy Ông Khổng Tử	22
20	Thờ Lạy Tổ Tông	23
21	Mộc Chủ, Bài Vị	24
22	Đốt Giấy Tiền Vàng Bạc	25
23	Thế Nào Là Hiếu Thật?	26
24	Không Lạy Xác Chết	27
25	Đức Chúa Trời	28
26	Đức Chúa Trời: Trọn Tài, Trọn Trí, Trọn Lành	28
27	Đức Chúa Trời Dựng Nên Người Dữ?	28
28	Chân Thần Sinh Ra Thú Dữ?	29
29	Một Chúa Cai Quản Cả Trời Đất Muôn Vật	30
30	Chân Thần Bỡi Đâu Sinh Ra?	30
31	Chân Thần Không Có Cuối Cùng	31
32	Không Nhìn Thấy Chân Thần Được	31
33	Đức Chúa Trời và Thượng Đế	32
34	Thiên Đàng, Hỏa Ngục	32
35	Linh Hồn	33
36	Thiên Sứ, Ma Quỷ và Linh Hồn Người Ta	34
37	Ma Quỷ Ở Thế Gian	34
38	Sự Công Bình của Đức Chúa Trời	35
39	Sự Nhân Từ của Đức Chúa Trời	36
40	Chúa Sinh Người Có Thứ Bậc	36
41	Thờ Lạy Đức Chúa Trời Cách Nào?	37
42	Đức Chúa Giê-xu Cao Trọn Hơn Các Thánh Hiền	38

43	Đức Chúa Giê-xu Chuộc Tội cho Loài Người	39
44	Sự Tích Đức Chúa Giê-xu Là Thật	40
45	Ai Tin Chúa Phải Chịu Phép Báp-tem	41
46	Người Nam Người Nữ Đều Phải Tin Chúa	42
47	Đạo Chúa Có Mười Điều Răn	43
48	Tín Đồ Ăn Ở Không Hợp Đạo	43
49	Đạo Thật Chẳng Luận Từ Gốc	44
50	Chớ Xem Việc Theo Đạo Tin Lành Là Khó	45
51	Phải Tin Theo Chúa Mới Được Phước	45
52	Phải Kíp Theo Chúa	46
Phần Đọc Thêm		
1	Bức Tranh của Cuộc Đời	47
2	Đạo Nào Cũng Tốt, Nhưng...	51
3	Lòng Tin và Đức Tin	53
	Lời Tâm Tình của Ban Hiệu Đính	57

01 – Coi Địa Lý

Hỏi: Những việc người ta thường hay làm, như: Xem địa lý, chọn ngày lành tháng tốt, xem số tử vi, bói quẻ, xin xăm... có hợp lý không?

Đáp: Không. Vì những việc ấy là mê tín, dị đoan, gạt người, có ảnh hưởng rất xấu và gây nhiều tác hại cho xã hội. Xin được phân tích như sau:

Người xưa: xây nhà, làm mồ mả cũng xem địa lý, nhưng chỉ là để chọn nơi đất cao, ráo, không tích tụ nước (úng thủy); và xây hướng về phía tránh ngọn gió đông, không quá nóng, cũng không quá lạnh, mà thôi. Thuật xem địa lý cũng còn được gọi là "Thuật phong thủy."

Về sau, người ta tin rằng: con cháu đời sau giàu hay nghèo, sang hay hèn, khôn hay ngu, đều tùy thuộc vào việc nhà cửa và mồ mả của ông bà có được xây dựng trên cuộc đất tốt hay không; từ đó, việc xem địa lý lại chuyển sang ý nghĩa khác. Thuật xem địa lý ngày nay, chủ yếu là để chọn mảnh đất tốt cho con cháu ngày sau được thăng quan, tiến chức, phát tài, phát lộc. Thuật này bắt đầu từ khi ông Quách Phát, đời Tấn, bên Trung Quốc, đề xướng ra. Đầu tiên là người Trung Quốc tin theo, sau đó, lan tràn sang nước Việt Nam ta; ngày nay, đã truyền đến các nước Âu, Mỹ. Đa số dân chúng vốn sẵn tính ham mê phú quý, nên đều bị thuật này lừa dối, gạt gẫm.

Thiết tưởng, tổ tiên chúng ta khi còn đang sống, cũng không chắc có thể che chở cho con cháu được; huống chi khi chết rồi, xác đã thành tro bụi, làm sao còn có khả năng phù hộ cho con cháu phát tài, phát lộc được? Nếu xem địa lý mà tốt thật, thì từ đời nhà Tấn trở về trước, chưa có thuật xem địa lý, không lẽ chẳng có người giàu sang? Còn đời nay, dân ở các nước tây phương có đời sống văn minh, tiến bộ, sung túc, phải chăng là nhờ họ giỏi áp dụng thuật phong thủy?

Người xưa có bài thơ chế giễu thầy địa lý, như sau:

Thầy địa? Sao thầy nói viễn vông?

Chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây, đông.

Thế gian bằng có đất vua chúa,

Sao chẳng đem chôn tổ phụ ông?

Bài thơ ấy làm cho thầy địa lý phải cứng miệng, không trả lời được.

Thuật xem địa lý đã làm chậm bước tiến trong sự phát triển của xã hội; vì người nào cũng chỉ lo trông cậy vào những tập tục mê tín, dị đoan đó, hầu mong được giàu có, sang trọng đời này; mà không lo tích cực làm những việc thực sự mang lại lợi ích cho bản thân mình và cho xã hội. Hơn nữa, lại còn xúc phạm đến tổ tiên, bằng việc mang hài cốt của họ ra để mưu cầu danh lợi, phú quý đời này; điều đó thật là bất hiếu và lại còn có hại đến luân thường đạo lý nữa.

02 – Chọn Ngày, Định Hướng, Xem Tuổi

Vào đời Vua Thành Vương nhà Châu, bên Trung Quốc, có người họ Việt thường đến triều cống và khi về thường bị lạc đường. Có ông Châu Công đã phát minh ra chiếc xe chỉ nam (chiếc xe có cái hộp kim nam châm chỉ về hướng nam), để giúp người họ Việt tìm đường về. Cái la bàn của ta đang sử dụng ngày nay là bắt chước theo hộp kim nam châm của chiếc xe chỉ nam ấy. Còn nói về "Giáp Tý," thì do Vua Hoàng Đế bên Trung Quốc lệnh cho ông Đại

Náo đặt ra: lấy Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý làm Thiên Can; lấy Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi làm Địa Chi; hai bên hợp lại thành Giáp Tý. Thiên Can chỉ về sự di chuyển của các tinh tú và ảnh hưởng của chúng trên đất, tạo ra mùa màng; Địa Chi chỉ về các vùng đất chịu ảnh hưởng của Thiên Can vào mỗi mùa, mà có khí hậu khác nhau. Như vậy, mục đích của người phát minh ra chiếc xe chỉ nam là để chỉ dẫn đường đi; người sáng tác ra Giáp Tý là để ghi năm và tháng, phân định thời tiết, để nhà nông làm mùa; chứ không phải để xem ngày: xây nhà, làm mả; hay xem tuổi: bói việc hên xui. Người xưa làm việc gì cũng không xem ngày, giờ, phương hướng. Ngày nay, các nước ở Âu, Mỹ cũng vậy; thế mà, các công việc thường vẫn tiến hành thuận lợi, không gặp trở ngại nào cả. Người nước ta bắt chước tập tục mê tín của người Trung Quốc, cứ làm việc gì hay là đi đâu, thì phải xem lịch chọn ngày, mượn thầy chọn hướng. Việc này chỉ tốn tiền của vô ích, mà không hiệu nghiệm gì cả.

Xem như: hai đám cưới cùng tổ chức một ngày, một giờ, nhưng về sau kết cục lại khác nhau; hai cửa hiệu khai trương cùng ngày, cùng giờ, mà thành công hay thất bại lại cũng khác nhau. Vậy thì, chọn ngày tốt mà làm chi? Vì quyền giáng họa, ban phước, ở trong tay Đức Chúa Trời. Hễ làm điều lành thì nhận được phước, còn làm điều ác thì sẽ gặp họa; tất cả đều do nơi mình, không quan hệ gì đến ngày giờ và phương hướng.

Còn việc hôn nhân, từ đời thượng cổ không cần xem tuổi, chọn ngày gì cả. Cứ hai bên nam nữ: xứng tài, cân sắc, tâm tính hợp ý nhau, thì đó là duyên Trời đã định; ngày nào thuận tiện, thì làm lễ thành hôn. Đến đời nhà Hán, rợ Hung Nô cường thịnh ở phương bắc, làm áp lực để cưới công chúa của vua Trung Hoa cho đông cung thái tử của họ. Ông Lữ Tài bèn lập mưu, bày ra trò "bát sơn giao chiến," để cản trở việc cầu hôn này, rồi đưa con gái của thường dân vào thế chỗ. Nhưng từ đó về sau, người đời lại tưởng là chuyện thật và thực hiện theo; mỗi khi cưới vợ, gả chồng cho con cháu đều phải tránh các tuổi nằm về cung "bát sơn tuyệt mạng," và cầu cho được "lục hiệp trường sanh."

Việc mê tín xem tuổi ấy đã gây nên biết bao thảm cảnh gia đình! Vì nơi thương không chọn, nơi chọn không thương, khiến nhiều gia đình tan nát, chia ly; thậm chí có nhiều người phải tự kết liễu cuộc sống, để tránh bị ép duyên của gia đình cổ hủ. Vì vậy, người tin đạo Chúa thật không ai xem tuổi làm chi; khi kết hôn, hai bên nam nữ đều vâng theo ý Chúa cả. Có câu: "Lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự Thiên thành." Nghĩa là: Duyên lành do sự ràng buộc từ trước, sự kết hợp tốt đẹp do Trời mà nên. Người tin Chúa tin rằng: việc hôn nhân của mình đã được Chúa định sẵn và do Chúa kết hợp.

03 – Đoán Số

Thuật đoán số còn có những tên gọi khác, như: Thuật Đoán Mệnh, Tử Bình Pháp, Suy Mệnh Thuật... là một phương pháp cổ truyền của người Trung Quốc, dùng lý luận: "sinh thần bát tự," tức là chọn ngày, giờ, tháng, năm sinh, phối hợp với Thiên Can, Địa Chi, lý luận Ngũ Hành, quan niệm bốn mùa và quan niệm Thần Sát, để suy đoán vận mạng cho người ta. Nó bắt nguồn từ lý luận Âm Dương, Ngũ Hành và thuật chiêm tinh.

Hình thức đầu tiên của thuật đoán số và cũng được ghi chép sớm nhất trong sử liệu là do Ngụy Ninh, thời Bắc Tề, lấy Ngũ Hành, Can Chi của năm, tháng ra đời, phối hợp với bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, mà đoán số mạng. Về sau, đến đời nhà Đường, Lý Hư Trung lấy năm, tháng, ngày, giờ sinh, phối hợp với Ngũ Hành để đoán mệnh. Thời Ngũ Đại Tống Sơ, Lạc Lục Tử lấy năm, tháng, ngày, giờ sinh, phối hợp với Ngũ Hành, Can Chi và Thần Sát để đoán mệnh, đó là phép Tứ Trụ; và thuật đoán số đã hình thành từ đó. Khởi đầu, thuật đoán số

chỉ được lưu hành trong giới trí thức; về sau, được đại chúng hóa và lưu hành rộng rãi trong dân gian.

Quý Cốc Tử là một nhân vật kỳ bí trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. Họ tên không rõ ràng, lại thêm người đời hư cấu những câu chuyện về ông mang tính huyền bí. Lịch sử ghi lại: ông là một chính trị gia, kiêm nhà toán học và cũng là một thầy thuốc. Sau khi từ bỏ việc đời, ông về sống ẩn dật nơi một hang sâu, trong núi, thuộc địa phận nhà Chu, gọi là "Quý Cốc;" do vị trí của hang nằm ở địa thế hiểm trở, âm u, không phải là nơi thích hợp cho người ở. Tên "Quý Cốc Tử," có nghĩa là: người ở hang quý, là do ông tự đặt; người đời sau gọi ông là "Quý Cốc Tiên Sinh." Ông được xem là ông tổ của thuật đoán số, đoán mệnh.

Thuật đoán số tồn tại và phát triển cho đến ngày hôm nay, là nhờ phản ánh được nguyện vọng của mọi người: muốn nắm bắt và đi sâu vào quy luật nhân sinh. Thật ra, thuật đoán số chỉ là sản phẩm của sự ước đoán, kết hợp với kinh nghiệm, không được khoa học chứng minh trực tiếp và thường bị một số người lợi dụng, để đánh lừa quần chúng nhẹ dạ. Học thuật này tựa như một thứ khoa học dự báo, có pha chút thần bí, thiên về duy tâm, chỉ có thể lừa gạt những người mê tín. Còn đối với những người hiểu biết và thực tế, có lẽ không ai tin. Bởi vì, trong cùng một khoảnh khắc thời gian, tại nhiều địa điểm khác nhau trên quả địa cầu này, có thể có rất nhiều con người được chào đời; trong số những người ấy, sẽ có người giàu sang, kẻ nghèo hèn; chứ không thể nào cùng giàu sang, danh vọng; hoặc cùng nghèo khổ, bần cùng; điều này không thể xảy ra và rất vô lý. Đến cả hai người sinh đôi cũng không thể có được vận mạng như nhau.

Việc đoán số cũng không có gì bảo đảm cho tính chính xác của nó. Chúng ta phải biết: họa phúc đều do Đức Chúa Trời quyết định. Nếu mỗi người trong chúng ta, khi vừa mở mắt chào đời, vận mạng đã được an bài, tùy thuộc vào ngày, giờ, tháng, năm sinh; số phận giàu nghèo, trường thọ hay yếu mạng cũng đều phụ thuộc vào thời khắc mình ra đời; vậy thì, con người không cần lao động, cứ sống tự nhiên thoải mái theo sở thích, hành động theo bản năng như loài vật, không suy tư lo lắng gì cả, vì mọi việc đã được định đoạt sẵn. Còn tình yêu thương của cha mẹ đối với con cái cũng như thế; đứa nào sinh đúng vào giờ tốt, ngày tốt, thì sẽ được cha mẹ yêu nhiều hơn. Chúng ta khó có thể chấp nhận lý luận này.

Nếu như việc đoán số mà đúng như người ta tin; vậy thì, tất cả mọi người đều nên đi cầu vấn các nhà toán số, để xem vận mạng của mình như thế nào, rồi hãy có những quyết định cho những công việc sắp tới của mình; vì số mạng đã được ấn định như thế, ta không thể thay đổi được. Nếu như thế, thì xã hội của chúng ta có còn là xã hội của loài người không? Vì tất cả mọi người đều không cần phải làm gì hết, cứ ung dung sống, chờ số phận đến. Còn đối với những nhà toán số, họ tiên đoán vận mạng cho người khác thì được, thế còn vận mạng của chính bản thân họ thì sao? Đối với những bậc cha mẹ, họ sẽ yêu quý người con nào biết hiếu thuận, biết lo làm ăn, đó là lẽ đương nhiên; việc này không liên quan gì đến ngày, giờ sinh của chúng. Đức Chúa Trời là Đấng rất công bình, thì sao ta phải lo Ngài chẳng tùy theo việc làm của mỗi người, mà thưởng phạt công minh? Tại sao ta phải đi cầu vấn các nhà tướng số, mà không chuyên tâm thờ lạy Đức Chúa Trời?

Tóm lại, việc đoán số là phi khoa học và chỉ là một thứ học thuật lừa gạt những người yếu lòng và mê tín, hay tin vào những điều không thực tế. Chúng ta đừng vì sự thiếu hiểu biết, mà bị sa đà vào những việc mê tín như thế; có thể gây nên nhiều hậu quả khôn lường cho bản thân và cả gia đình. Nghiêm trọng hơn hết, việc tin tưởng không có cơ sở này, có thể ảnh hưởng đến sinh mạng và linh hồn của mình về sau.

04 – Xem Tướng

Đức Chúa Trời sáng tạo ra vũ trụ và tạo dựng nên loài người. Quan sát hình thể bên ngoài, nếu là người thì tất cả đều giống nhau, ai cũng có đầu, mình và tay, chân. Nhìn chung, người nào cũng có: mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để ngửi, lưỡi để nói và nếm thức ăn... Các cơ quan nội tạng có: tim, gan, phổi, dạ dày... tất cả đều được bao bọc bởi lớp da thịt bên ngoài. Từ bậc vua quan cho đến kẻ hạ dân, tất cả đều giống nhau ở các đặc điểm chung, chỉ khác nhau nơi các hình thức, như: thấp, cao, gầy, mập... và các màu da: trắng, đỏ, đen, vàng. Kẻ nghèo hèn ăn cơm gạo lứt, canh rau; ở nhà tranh, vách đất. Người giàu ăn cao lương, mỹ vị; ở nhà cao, cửa rộng. Do đó, khí sắc của mỗi tầng lớp người trong xã hội không giống nhau. Như vậy, việc quan sát hình dung bên ngoài của một người, mà tiên đoán được tương lai, vận mạng của người ấy, không thể chính xác được.

Xưa kia, vua Võ Đế đời nhà Hán, khi đọc câu sách tướng viết rằng: "Bất kể người nào nhân trung dài một tấc, thì sống được một trăm tuổi." Ông Đông Phương Sóc, một học giả nổi tiếng ở tỉnh Sơn Đông, làm quan dưới thời Hán Võ Đế, đứng bên cạnh nghe được, liền cười phì. Vua hỏi: "Người cười gì?" Ông đáp: "Tôi cười ông Bành Tổ đời xưa, vì ông ấy sống đến 800 tuổi, chắc nhân trung dài đến tám tấc, thế thì mặt ông ấy chắc phải dài lắm!" Đây chỉ là một câu nói khôi hài, nhưng cũng đủ để bác bỏ sự sai lầm của sách Ma Y Thần Tướng. Trên thế giới có nhiều người ngoại hình giống nhau, nhưng tâm tính có thể khác nhau như trời với vực. Ví dụ như: vua Thuần trùng đồng, tức là mỗi con mắt có hai con người, Hạng Võ cũng trùng đồng, nhưng sao một người hiền đức, người kia lại bạo ngược? Xét về hình dung thì Dương Hồ giống Khổng Tử như khuôn đúc, trong khi Khổng Tử được tôn xưng là thánh nhân, thì Dương Hồ bị xem là người gian ác. Khổng Tử nói rằng: "Nếu căn cứ vào tướng mạo, mà đoán xét người, thì ta đây đã mất Tư Võ." Sao quý vị không suy gẫm lời Khổng Tử, mà lại tin lời thầy tướng?

Người ta có thể dùng việc xem tướng như quan sát cung cách của một người để phán đoán được tâm tính người ấy; cũng như việc bác sĩ xem thần sắc người đau, thì biết đại khái bệnh nặng hay nhẹ, hàn hay nhiệt. Còn như nói rằng: nhờ xem tướng mà đoán được vận mạng về sau, là điều phi lý.

05 – Bói Quẻ, Xin Xăm và Đoán Chữ

Bói quẻ, xin xăm, đoán chữ viết (hay chiết tự) là những trò may rủi, cũng giống như đánh thò lò hay quay con vù – thò lò là một kiểu đánh bạc thời trước bằng con quay có sáu mặt số, con vù là một thứ đồ chơi của trẻ con – có thể trúng và cũng có thể sai, không có tính chính xác tuyệt đối. Có khi quẻ bói nói tốt, nhưng sự việc xảy ra ngược lại; có khi đoán việc lành, mà xảy ra việc dữ. Bói một trăm lần thì cũng sẽ có một vài lần trúng! Cũng ví như một người chưa biết bắn, cứ cầm súng bắn bừa thì sẽ có lúc cũng trúng được một vài phát, không thể cho là bắn giỏi, mà chỉ là ngẫu nhiên mà thôi.

Xưa kia, Khuất Nguyên, chính trị gia và cũng là một thi sĩ nổi tiếng của Trung Quốc, đến xin Thiềm Doãn, viên quan thái bộc – quan xem bói cho vua – của Trung Quốc, một quẻ bói. Ông Thiềm Doãn bèn nói rằng: "Cái thước có chỗ ngắn, cái tắc có chỗ dài; vật có chỗ không đủ, trí có chỗ không sáng; số có chỗ đoán không tới, mà thần có chỗ cũng không thông. Ông cứ theo lòng, mà làm cho đúng ý ông. Cỏ thi và mu rùa, quả không thể biết được việc ấy." (Cỏ thi và mu rùa là hai vật được dùng làm phương tiện để lấy quẻ).

Xem như thế, người xưa cũng hiểu việc bói quẻ là vô ích. Việc xin xăm cũng vậy. Xăm tốt hay xăm xấu cũng đều không do ông thánh, ông tiên nào, linh ứng cả. Đừng cả tin vào những điều mơ hồ như thế, mất tiền vô ích mà còn gây tổn hại cho bản thân.

Còn đối với những người hành nghề đoán chữ viết, việc ấy chẳng qua cũng chỉ là một phương cách mưu sinh; vì sinh kế nên phải bày ra trò gạt người để kiếm tiền. Họ xưng rằng mưu cầu lợi ích cho người khác, nhưng đối với chính bản thân mình thì họ cũng đành bó tay. Nếu có người truy vấn, hạch hỏi thì họ lại chống chế: "Tôi vẫn biết là thuật dối gạt người, nhưng vì đó là nghề kiếm cơm của tôi, cho nên, không thể từ bỏ mà vẫn phải kiếm sống bằng nghề ấy." Chúng ta nên nghe những lời biện hộ ấy, mà nhận thức vấn đề cho đúng với bản chất của nó.

06 – Các Thần Giả

Hỏi: Chúng tôi biết đạo Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu Christ là chân thật, đáng tin, nhưng từ trước đến giờ, từ Trung Quốc cho đến nước Việt Nam ta, việc thờ mặt trời, mặt trăng, đất đá, các ngôi sao hoặc núi, rừng, sông, biển... và nhiều thần linh tinh khác trong vũ trụ, đã in sâu trong tâm khảm người dân; vậy, trong số các vị thần mà người ta vẫn đang thờ ấy, lẽ nào không có được một vị nào là thần đáng cho người ta tôn thờ hay sao? Tại sao các ông lại nói không đáng thờ?

Đáp: Người dân nước ta từ xưa đến nay, chịu ảnh hưởng của người Trung Quốc, nên bị nhiễm các thói tục mê tín đả thần của người Trung Quốc; do đó, chúng ta cứ thờ những gì người Trung Quốc thờ, không thắc mắc, không truy vấn. Việc thờ cúng đó có thể phân làm hai loại:

1. Thờ các vật thọ tạo, như: mặt trời, mặt trăng, đất đá, và các ngôi sao...

Chúng ta cần biết, Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên trời đất, muôn vật, gọi chung là vũ trụ. Ngài cũng dựng nên loài người theo hình ảnh Ngài, để quản trị các loài cá biển, chim trời, các loài súc vật và các loài côn trùng bò trên mặt đất. Ngài ban phước cho loài người và phán bảo loài người hãy làm cho đất phục tùng. Kinh Thánh, sách Sáng Thế Ký, chương 1, câu 27, viết: "*Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.*" Sách Sáng Thế Ký, chương 1, câu 28, viết: "*...hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên đất.*"

Ngài cũng dựng nên mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, để soi sáng trên đất và cũng để dùng làm dấu định ngày, mùa, tháng, năm. Sách Sáng Thế Ký, chương 1, câu 14-18, viết: "*Đức Chúa Trời lại phán rằng: Phải có các vì sáng trong khoảng không trên trời, để phân ra ngày với đêm, và dùng làm dấu để định thì tiết, ngày và năm; lại dùng làm vì sáng trong khoảng không trên trời để soi xuống đất; thì có như vậy. Đức Chúa Trời làm nên hai vì sáng lớn; vì lớn hơn để cai trị ban ngày, vì nhỏ hơn để cai trị ban đêm; Ngài cũng làm các ngôi sao. Đức Chúa Trời đặt các vì đó trong khoảng không trên trời, để soi sáng đất, để phân ra ban ngày và ban đêm, để phân ra sự sáng với sự tối...*" Vũ trụ này cũng ví như một ngôi nhà, mà Đức Chúa Trời tạo ra cho loài người cư trú. Ngài cũng tạo ra muôn loài, muôn vật để nuôi dưỡng con người; cũng như cha mẹ xây dựng nhà cửa để cho con cái có chỗ nương náu, trang bị mọi vật dụng cần thiết trong sinh hoạt, như: bàn, ghế, tủ, giường... cho con cái sử dụng. Vậy mà, con cái không biết nhớ ơn và hiếu kính cha mẹ, lại đi tôn sùng nhà, cửa, bàn, ghế... điều này không phải là sự làm lẫn lộn hay sao? Chúng ta đã biết: trời, đất, muôn vật, có một Đấng Chủ Tể cai trị, và chúng ta hằng chịu ơn Ngài, như vậy, Đấng Tạo Hóa có

phải là Đấng rất xứng đáng cho chúng ta thờ lạy không? Vì thế, ta không nên thờ lạy các vật thọ tạo như đã kể trên, đó là những giả thần, là những thần hình thành từ trong tư tưởng của con người ta.

2. Chúng ta thờ: Ngọc Hoàng, Lão Quân, Quan Công, Thành Hoàng, Thổ Địa, Diêm Vương... là những người chết, nhưng do người đời sau thần thánh hóa họ mà nên. Họ không còn tồn tại để chúng ta phải thờ. Các bài tiếp sau đây, chúng tôi xin tóm lược nguồn gốc, lai lịch và sự tích các vị đó, xin mời quý độc giả xem qua và suy xét lại, xem các vị ấy có xứng đáng để chúng ta tôn xưng làm thần hay không.

07 – Ngọc Hoàng

Từ thời thượng cổ, người Trung Quốc tin rằng có một vị vua trên trời mà họ xưng là "Thượng Đế," và họ thờ vị vua ấy. Tuy nhiên, từ đời nhà Thương trở về sau, thì "Thượng Đế" hoàn toàn chỉ còn là một vị thần được cho là sống tại một cung điện giữa bầu trời, tại Thiên Cực Bắc (vùng trời ở phía trên đỉnh bắc cực), và không phải là thần sáng tạo ra vũ trụ. Vị thần này được tôn xưng với nhiều danh hiệu khác nhau, như: Ngọc Hoàng Đạo Quân, Cao Thượng Ngọc Đế, Hoàng Thiên, Hạo Thiên... mà tên đầy đủ là: "Cao Thiên Thượng Thánh Đại Từ Nhân Giả Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế." Nghĩa là: Vị thánh tối cao trên đỉnh trời, vô cùng nhân từ; là vua ngọc, bậc thiên tôn vĩ đại, huyền diệu, lớn lao, làm chủ trên cao. Ngoài các danh xưng kể trên, Ngọc Hoàng cũng còn có nhiều danh xưng khác. Vai trò của Ngọc Hoàng chỉ như là một vị vua của bầu trời, vua cai quản chốn thiên đình và sống ở trên cao, chứ không phải là Đấng Sáng Thế sáng tạo ra vũ trụ và muôn loài, muôn vật như Thiên Chúa (Đức Chúa Trời) được giải bày trong Thánh Kinh.

Theo truyền thuyết, Ngọc Hoàng vốn là người trần gian, tên thật là Trương Hữu Nhân, trang chủ thôn Trương Gia Loan, có vợ và con. Vì tính hay nhường nhịn nên còn được gọi là Trương Bách Nhẫn, và cũng vì thường hay giúp đỡ người nên cũng được gọi là Đại Quý Nhân. Truyền thuyết dân gian Trung Quốc thì cho rằng: Ngọc Hoàng là người tu được 1550 kiếp, mỗi kiếp dài 126 ngàn năm, mới lên được ngôi vị Ngọc Hoàng. Nơi ở của Ngọc Hoàng được cho là Kim Khuyết Vân Cung, Linh Tiêu Bảo Điện, nằm ở Trung Ương Thiên Cực, là nơi có nhiều tiên nữ hầu hạ cùng với nhiều thiên binh, thiên tướng canh gác. Vốn xuất thân là người trần thế nên Ngọc Hoàng cũng phải chịu dưới quy luật sinh tồn của trời đất.

Còn trong Đạo Giáo Trung Quốc, Ngọc Hoàng là do Nguyên Thủy Thiên Tôn, là bậc tối cao, vô thượng trong cả vũ trụ, đứng đầu trong Tam Thanh, chỉ định làm vua; và vẫn phải ở dưới quyền của Tam Thanh. Tam Thanh gồm ba vị: Nguyên Thủy Thiên Tôn, Linh Bảo Thiên Tôn và Đạo Đức Thiên Tôn.

Dân Việt Nam ta học chữ Trung Quốc và học văn hóa Trung Quốc, nên khái niệm về Thượng Đế hay Ngọc Hoàng đối với dân tộc Việt Nam cũng từ người Trung Quốc truyền đạt sang. Tuy nhiên, đa số người Việt có những hiểu biết rất mơ hồ về các danh xưng "Thượng Đế," "Đấng Tạo Hóa," "Ngọc Hoàng" hay "Ông Trời..." Người Việt gộp chung các danh xưng kể trên quy về cho một vị thần, gọi là "Ông Trời." "Ông Trời" đối với người Việt tuy rất xa mà cũng rất gần, gần đến nỗi, tiếng "Trời" luôn cận kề nơi môi miệng của đa số người Việt. Tiếng "Trời" sẵn sàng được người Việt thốt lên bất kể mọi nơi, mọi lúc; khi vui mừng cũng như lúc buồn khổ, sầu thảm. Người Việt sống ở miền tây nam bộ thường có thói quen sử dụng chữ "Trời" như một tiếng đệm trong mỗi câu nói, nhưng họ kiêng dè tiếng "Trời" nên thường nói trại ra thành "chèn." Cứ mỗi câu nói đều kèm theo tiếng "chèn ời." Có một câu chuyện dân gian Việt Nam như sau: Con cóc lên thiên đình đánh Trời. Trời đánh thua cóc nên phải chấp

nhận điều kiện của cóc, là: mỗi khi cóc nghiến răng thì trời phải đổ mưa. Danh từ "Trời" cũng hiện diện rất nhiều trong văn chương, thi phú, ca dao, tục ngữ của người Việt. Vì tập tục không dám sửa chữa sách vở nên đã để lại những hiểu biết sai lệch về Đấng Tạo Hóa, di hại cho đến ngày hôm nay. Hậu quả là còn có nhiều người hiểu sai rằng: Ông Trời là Ngọc Hoàng, là Thượng Đế; và cho rằng: thờ Ngọc Hoàng hay Thượng Đế là thờ Đức Chúa Trời! Điều này là điều sai lầm rất lớn.

Như vậy, tước hiệu Ngọc Hoàng của Trương Hữu Nhân hay tước hiệu "Thượng Đế" trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc không có quan hệ gì đến Đức Chúa Trời, là Đấng chủ tể của muôn loài, muôn vật, là Đấng tạo dựng nên vũ trụ và cũng là Đấng cầm quyền trên sự sinh tử của Ngọc Hoàng (Trương Hữu Nhân).

Chúng ta đừng lầm lẫn "Ngọc Hoàng" là tước hiệu của người đời gán cho Trương Hữu Nhân hay "Thượng Đế" là tước hiệu của một giả thần ngoại giáo với Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Đấng sáng tạo ra vũ trụ và con người.

08. Lão Quân

Lão Quân, còn gọi là Lão Tử, là một nhân vật chính yếu trong triết học Trung Quốc. Ông được xem là tác giả của "Đạo Đức Kinh" và là người khai sáng Đạo Giáo Trung Quốc. Triết lý của ông chủ trương vô thần, nhưng người đời sau biến triết lý của ông thành một tôn giáo phù phiếm, thờ cúng thần tiên và luyện thuật trường sinh với nhiều phép thuật. Lão Tử được tôn xưng là Thái Thượng Lão Quân, là một trong Tam Thanh, giữ ngôi vị Thái Thanh (Tam Thanh gồm ba vị thần tiên: Ngọc Thanh, Thái Thanh và Thượng Thanh). Trong Đạo Giáo Trung Quốc, Thái Thượng Lão Quân có trước cả trời đất, chính là nguyên khí thời hỗn mang ngưng kết mà thành, chỉ đứng sau Nguyên Thủy Thiên Tôn. Trong điện thờ, người ta vẽ hình Thái Thượng Lão Quân là một ông già râu bạc, tay cầm quạt ba tiêu, ngồi bên trái của Nguyên Thủy Thiên Tôn; bên phải của Nguyên Thủy Thiên Tôn là Linh Bảo Thiên Tôn. Thái Thượng Lão Quân còn có các tôn hiệu khác như: Đạo Đức Thiên Tôn, Hỗn Nguyên Lão Quân, Thái Thanh Đại Đế... Sau này, các tranh vẽ về Lão Tử thường thể hiện một ông già đầu hói, râu dài, ngồi trên lưng trâu.

Lão Tử tên thật là Lý Nhĩ, tự Bá Dương, tên thụy là Đàm (có nghĩa: bí ẩn), sinh vào cuối đời nhà Chu, thời Xuân Thu, tại huyện Khổ, nước Sở (nay là Lộc Ấp, thuộc tỉnh Hà Nam). Theo truyền thuyết: Vừa mới sinh ra, râu tóc ông đã bạc trắng, vì ông ở trong bụng mẹ đến 80 (hay 82) năm nên khi vừa được sinh ra đã là người già, do đó, mới có tên "Lão Tử." Lão Tử là người cùng thời với Khổng Tử nhưng ông nhiều tuổi hơn. Ông làm quan giữ sách trong thư viện triều đình nhà Chu. Khổng Tử và Lão Tử gặp nhau ở nước Chu, tại nơi mà hiện nay gọi là Lạc Dương; và hai ông đã cùng tranh luận về lễ nghi và phép tắc, vốn là những nền tảng của Khổng giáo. Về sau, Lão Tử từ bỏ chính sự, cỡi trâu qua nước Tần, và từ đó biến mất trong sa mạc.

Dưới đời nhà Đường, để tạo ra mối liên hệ với Lão Tử, họ Lý xem ông là tổ tiên của hoàng gia nên truy phong ông làm hoàng đế. Đến đời Đường Cao Tông, ông được tôn là: Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế. Đến đời Đường Huyền Tông lại gia phong cho ông là: Đại Thánh Tổ Cao Thượng Đại Đạo Kim Khuyết Huyền Nguyên Thiên Hoàng Đại Đế.

Lão Tử vốn là một phàm nhân, cũng được sinh ra trong trời đất theo quy luật sinh sản thông thường như những người khác. Ông chỉ là một viên quan giữ sách trong thư viện triều đình, vậy mà người đời sau truyền tụng những câu chuyện bí ẩn chung quanh ông, xem ông

như thần tiên, tôn xưng ông là Thái Thượng Lão Quân và thờ lạy như là Chúa của trời đất. Thật là phi lý.

09. Tiên thuật

Sách ngoại sử Trung Quốc có truyện Phong Thần Diễn Nghĩa, ghi lại những câu chuyện thần thoại và những mẩu chuyện kỳ bí, truyền tụng trong dân gian, chung quanh ông Khương Thái Công, tức là Khương Tử Nha. Theo truyền thuyết, ông Khương Thái Công có nhiều phép thuật cao siêu, và ông cũng học được phép thuật thành tiên, điều khiển các vị thiên tiên và địa tiên. Sau khi hoàn thành sứ mạng phò Chu, diệt Thương, ông được phong làm quan trên thiên đình, cỡi rồng bay lên trời, và được trường sinh bất tử. Có truyền thuyết còn cho rằng: ông là Thái Thượng Lão Quân.

Khương Thái Công, tên Khương Thượng, tự là Tử Nha, người ở Đông Hải, là một công thần khai quốc nhà Chu vào thế kỷ thứ 12 TCN (Trước Công Nguyên). Ông là một vị tướng tài và là một người đã góp phần lập nên sự nghiệp nhà Chu. Khi thủ lĩnh của bộ tộc Chu là Tây Bá Cơ Xương chết, con là Cơ Phát lên ngôi vua, tức là Chu Vũ Vương; Khương Thượng là bậc công thần nên được phong làm Vua Tề ở đất Doanh Khâu, xưng hiệu là Tề Thái Công. Tề Thái Công mất vào năm nào sử ký không ghi rõ, chỉ biết là ông sống được hơn 100 tuổi.

Đến thời nhà Tiền Hán, năm 230 TCN, nước Hàn bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt. Trương Lương, tự là Tử Phòng, thuộc dòng dõi sĩ tộc nước Hàn thời Chiến Quốc, đi tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho vua Hàn. Tương truyền rằng: nhờ đức tính khiêm tốn, nhún nhường, ông được Hoàng Thạch Công truyền cho cuốn "Thái Công Binh Pháp." Ông thường mang ra học tập nghiền ngẫm, đến khi gặp được Lưu Bang, ông theo Lưu Bang làm tướng coi sóc ngựa cho binh sĩ và đem binh pháp của Thái Công ra trình bày với Lưu Bang. Sau đó, ông giúp Lưu Bang đánh đổ nhà Tần, lập ra nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc. Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, tức là Hán Cao đế. Để phong đất cho các hoàng tử họ Lưu, Lưu Bang đã trừ khử tất cả các công thần nhà Hán. Vua nước Hàn mới là Hàn Vương Tịch, người đã được Trương Lương đề cử, cũng bị đưa lên vùng Thái Nguyên xa xôi. Hàn Vương Tịch bèn dẫn quân Hung Nô vào đánh Hán, bị thua trận nên mất nước.

Trương Lương bắt lực nhìn nước Hàn bị xóa sổ. Buồn lòng, ông xin bỏ việc nhân gian để đi ngao du với Xích Tùng Tử (tương truyền là một vị tiên xưa). Ông học cách nhịn ăn, và học đạo dẫn cho nhẹ mình. Ông mất năm 188 trước CN. Các học giả cùng thời cảm mến, nhớ thương người bạn cũ, cộng thêm những câu chuyện huyền thoại được truyền tụng trong dân gian, như chuyện Hoài Nam Tử luyện được thuốc thành tiên, nên họ đồng sáng tác ra truyện tám vị tiên (bát tiên), lấy tên của tám người là: Hà Tiên Cô, Lý Thái Bạch, Trương Quả Lão, Tào Quốc Cựu, Lý Thiết Quái, Hàn Tương Tử, Lữ Đồng Tân và Hàn Chúng Ly. Những người này đều là những con người bình thường như chúng ta, cũng ăn, cũng làm, cũng sống, cũng chết, không có người nào là trường sinh, bất tử.

Từ những câu chuyện tưởng tượng như trên, những mẩu chuyện về tiên thuật, phép thuật đã lan truyền ra trong dân gian. Người dân quê nước ta khi xưa, đầu óc vốn đơn giản nên dễ bị lôi cuốn vào những câu chuyện thần thoại, huyền bí, truyền tụng chung quanh một nhân vật nào đó, dẫn đến sự mê tín nhảm nhí, lưu truyền cho đến ngày nay.

Có kẻ lại hỏi rằng: Nếu thực sự không có tiên, tại sao khi người ta cầu cơ, thì ông Lý Bạch liền giáng bút làm thơ với họ suốt đêm ngày?

Đáp: Về việc người ngồi đồng ứng cơ, hoặc giáng bút, chỉ cần suy nghĩ xa hơn một chút thì sẽ nhìn ra vấn đề. Tại vùng thôn quê, lúc đêm về, trời tối, không có việc gì để làm, không gian tịch mịch vắng vẻ, người lớn, kẻ nhỏ, hội tụ lại mà sai roi, sai chổi, sai quạt, sai

vung... đều là những hình thức giao thông với các tà linh. Người ngồi đồng thì đội khăn ngồi giữa, chung quanh đều có người cầm nhang đèn, đọc bài văn với giọng điệu trầm bổng, khi lên, khi xuống. Mùi nhang đèn phảng phất hòa lẫn trong tiếng đọc ngân nga giữa đêm khuya thanh vắng, làm cho người ngồi đồng tâm thần nửa tỉnh, nửa mê, rồi bị tà linh xâm nhập, mà ứng khẩu nói lên hoặc viết ra những điều do tà linh truyền cho trong tâm trí.

Nếu cứ cho là Lý Bạch ứng cơ, vì ông là người có hồn, nhưng còn với cái quạt, cái nắp nồi, cái roi, cái chổi, là những đồ vật vô tri, vô giác, không có linh hồn, thì lấy gì nhập xác, phụ cơ? Việc cầu cơ chẳng qua chỉ là một thứ tà thuật lừa người, hoặc do sự ám nhập của tà linh. Chỉ duy nhất có Đức Chúa Trời là Đấng thần linh đã tạo dựng ra loài người, tại sao chúng ta không cầu vấn Ngài mà lại đi cầu vấn những người đã chết từ rất lâu?

10. Quan Công

Quan Công, tên Quan Vũ (hay Võ), tự Vân Trường nên cũng được gọi là Quan Vân Trường. Người làng Giải Lương, huyện Hà Đông. Theo sách "Tam Quốc Ngoại Truyện," ông là người huyện Châu Bồ, tỉnh Sơn Tây, thuộc Trung Quốc. Quan Công là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục Hán với vị hoàng đế đầu tiên là Lưu Bị. Ông đứng đầu trong số "Ngũ Hổ Tướng" của nhà Thục Hán, và là một nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á. Vì ông là người vũ dũng, tính hào hiệp, ghét kẻ ác và thường bênh vực kẻ cô thế nên dân gian xem ông như một biểu tượng của tính hào hiệp, trượng nghĩa; trong khi đó, những nhà sử học lại phê bình ông có tính kiêu căng và ngạo mạn. Cũng theo "Tam Quốc Ngoại Truyện" thì Quan Vũ cao chín thước (thước Tàu tương đương với bốn tấc – 40 cm – của thước Tây), mặt đỏ, mắt phượng, mày tằm, râu dài hai thước, dung mạo oai phong,凛冽. Ông theo Lưu Bị đi chiến trận, đánh chiếm được Từ Châu, giết Xạ Trụ, và được bổ nhiệm làm quan thái thú Hạ Bì. Về sau, Lưu Bị chiến bại dưới tay Tào Tháo nên phải lánh sang Hà Bắc và trốn về Nhữ Nam. Quan Vũ không còn lối thoát nên phải đầu hàng Tào Tháo và theo về Hứa Xương. Ông được Tào Tháo trọng dụng.

Sau khi lập được nhiều công trận để trả ơn tha mạng cho Tào Tháo, ông để lại toàn bộ phẩm vật Tào Tháo ban tặng, viết thư cáo biệt, trốn đi tìm Lưu Bị và cùng Lưu Bị gây dựng lại lực lượng dựng nước. Ông lập được nhiều chiến công, nhưng về sau, vì làm mưu Từ Hoảng, bị thất trận nên phải đào tẩu. Trên đường đi trốn, ông bị bộ tướng của Phan Chương là Mã Trung bắt được. Vì không chịu khuất phục Tôn Quyền nên ông bị Tôn Quyền giết chết và mang đầu đến Lạc Dương giao nộp Tào Tháo. Tào Tháo không bêu đầu ông theo lệ thường tình, mà lại truyền làm lễ tang trọng thể theo nghi thức chư hầu và dựng am thờ Quan Vũ.

Tào Tháo là người đầu tiên dựng am thờ Quan Vũ. Đến thời Minh Thần Tông, Quan Vũ được tôn làm Quan Đế. Vua nhà Minh xem ông như vị thần hộ quốc nên lập đền thờ tự tại nhiều nơi ở Trung Quốc. Việc thờ phụng này gây ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian nên nhân dân thờ ông như thần độ mạng; giới thương nhân xem ông như thần tài; giới quân sự xem ông như vị thần bảo vệ bản mạng. Để đề cao uy linh, dũng khí của ông, La Quán Trung, tác giả truyện "Tam Quốc Diễn Nghĩa," mô tả ông là một người hiển linh sau khi chết, như: nào là ông vật chết Lã Mông trong dinh Tôn Quyền, nào là thủ cấp của ông nổi giận khiến cho Tào Tháo sợ hãi mà phát bệnh qua đời, và Quan Vũ còn giúp được con là Quan Hưng giết Phan Chương, để trả thù cho trận Mạch Thành...

Từ việc Tào Tháo lập đền thờ Quan Vũ, và cũng do ảnh hưởng của truyện "Tam Quốc Diễn Nghĩa," mà hình tượng Quan Công được nhân dân ngưỡng mộ. Dân chúng thần thánh

hóa ông và dựng đền thờ cúng tại nhiều nơi với nhiều danh xưng khác nhau, như: Quan Công, Quan Đế, Thần Tài, Quan Thánh...

Tại miền bắc Việt Nam, có nhiều đền thờ Quan Vũ dưới các tên: Quan Đế, Quan Thánh, Quan Công... Còn tại miền nam Việt Nam, tín đồ đạo Hòa Hảo làm lễ Quan Thánh vào ngày 24 tháng 6 âm lịch; giới kinh doanh lập trang thờ đặt dưới đất, thường là trang thờ chung với "Thổ Địa," với danh gọi là "Thần Tài." Đa số thương nhân người Việt thờ thần tài nhưng lại không biết lai lịch, gốc tích của "Thần Tài." Họ thờ "Thần Tài" với mong muốn "Thần Tài" sẽ phù hộ cho việc kinh doanh được phát đạt. Về sau, có người viết ra sách "Minh Thánh Kinh," bảo là của Quan Công giáng bút, và còn nói ông hiện đang canh giữ cửa trời, có thể giáng họa, ban phước cho người.

Quan Vũ được biết đến như một người dũng cảm, phi thường, trọng nghĩa, giữ chữ tín; là tô trung, ông là bực trung thần của nhà Hậu Hán, nhưng nếu xem ông là thần bảo hộ cho đất nước thì không đáng. Vì ông đã không giữ nổi đất Kinh Châu, đã để mất ba quận vào tay Tôn Quyền, sau đó cũng bị giết chết dưới tay Tôn Quyền. Hiện nay, ông đã ra người thiên cổ thì sao còn bảo vệ được cho ai? Ngay cả Trương Phi là anh em kết nghĩa rất thân thích với Quan Công, vì báo thù cho Quan Công mà phải chết, nhà Hậu Hán về sau cũng bị mất. Nếu thật sự Quan Công hiển linh, tại sao không cứu Trương Phi và bảo vệ nhà Hậu Hán không mất nước? Người đời suy luận chưa đến nơi đến chốn nên tôn Quan Công là thần giúp nước, cứu dân, đó là điều sai lầm. Có người biện bạch cho Quan Công, cho rằng: việc không cứu được Trương Phi và để nhà Hậu Hán mất nước là do số Trời đã định. Nếu cho là số Trời đã định, thì phải biết kính thờ Đức Chúa Trời, là Đấng định đoạt mọi sự, sao lại thờ lạy Quan Công, là người phải chịu khuất phục dưới mạng Trời?

Chúng ta chấp nhận Quan Công là người hào kiệt, trung nghĩa, rất đáng được kính trọng, và noi theo gương anh kiệt của ông; nhưng nếu thờ cúng ông như một vị thần, hầu mong được độ trì, phù hộ là sai. Hơn nữa, Quan Công là người chính trực, lúc còn dưới trướng Tào Tháo, ông đã không màng đến vàng bạc, châu báu Tào Tháo ban tặng, tiệc yến lớn nhỏ ông nào có thiếu, thì nay sao có thể chấp nhận những lễ vật hối lộ tầm thường của người trần thế để thỏa mãn lòng tham dục của người đời? Dù cho ông có thật sự hiển linh chắc gì ông chấp nhận của lễ ấy? Vậy, Quan Công là bực trung nghĩa chỉ đáng cho ta kính trọng và noi theo, chứ không nên thờ phụng, vì sự thật là ông không có khả năng bảo vệ, che chở, độ trì cho ai được cả.

11. Thành Hoàng

Tục lệ thờ Thành Hoàng bắt nguồn từ nước Trung Quốc cổ, du nhập vào làng xã Việt Nam, và đã nhanh chóng bám rễ vào trong tâm thức người nông dân Việt. Thành Hoàng, gốc là chữ Hán: Thành là cái thành; Hoàng là cái hào bao quanh thành. Hai từ ghép chung lại để đặt cho ông thần giữ thành, ông thần này không có thực như người ta lầm tưởng.

Xưa kia, vua nhà Tấn, là Tư Mã Diêm, nhận thấy quần thần không trung thành với vua, không nhân đức trong việc cai trị dân chúng, nên cho vẽ hình tượng Quán Âm, là bực trung thần của Vua Cao Tổ nhà Hán, đem treo nơi các công sở cho quần thần noi theo. Không ngờ, về sau sự việc được truyền khẩu, phát tán khắp trong dân gian, khiến cho sự việc được thần thánh hóa, và tiếp sau đó, các tỉnh phủ châu huyện đều lập miếu thờ Thành Hoàng. Thành Hoàng được vua xét thăng cấp cứ mỗi ba năm một lần, căn cứ vào các số tâu của các làng, xã trình tấu lên vua, tùy theo công trạng đã lập được. Theo tục lệ xưa, Thành Hoàng có ba bậc: Thượng Đẳng Thần, Trung Đẳng Thần và Hạ Đẳng Thần. Các vị Thành Hoàng này được

vua xét thăng cấp lên bậc cao hơn, nếu trong thời gian cai quản các vị đã phù hộ, giúp đỡ nhiều cho đời sống vật chất và tâm linh của dân chúng. Thành Hoàng được người dân quê Việt Nam xem như là phúc thần; đình làng là nơi thờ phụng Thành Hoàng đồng thời cũng là nơi hội họp của các chức sắc trong làng, và còn là nơi sinh hoạt của cộng đồng làng xã.

Do đâu mà từ một cái hào ở ngoài thành của Trung Quốc, trở thành một ông thần không có hình tượng, không họ, không tên, không lai lịch, du nhập qua Việt Nam mà lại được người dân Việt thờ cúng và tôn sùng như một vị thần có quyền ban phúc và canh giữ bảo vệ cho khu vực trong thành của mình? Chúng ta thử tìm hiểu. Vùng đất nam bộ xưa kia là một vùng đất hoang, được cư dân miền ngoài vào khai hoang; họ gặp không ít khó khăn trong quá trình khai khẩn, như: thiên tai, dịch họa, thú dữ hoành hành... do đó, Thành Hoàng đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của người dân. Vì thế, dân chúng lập miếu thờ Thành Hoàng hầu mong được ông thần này giúp cho mưa thuận, gió hòa, giúp gìn giữ làng mạc cho họ được bình yên mà làm ăn sinh sống.

Người dân quê Việt Nam xưa vốn tính chân chất, thật thà, hiền lành và rất dễ tin, cứ cái gì người Trung Quốc thờ là người Việt thờ theo. Trải qua nhiều đời, nhiều thế hệ, dần dần, cái hào ở ngoài thành của người Trung Quốc trở thành một vị thần tối linh, không thể thiếu vắng trong mỗi làng xã, thôn xóm người Việt. Họ xem Thành Hoàng là vị thần chứng kiến toàn bộ đời sống sinh hoạt vật chất của dân làng, là vị thần bảo vệ, phù hộ cho dân làng làm ăn phát đạt và mạnh khỏe. Thành Hoàng trở thành biểu tượng văn hóa tâm linh của mỗi người dân quê Việt.

Chúng ta nên suy xét lại để xóa bỏ những sai lầm đã tồn tại trải qua bao thế hệ. Đức Chúa Trời là Đấng Chân Thần, là Đấng có đủ quyền phép ban ơn, xuống phước cho con người, là Đấng thật sự có đủ quyền lực gìn giữ, che chở và bảo vệ cho chúng ta mà chúng lại không chịu tin kính, thờ phụng. Thật đáng thương!

12. Thổ Địa

Sách Tả Truyện (hay Tả Thị Xuân Thu), là tác phẩm sớm nhất của Trung Quốc, ghi chép lịch sử phản ánh giai đoạn năm 722 TCN – 468 TCN, có viết: "Xã là chủ thổ địa, phong làm Thổ Công, xưng là Thổ Thần." Kể từ đó trở về sau phát sinh ra việc thờ Thần Thổ Địa. Xã là tên đặt cho một chức quan có nhiệm vụ bình trị và cai quản đất nước. Vậy, người cai quản đất nước lúc ấy là ai? Đó là Câu Long. Sách xưa có viết: "Ông Câu Long vào đời Vua Xuyên Húc, làm quan cai quản đất đai, bình trị đất nước, có nhiều công trạng." Câu Long cũng như những người khác, không thể trường sinh, bắt tử để cai quản đất đai trong nước mãi mãi. Ông cũng phải chết, theo như quy luật sinh tồn trong vũ trụ; chức vụ cai quản đất đai của ông cũng phải giao lại cho người khác. Người đời cạn nghĩ, tôn xưng ông là thần đất, gọi là Thổ Địa, đắp tượng thờ cúng, lại còn đặt ra ngày 23 tháng 3 âm lịch làm ngày sinh của Thổ Địa; điều này thật vô nghĩa và sai lạc vô cùng. Thổ Địa không được vua sắc phong như Thành Hoàng, không được hiện diện trong các ngày lễ tế, nhưng trong tâm thức của đa số người dân Việt, luôn luôn tồn tại một ông thần đất gọi là Thổ Địa, hay "Ông Địa." Người Việt làm tượng ông địa theo hình dạng một ông mập mạp, bụng phệ, ở trần (có nơi đắp tượng ông có mặc áo nhưng phanh ngực ra) trông rất thoải mái, vui tính và dễ dãi, lại rất bình dân; người đời có việc cầu cạnh, khẩn khứa gì cũng chỉ hứa hậu tạ cho ông nài chuối. Trang thờ Thổ Địa được đặt dưới đất và thường thờ chung với Thần Tài. Hoa quả cúng thờ thì tùy gia chủ, ai có cái gì thì cúng cái nấy. Có nhà cúng ông một vài trái xoài, mận, ổi... có nhà thì chỉ cúng cho vài củ tỏi, một

cốc cà phê hay một điều thuốc lá. Có gia đình lập trang thờ riêng trong nhà, có gia đình chỉ cắm cây nhang ngoài góc sân, góc vườn.

Ngoài ra, đối với một số gia đình Việt cổ xưa, thần đất không chỉ đơn thuần là Thổ Địa hay "Ông Địa" như đa số giới kinh doanh đang thờ hiện nay, mà thần đất còn bao gồm: Thổ Công, Thổ Địa và Thổ Kỳ gọi chung là Gia Thần. Trong nhà, ngoài bàn thờ tổ tiên ra, có những gia đình còn lập thêm một bàn thờ nhỏ để thờ Gia Thần. Gia Thần không phải là tổ tiên. Thổ Công là thần trông coi không gian bao quanh gia đình. Thổ Địa là thần long mạch, là mạch đất của gia đình. Thổ Kỳ là thần trông coi việc chăn nuôi, trồng trọt, chợ búa. Thực chất, người Việt xưa thờ Gia thần (bao gồm cả Thổ Địa) là thờ Trời đất vì trong đó có gắn với quan niệm của Đạo Giáo Trung Quốc về ngũ phương (vũ trụ luận về thiên địa, ngũ hành, thuyết về năng lượng, âm dương, chân khí...) Còn bây giờ, người ta thờ Thổ Địa là thờ thần đất với mong muốn được đất ban bố cho mọi thứ. Nông dân thì mong được mùa; người thợ xây đào móng xây nhà hoặc người đào giếng thì cầu mong được Thổ Địa phù hộ cho mọi việc được an toàn, suôn sẻ; người thất lạc đồ đạc cầu mong Thổ Địa tìm giúp cho... Người ta không hiểu rằng: mặc dù đất là nơi sản sinh ra mọi thứ nhu cầu cho con người, song tất cả đều do ân huệ và quyền phép của Đức Chúa Trời. Người không biết trả ơn Đức Chúa Trời mà trả ơn đất, có khác nào người con được cha chia ruộng cho, không mang ơn cha mình lại đi mang ơn ruộng, là điều hết sức vô lý.

13. Phật Thích Ca

Phật (Buddha, tiếng Phạn có nghĩa là người giác ngộ, hiểu được chân lý) họ Thích Ca, tên Tất-đạt-đa, con Vua Tịnh Phạn và bà Ma-da tại Ca-ti-la-vệ (thuộc xứ Nepal ngày nay). Tất-đạt-đa sinh vào ngày 8, tháng 4, năm 563 TCN, nhằm đời Vua Chiêu Vương nhà Châu, Trung Quốc.

Sau bốn lần đi dạo chơi ngoài thành, chứng kiến cảnh sinh, lão, bệnh, tử của người đời, Tất-đạt-đa nhận thấy rằng cuộc đời chỉ là những sự khổ, nên sinh lòng buồn bực, muốn tìm cách thoát khổ. Năm 29 tuổi, Tất-đạt-đa quyết định từ bỏ tất cả: gia đình, vợ con, danh vọng, quyền thế, tiền tài... để tìm đường giải thoát ra khỏi sự khổ. Không thỏa lòng với Ấn Độ Giáo, Tất-đạt-đa lên núi Tuyết Sơn khổ tu 6 năm, nhưng vẫn không đạt được kết quả mong muốn. Sau đó, ông quay trở về bờ sông Ni Liên, ngồi thiền dưới bóng cây bồ đề. Sau 49 ngày thiền định, Tất-đạt-đa tuyên bố đã giác ngộ, đắc đạo và thành Phật.

Thích Ca Tất-đạt-đa mất (giới Phật tử gọi là nhập diệt) năm 80 tuổi. Đệ tử của ông tin rằng ông đã nhập Niết Bàn nên tôn xưng là Phật Tổ, và viết kinh sách lưu truyền giáo lý của Phật, dạy người đời ăn chay, tụng niệm, bố thí, kiêng sát sinh... Từ đó trở đi, đạo Phật phát triển mạnh, có nhiều người tin theo; và cũng theo gương Phật Thích Ca, từ bỏ: gia đình, cha mẹ, anh em, vợ con, bạn hữu... thí phát, đi tu, sống nương nhờ cửa Phật, ăn muối dưa, mặc nâu sòng, không lưu luyến gì đến cõi hồng trần nữa.

Đến đời Vua Minh Đế nhà Hán, đạo Phật truyền bá sang Trung Quốc, để lại nhiều ảnh hưởng không nhỏ. Qua đến đời nhà Đường, từ vua quan cho đến dân chúng đều mê tín đạo Phật. Ông Hàn Dũ, quan Hình Bộ Thị Lang của Trung Quốc, người làng Hà Dương, tỉnh Hà Nam, lo lắng cho hậu vận nước nhà nên dâng tấu sơ khuyên can vua rằng: "Đại chỉ đại nguyên xuất ư Thiên, có nghĩa là: Ý lớn, nguồn gốc lớn đều từ Trời mà ra; vậy thì, cơ sao không thờ Trời mà lại thờ Phật, để hại cho đời sau?" Nhưng thật đáng tiếc! lời thật trái tai nên ông bị đưa đi lưu đày.

Nước ta, đến đời nhà Đinh mới sai sứ sang Trung Quốc thỉnh kinh Phật về thờ. Từ đó cho đến nay, số lượng người tin theo càng ngày càng nhiều, nhưng trải qua nhiều trào lưu, đạo Phật dần dần bị biến thể. Người ta hồ hào quyên góp tiền bạc để xây chùa, cất miếu, dựng tượng, thờ cúng, đúc chuông, và bày vẽ thêm nhiều việc linh tinh, mê tín khác, không có trong kinh sách của Phật; mục đích cầu mong được Phật ban phước, độ trì mà không hiểu biết đến bài thuyết pháp của Phật cho các đệ tử như sau:

"Kìa là mặt trăng, cứ ngó theo ngón tay ta thì thấy, nhưng nên nhớ ngón tay ta không phải là trăng. Những lời ta giảng về đạo cũng vậy. Các người cứ nghe theo lời ta giảng mà tìm đạo, nhưng nên nhớ lời giảng của ta không phải là đạo; theo lời ta dạy tự mình hành trì, tu học để giải thoát; các người hãy dùng trí tuệ để nhận xét những lời của ta rồi hãy tự mình thấp đuốc mà đi."

Xem như thế, chúng ta thấy Phật không nói Phật có quyền phép cứu độ cho ai cả, mà tự mỗi người phải tìm cách cứu lấy mình. Theo giáo lý nhà Phật, loài người có ba cái độc hại gọi là "Tam Độc," tức là: tham, sân, si – tham lam, giận dữ, mê muội. Bất luận người nào muốn đạt đến Niết Bàn đều phải tự mình diệt được ba cái độc hại ấy. Ngón tay của Phật chỉ mặt trăng cho người ta hướng đến chứ ngón tay của Phật không phải là mặt trăng. Phật là người chỉ đường cho người ta đến với sự giải thoát chứ Phật không phải là Đấng giải thoát người ta ra khỏi sự khổ. Hiểu chính xác hơn, Phật là một giáo chủ dạy triết lý, luân lý và đạo đức, vì thế, Phật không có quyền phép độ trì cho ai được cả. Phật cũng như một bác sĩ kia, sau khi khám cho bệnh nhân, cho biết rằng: "Anh mắc phải ba căn bệnh chết người, đó là tim, gan và phổi." Bệnh nhân rất lo sợ và xin được chữa trị, nhưng vị bác sĩ đó lại nói: "Tôi không có cách gì cứu chữa anh được, anh phải tự điều trị cho mình dứt bệnh thì anh sẽ được khỏe lại và bình an." Nghe như thế, chắc là người bệnh phải rất đau khổ và thất vọng biết bao! Hoặc có người kia đang vỡ nợ, quan tòa gửi giấy gia hạn cho, trong thời hạn ngắn phải mang trả đủ số nợ gốc và tiền lãi, mới được bình yên vô sự, nếu không, sẽ thi hành luật pháp mà phạt tù. Tiếc thay! Số nợ quá lớn mà số tiền tích lũy không đủ, làm thế nào trả cho hết nợ? Cũng như thế, việc thiện tích lũy trong đời ít hơn việc ác đã tạo. Số ngày của cuộc đời dài thêm bao nhiêu ngày thì việc ác cũng gia tăng theo; bây giờ mang số vốn thiện ít ỏi của mình để trang trải cho số nợ tội ác quá lớn thì sao cho đủ? Điều này không thể thực hiện được. Như vậy, giáo lý nhà Phật dạy những điều mà suốt cả kiếp này sang qua nhiều kiếp sau, (hiểu theo triết lý của đạo Phật là một người có nhiều kiếp sống), con người cũng không bao giờ thực hiện được.

Người đời xây chùa, dựng miếu thờ cúng Phật nhưng cũng không biết rằng Phật đã dạy đệ tử:

"Này Ananda, không phải như vậy là tôn trọng, kính cẩn, sùng bái, làm về vang Như Lai đâu. Bất luận vị tỳ khưu nào, bất luận vị tỳ khưu ni hay thiện nam, tín nữ nào hành đúng theo Giáo Huấn, phẩm hạnh trang nghiêm, đời sống chân chính, là người tôn trọng, kính cẩn, sùng bái và làm về vang Như Lai theo cách cao thượng nhất. Như vậy, này Ananda, con phải chuyên cần tu tập, hành động đúng theo Giáo Huấn, phẩm hạnh trang nghiêm, sống đời chân chính."

Phật Thích Ca cũng không nói rằng mình có quyền giáng họa hoặc ban phúc cho ai, những việc làm như trên là không thực hiện đúng theo giáo huấn của Phật. Phật vốn xuất thân là hoàng tử con vua, có chí khí lớn, chấp nhận từ bỏ giàu sang, vinh hiển để đi tìm đạo. Chí khí rất cao quý đáng cho chúng ta nể phục! Nhưng dù sao, Phật cũng chỉ là một trong số những con người thọ tạo. Phật vẫn phải khuất phục trước mạng Trời và cuối cùng cũng vẫn không thoát khỏi vòng sinh tử như tất cả mọi người khác. Phật không có khả năng tự cứu lấy

mình khỏi cái chết thì Phật cũng không có khả năng tế độ cho người khác như người ta mong muốn.

Kinh Phật có chép: Lúc tám tuổi, Phật được vua cha đưa đến Thiên miếu cúng bái Trời. Như vậy, bản thân Phật cũng còn phải quy phục dưới mạng Trời, thì tại sao chúng ta không noi gương ấy mà thờ lạy Đức Chúa Trời cho hợp lẽ?

Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng Tạo dựng ra vũ trụ và muôn loài trên đất mới có quyền ban phước, tha tội, cứu vớt mọi sinh linh. Ngài yêu thương nhân loại hơn cả người cha yêu thương con cái mình, cho nên, Ngài không muốn bất cứ người nào phải chết. Vì biết loài người không có khả năng tự giải thoát khỏi tội lỗi, cho nên, Ngài bèn lập ra một phương án cứu rỗi, vừa thể hiện được sự công bình mà cũng vừa thể hiện được tình thương yêu của Ngài đối với nhân loại. Đó là Đức Chúa Giê-xu Christ, là Đấng bằng lòng đổ huyết trên thập tự giá để chuộc tội cho loài người, và người nào ý thức được mình là con người tội lỗi, bằng lòng xưng nhận tội trước Đức Chúa Trời và tin nhận rằng Đức Chúa Giê-xu Christ đã đền tội thế cho mình, đồng thời chấp nhận Ngài làm Cứu Chúa thì sẽ được tha thứ mọi tội lỗi. Điều đó ví như người mang nợ đã được xóa nợ, bệnh nhân đã được chữa trị đúng phương pháp, người đang bị đắm chìm giữa biển khơi được con tàu cứu vớt.

Kính mời quý độc giả bỏ chút thời gian đọc hết sách này sẽ biết rõ phương án cứu rỗi duy nhất ấy.

14. Thuyết Luân Hồi

Dã nhân là một loài thú chạy, chim anh vũ là loài chim bay. Loài vật không thể nào sánh được với loài người vì giữa hai loài có một khoảng cách rất xa, đó là: loài người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và được Đức Chúa Trời ban cho quyền cai quản muôn vật. Thánh Kinh, sách Sáng-thế-ký, chương 1, câu 27 và 28, chép: *"Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ. Đức Chúa Trời ban phước cho loài người và phán rằng: Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị loài cá dưới biển, loài chim trên trời cùng các vật sống hành động trên mặt đất."* Sách xưa có câu: "Thiên sinh vạn vật, duy nhân tối linh." Có nghĩa: Trời sinh ra muôn vật nhưng chỉ duy có loài người là thiêng liêng nhất. Thế nhưng, triết thuyết nhà Phật cho rằng có sự luân hồi là điều khó chấp nhận.

Đức Chúa Trời đã lấy đất nặn nên hình người, hà sinh khí vào lỗ mũi, người trở thành một giống loài mang hình ảnh của Đức Chúa Trời; nghĩa là giống như Đức Chúa Trời trong tâm thần. Nhờ đó, người có thể nhận biết Đức Chúa Trời, thờ phượng Ngài và tương giao với Ngài. Từ đó về sau, loài người theo quy luật Đức Chúa Trời đã sắp đặt mà sinh sản, lưu truyền nòi giống, có xác thịt, có linh hồn và tâm thần. Linh hồn là bản ngã của mỗi người với các chức năng: cảm xúc, suy luận và quyết định. Tâm thần là hình ảnh của Đức Chúa Trời trong mỗi người với các chức năng: nhận thức thế giới thần linh, nhận thức tiêu chuẩn thánh thiện, đạo đức của Đức Chúa Trời, và có đức tin vào Đức Chúa Trời. Khi loài người chết, xác thịt từ đất mà ra nên phải trở về với bụi đất, tâm thần về lại nơi Đức Chúa Trời, nhưng linh hồn thì chờ ngày thể xác phục sinh rồi ứng hầu trước Đấng Tạo Hóa để đón nhận sự phán xét hoặc thưởng, hoặc phạt. Loài vật thì không được như vậy, vì chúng không mang hình ảnh của Đức Chúa Trời, nên khi chết, xác và hồn đều bị phân hủy, không có việc đầu thai hoặc chuyển kiếp theo như thuyết luân hồi của nhà Phật đã đề xướng. Ngoài ra, Đức Chúa Trời cũng đã quy định các giống loài phải sinh sản tùy theo loại, và Ngài cũng ban phước cho loài người

sinh sản thêm nhiều và đầy dẫy trên mặt đất. Xem như thế, không thể nào có việc luân hồi hay chuyển kiếp được.

Theo luận thuyết của nhà Phật: "Khi một người chết đi, nếu làm lành sẽ được sinh lại làm người, còn kẻ làm ác phải chuyển kiếp, sinh làm súc vật." Nhưng trong thế gian, người thiện ít hơn người ác, căn cứ theo lập luận ấy, sợ rằng chỉ trong vòng 100 năm, loài người phải bị xóa sổ, không còn hiện diện trên mặt đất này nữa! Cũng theo thuyết nhà Phật: "Đời này ăn bốn lạng thịt, kiếp sau phải bỏ ra nửa cân." Trên cõi đời, số người ăn thịt nhiều hơn kẻ không ăn, như thế, một người trong suốt cả cuộc đời của mình, đã ăn không biết bao nhiêu là thịt, nếu phải trả số nợ ấy thì trả đến kiếp nào mới xong? Sợ rằng loài người phải bị tuyệt diệt! Phương chi, các người hiền đời xưa đều có ăn thịt, có lý nào giờ đây tất cả những vị ấy đều đã hay đang làm súc vật để trả nợ?

Có người hỏi: Nếu không có luân hồi, tại sao có kẻ giàu, người nghèo, kẻ sang người hèn?

Đáp: Phải biết rằng, mỗi người đều có một hoàn cảnh, một thân phận khác nhau trên đời. Ông Mạnh Tử có nói: "Không có người làm quan, lấy ai cai trị người làm ruộng? Không có người làm ruộng, lấy ai nuôi sống người làm quan?" Đó là ý nghĩa thông thường trong xã hội, không liên quan gì đến việc luân hồi, chuyển kiếp? Người nào đặt lòng tin nơi Cứu Chúa Giê-xu, biết làm việc lành, dù ở trong hoàn cảnh nghèo hèn, nhưng tâm trí được bình an, lúc chết linh hồn được trở về cùng Đức Chúa Trời; người nào nghịch mạng Chúa, làm điều ác, dù được sống trong vinh hoa phú quý đời này, nhưng sau khi chết linh hồn phải sa xuống hỏa ngục; như vậy, sự giàu sang hay nghèo hèn trong đời này có đáng để chúng ta phải lưu tâm hay không? Mong rằng quý vị thông hiểu nguồn cội của loài người và muôn vật để có được sự hiểu biết đúng đắn về thuyết luân hồi mà không bị lầm lạc.

15. Quan Âm

Trong đạo Phật, có hai người được xưng là Quan Âm :

1. Quan Âm Diệu Thiện: nguyên là Quan Thế Âm hay là Quán Thế Âm, các đời trước có tục lệ kỵ húy, do tránh chữ "Thế" trong tên vua nhà Đường là Lý Thế Dân nên gọi là Quan Âm. Tranh tượng Quan Âm được trình bày dưới nhiều hình dạng khác nhau, nhưng phổ biến nhất là hình dạng một Bồ Tát có nghìn tay, nghìn mắt. Tại Việt Nam và Trung Quốc, Quan Âm được diễn tả dưới hình dạng người phụ nữ. Theo truyền thuyết được truyền khẩu trong dân gian Việt Nam, Quan Âm Diệu Thiện là con gái thứ ba của vua nước Hưng Lâm thuộc Ấn Độ, tên Linh Ưu, niên hiệu Diệu Trang; vì từ chối việc kết hôn nên xuất gia đi tu ở Chùa Bạch Tước. Vua cha nổi giận liền đốt chùa; bà Quan Âm, tức là Diệu Thiện, ngồi chết ở trên hoa sen, tay cầm cành dương rưới nước. Người đời truyền tụng bà đã hóa thân thành Phật, có khả năng cứu khổ, cứu nạn.

2. Quan Âm Thị Kính: theo sự tích được truyền bá trong dân gian Việt Nam, đầu thai và tu hành được 9 kiếp, đến kiếp thứ 10 đầu thai vào làm con gái một gia đình họ Mãng, nước Cao Ly (hiện tại là Triều Tiên), được gả cho Thiện Sĩ, con gia đình họ Sùng. Vì bị hàm oan tội giết chồng nên phải trở về nhà cha mẹ, sau đó, bà cải nam trang, xuất gia đi tu, lấy pháp danh là Kính Tâm. Vì dung mạo xinh đẹp nên bà bị Thị Mầu, con gái một trưởng giả giàu có trêu ghẹo. Không được đáp tình, Thị Mầu vu cáo cho bà là cha của con mình. Sau khi chết, bà mới được giải oan. Người đời cũng xưng tụng bà là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Phụ nữ thường nhẹ dạ, cả tin nên tin rằng bà Quan Âm có phép cứu khổ, cứu nạn. Nhà chùa đúc tượng, xưng là Quan Âm Bồ Tát để mọi người cúng bái, cầu tài, cầu phước. Hậu quả là nhiều người mê tín, tin theo không suy xét thật giả; người hiếm muộn thì cầu khẩn Quan Âm bằng con, người đau khổ hoạn nạn thì cầu Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay. Đáng buồn thay! Chỉ duy nhất một Đấng có đủ quyền phép cứu khổ, cứu nạn, đó là Chúa của trời, đất, muôn vật; sao không tìm cầu Ngài, mà lại đi cầu khẩn Quan Âm vốn là người "hữu danh vô thực," chỉ là một truyền thuyết mê hoặc người nhẹ dạ?

16. Diêm Vương

Trong huyền thoại Phật Giáo: Diêm Vương là vua cai quản cõi âm, nguyên là vua nước Vệ-xá-li (thuộc Ấn Độ). Trong một chiến trận đẫm máu, ông ước nguyện làm vua địa ngục, quả nhiên, được tái sinh làm Diêm Vương.

Kinh Địa Tạng của đạo Phật mô tả: địa ngục có mười tầng, mỗi tầng có một Diêm Vương cai quản, đó là: Tần Quảng Vương, Sở Giang Vương, Tống Đế Vương, Ngũ Quang Vương, Diêm La Thiên Tử, Biện Thành Vương, Thái Sơn Vương, Đô Thị Vương, Bình Đẳng Vương và Chuyển Luân Vương. Diêm Vương ở mỗi điện có quyền hạn và nhiệm vụ khác nhau và riêng biệt.

Theo Cao Đài Từ Điển: Sự tích Thập Điện Diêm Vương (vua mười tầng địa ngục) là căn cứ theo Kinh Ngọc Lịch, từ đời nhà Thanh bên Trung Quốc truyền sang nước ta. Mười Diêm Vương này nằm dưới quyền quản trị của Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Những luận thuyết về cõi địa ngục, Diêm Vương, Thập Điện Diêm La trong đạo Phật phần nào được mô phỏng theo hình ảnh các quan nha trên thế gian. Phật Giáo đã tích hợp các quan niệm dân gian về cõi người chết một cách có hệ thống để đưa vào kinh sách. Kinh Địa Tạng mô tả những tầng, những cảnh trừng phạt tội ở địa ngục với mục đích khuyến khích người ta làm điều thiện, răn đe người ta phải tránh điều ác.

Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo dựng nên vũ trụ và muôn loài, muôn vật trên đất. Ngài cũng dựng nên Thiên Đàng để tiếp nhận người ăn năn tội, tin nhận sự cứu rỗi của Ngài; dựng nên hỏa ngục để giam giữ và trừng phạt kẻ ác. Việc thưởng phạt tùy theo ý chỉ công minh của Ngài, không ai can thiệp được. Còn những chuyện tích về Địa Ngục, Diêm Vương chẳng qua chỉ do con người tạo dựng nên, nhằm mục đích khuyên răn người đời sống hướng thiện, tránh làm điều ác mà thôi.

Kinh Thi chép rằng: "Sợ oai Trời," và cũng có viết: "Lớn thay là Trời!" Vậy, xin quý vị hãy kính sợ chỉ duy nhất Đức Chúa Trời, là Đấng thưởng phạt công minh và là Đấng cai quản sự sống chết của loài người.

17. Bà Chúa Ngọc và Bà Liễu Hạnh

Ở nước Việt Nam ta, miền bắc thường thờ bà Liễu Hạnh Công Chúa, miền nam thờ bà Chúa Ngọc.

Truyện tích của hai bà này như sau:

Bà Chúa Ngọc còn gọi là Bà Thiên Y A Na mà người Chăm tôn thờ. Tục truyền rằng: Xưa kia, ở núi Đại An, có hai vợ chồng tiểu phu trồng được một rẫy dưa; vì thường bị mất trộm nên ông để tâm rình rập và bắt được thủ phạm là một cô gái nhỏ mồ côi, xinh đẹp. Vì

không con nên ông bắt đưa về nhà nuôi, mà không ngờ cô gái ấy vốn là một tiên nữ bị đọa, không hiểu vì lý do gì mà phải giáng trần.

Được một thời gian, cô gái buồn nhớ cảnh tiên xưa nên lấy đá và hoa lá tạo thành một hòn non bộ. Người cha nuôi cho rằng, việc làm đó không thích hợp đối với một người con gái nên nặng lời quở mắng. Cô gái liền nhập thân vào một khúc gỗ có mùi thơm đang trôi trên sông. Khúc gỗ trôi dạt ra Bắc Hải và tấp vào bờ biển Trung Quốc, tỏa hương thơm lan ra khắp vùng. Dân làng đến xem rất đông nhưng không người nào nhắc nổi khúc gỗ. Thái tử Trung Quốc nghe tin đồn, liền đến xem và nhẹ nhàng nhắc được khúc gỗ mang về. Sau đó, khúc gỗ lại biến hóa thành nàng con gái, rồi cùng thái tử kết làm vợ chồng. Khi được mấy con, nàng lại nhớ chốn cũ nên cùng các con nhập trở lại vào khúc gỗ nam, vượt biển trở về cố quốc. Lúc đó, cha mẹ nuôi đã chết, nàng bèn xây đắp mồ mả và sửa sang lại nhà cửa làm nơi thờ tự hai ông bà.

Trở về làng xưa, bà thấy dân chúng làng Đại An còn quê mùa, chất phác nên mang những điều học hỏi được ở quê chồng về dạy dỗ dân quê mình. Bà dạy cho dân biết phép tắc, lễ nghi; dạy cho dân phương cách để mưu sinh, như: cày cấy, kéo sợi, dệt vải... Sau đó ít lâu, bà cùng với hai con cỡi chim hạc trở về cõi tiên. Để tưởng nhớ công đức của bà, dân làng lập miếu thờ tự và tôn xưng là Thiên Y Thần Nữ.

Bà Liễu Hạnh, theo truyền thuyết: đời thứ nhất, bà là con của Thái Ông họ Phạm, hiệu là Huyền Viên và Thái Bà hiệu là Thuần. Hai ông bà cùng là người thôn Quảng Nạp, xã Vĩ Nhuế, huyện Thái An, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam. Đời thứ hai, bà là con gái ông Lê Thái Công, tên là Đức Chinh, người xã Vân Cát, huyện Vụ Bản, phủ Nghĩa Hưng. Đời thứ ba, bà được sinh ra tại xã Tây Mỗ, huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa; lấy chồng họ Mai, sinh được một người con trai, được một năm thì quay trở về cõi tiên. Về sau, bà được Ngọc Hoàng cho phép giáng xuống cõi trần, thường xuyên tiêu dao khắp nơi và được miễn vòng sinh tử luân hồi.

Trên đây chỉ là những mẩu chuyện hoang đường, vô lý được truyền tụng trong dân gian. Bà Chúa Ngọc là người có xác, có thịt sao có thể nhập vào khúc gỗ? rồi lại từ khúc gỗ biến hóa trở lại thành người thật để kết hôn với thái tử, sau đó lại cùng với hai con tái nhập trở lại vào khúc gỗ để trở về cố quốc? Đây chẳng qua chỉ là câu chuyện đồng bóng, mơ hồ ở chốn thôn quê gần miền biển.

Còn bà Liễu Hạnh, bất quá cũng chỉ là một người phụ nữ bình thường như tất cả những người phụ nữ khác; cuộc đời của bà cũng không có gì khác hơn việc lấy chồng, sinh con, rồi chết. Chẳng qua thân phụ của bà vốn mê tín thuyết luân hồi, nằm mơ thấy con mình là công chúa giáng trần, hoặc bày chuyện ra để nâng cao giá trị của con gái mình; câu chuyện được đồn thổi, lan tràn dần thành truyện tích.

Phụ nữ vùng thôn quê, đa số đều mê tín nên tôn xưng bà Liễu Hạnh là Thánh Mẫu, là chúa tiên độ mạng. Phụ nữ miền Nam xưng bà Chúa Ngọc làm mẹ sanh, gọi là bà Cửu Thiên Huyền Nữ, và cũng lập trang thờ cúng. Thật sai lầm lắm! Chỉ có Đức Chúa Trời, là Đấng cầm quyền sinh tử, tại sao không cầu khẩn Ngài độ mạng và cứu linh hồn cho các bà mà lại đi cầu khẩn hai người phụ nữ trong câu chuyện hoang đường?

18. Đạo Nho và Đạo Tin Lành

Hỏi: Theo những lời giảng luận như trên thì đạo Tin Lành là đạo đúng đắn, nhưng đạo Nho cũng là đạo chân chính, không đáng theo hay sao mà phải theo đạo Tin Lành?

Đáp: Nho Giáo, còn được gọi là Khổng Giáo. Người sáng lập ra Nho Giáo là ông Khổng Tử, còn gọi là Khổng Phu Tử, sinh năm 551 TCN, là một nhà hiền triết người Trung Quốc. Khi luận về đạo, Khổng Tử có nói rằng: "Trời mạng gọi là tánh, noi tánh gọi là đạo." Khi dạy thầy Tử Hạ về Trời là Đấng Chủ Tể, thì Khổng Tử nói rằng: "Chết sống có mạng, giàu sang tại Trời."

Nho Giáo được người Trung Quốc tin theo như là một tôn giáo, nhưng trong hệ thống các kinh điển của Nho Giáo, hầu hết viết về xã hội và những kinh nghiệm lịch sử Trung Hoa, ít đề cập đến các vấn đề về thần học hay duy linh. Khổng Tử soạn ra sách "Luận Ngữ" và "Ngũ Kinh," dạy đạo đức làm người. Ông dạy nhiều điều đáng làm mẫu mực cho nhân quyền, xã hội; nhưng khi có kẻ nghịch mạng Trời làm ác, ông không có quyền biến cải họ ra người lành để làm trọn những lời dạy dỗ quý báu ấy. Và lại, muốn hiểu cho tường tận lý lẽ ấy, cần phải xét rõ ý nghĩa của chữ Nho. Nho là một từ ngữ dùng để gọi những người có học vấn, hiểu biết nhiều về các lễ nghi, phép tắc, đạo đức cổ kim, và biết phân biệt đúng sai. Khổng Tử, Mạnh Tử và các bậc thánh đế, minh vương đời xưa cũng chỉ thờ Trời mà thôi. Ngoài ra, không thờ tà thần hay giả thần nào khác, đó mới chính là đạo Nho thật.

Đạo Nho thời bây giờ, đa số đọc sách thánh hiền nhưng không thực hiện theo, mỗi người cứ hành xử theo cách mình cảm nhận, điều gì, việc gì cũng có thể tin được, không biết phân biệt điều hợp lý và vô lý, cứ mãi xu hướng theo thế tục: đốt nhang đèn, vàng bạc, làm chay, cúng kiếng cầu phước, cầu lợi trước các tà thần, giả thần. Những người như thế mà xưng là Nho, thì chỉ có làm mất giá trị đạo Nho của bậc thánh hiền đời xưa mà thôi!

Xem như thế, Nho Giáo không phải là một tôn giáo mà chỉ là những xu hướng biện luận về xã hội, chính trị và đạo đức. Trong khi đó, Đức Chúa Giê-xu là Con Một của Đức Chúa Trời; sự dạy dỗ của Ngài vượt lên trên các bậc thánh hiền. Lời của Ngài là lời sống và linh nghiệm, có quyền thay đổi lòng người, khiến họ biến cải từ người xấu ra người tốt. Hơn nữa, Ngài đã hy sinh thân mình trên cây thập tự, làm giá chuộc tội cho những ai có lòng tin vào ơn cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Ngài cũng đã từ kẻ chết sống lại, nên có đủ quyền lực tha tội cho mọi kẻ tin cậy Ngài và ban cho họ sự sống lại cùng sự sống đời đời.

Xét kỹ, Khổng Tử là một nhà hiền triết dạy đạo đức, chính trị ở đời; còn Đức Chúa Giê-xu là Cứu Chúa của cả nhân loại. Như vậy, những người nào đã học đạo Nho để biết cách đối xử ở đời, biết cách sống thế nào cho đúng lễ, nghĩa, phép tắc, thì giờ đây cần phải tin Đức Chúa Giê-xu, vì đó là phương cách duy nhất để linh hồn được cứu.

Chúng tôi theo đạo Tin Lành được Chúa làm thay đổi con người, không mê tín dị đoan, không u mê theo tà thuyết. Chúng tôi vâng phục Lời Chúa, đi theo con đường chính đáng, xem tất cả mọi người trong thiên hạ như anh em một nhà, yêu thương, hòa thuận; cùng khuyên bảo nhau làm điều lành, can ngăn nhau làm điều sai trái và đồng một lòng thờ kính một Chúa là Chân Thần và duy nhất. Điều trên hết mà chúng tôi nhận được, đó là: sự bình an thiên thượng trong lòng và sống một đời sống vui vẻ trong tâm linh cho đến lúc lìa khỏi trần thế, linh hồn được lên thiên đàng, tận hưởng sự sống đời đời. Vậy, mong quý vị hãy mau tỉnh thức, hết lòng ăn năn tội, quay trở về cùng Chúa Thánh, là cội nguồn mà từ đó chúng ta đã sinh ra, mà tiếp nhận đạo Tin Lành, chắc chắn quý vị sẽ nhận được ơn cứu rỗi.

19. Thờ Lạy Ông Khổng Tử

Hỏi: Nghe những lời các ông nói, biết rằng các ông có học sách Khổng Tử, các ông lại tự xưng mình là Nho thật, như thế tại sao các ông không thờ lạy Khổng Tử?

Đáp: Khổng Tử, tên là Khâu, tự Trọng Ni, viết sách để khuyên răn, giáo dục người đời phải biết lấy lòng kính sợ Trời, chứ không bảo chúng ta phải thờ lạy ông. Cũng như ông đã nói: "Giao xã chi lễ, sở dĩ tự Thiên Chúa dã," có nghĩa: Lễ tế giao, tế xã là để thờ Đức Chúa Trời, chứ ông không hề nói: "Để mà thờ ta." Và ông cũng có nói: "Hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã." Nghĩa là: Mắc tội với Trời thì không cầu đảo ở đâu được nữa. Vậy thì, Khổng Tử vẫn một lòng kính sợ Đức Chúa Trời biết bao! Và ông cũng đã viết trong sách Luận Ngữ: "Thiên sanh đức ư dư." Ông Khổng Tử cũng là do Trời sinh, sao quý vị không thờ lạy Trời, tức là Đức Chúa Trời, mà lại thờ lạy ông Khổng Tử?

Có người nói rằng: Vì Khổng Tử là thầy của muôn đời nên phải thờ lạy Khổng Tử!

Trong lịch sử văn hóa nước Trung Quốc có một giai thoại như sau: Khổng Tử, trên đường đi qua nước Tản, đã gặp Hạng Thác, một cậu bé sáu tuổi rất thông minh. Qua đối đáp, Khổng Tử đã không sao đối đáp lại nên tôn cậu bé làm thầy và than rằng: "Hậu sinh khả úy," có nghĩa: lớp sinh sau thật đáng sợ. Sách Tam Tự Kinh chép rằng: "Trích Trọng Ni, sư Hạng Thác." Nếu đã thờ lạy Khổng Tử thì phải thờ lạy thầy của Khổng Tử nữa. Cứ như thế mà truyền mãi lên, biết đến bao giờ mới tận? Tại sao không thờ một Thầy Cao Cả, trên tất cả các thầy khác của thế gian là Đức Chúa Trời?

Nếu ông Khổng Tử còn sống, chắc đã phải cùng với Thánh Phao Lô mà la lên khi thấy con người thờ lạy mình, rằng: "*Các ông ơi, sao các ông làm điều đó? Chúng tôi chỉ là người, có tánh tình như các ông; chúng tôi giảng Tin Lành cho các ông, để các ông xây bỏ điều hư không này mà trở lại cùng Đức Chúa Trời Hằng Sống, là Đấng dựng nên trời, đất, biển và muôn vật ở trong đó*" (Công vụ các Sứ Đồ 14:15).

Chúng tôi xem trọng lời dạy dỗ của Khổng Tử và thờ lạy Đức Chúa Trời. Còn đối với Khổng Tử, chúng tôi chỉ có sự kính trọng mà thôi; vì thờ lạy Khổng Tử là phạm tội với Đức Chúa Trời và mắc lỗi với cả chính ông nữa.

20. Thờ Lạy Tổ Tông

Hỏi: Biết rằng Đức Chúa Trời là Đấng đáng để chúng ta thờ lạy rồi, nhưng tổ tông là những người đã sinh thành chúng ta, chúng ta cũng không nên quên, như lời thầy Tăng Tử (học trò của Khổng Tử, tên Tăng Sâm tự là Tử Dư, người nước Lỗ) có nói: "Thận chung truy viễn, dân đức quý hậu hĩ." Nghĩa là: Cần thận việc chôn cất tổ tiên, dân sẽ cảm hóa đức dày của mình mà quay về đạo hiếu. Giờ đây, các ông không thờ tổ tông là vì sao?

Đáp: Muốn hiểu tường tận ý nghĩa của việc thờ lạy tổ tông, trước hết chúng ta phải hiểu rõ nghĩa chữ tổ tông là gì? Chữ tổ: nguyên nghĩa là "bổn" tức là cội; tông là "côn" tức là rễ; Như vậy, cội rễ của loài người gọi là tổ tông. Nếu từ bản thân ta mà tính ngược lên cho đến nguyên tổ, thì ai đã sinh ra nguyên tổ của loài người? Câu trả lời cuối cùng: Đó là Trời sinh ra. Vậy, đã biết Đức Chúa Trời là Cội Rễ và Tổ Tông của loài người thì thờ kính Đức Chúa Trời tức là thờ kính tổ tông, không thờ kính Đức Chúa Trời tức là quên bỏ tổ tông vậy.

Sách Nho có câu: "Mộc hữu bổn, thủy hữu nguyên." Nghĩa là: Cây có cội, nước có nguồn. Cây không cội không sanh ra nhánh lá, nước không nguồn thì cạn dòng. Loài người, nếu không có nguyên tổ thì có đâu mà sinh sản được cho đến ngày hôm nay? Quý vị thờ lạy tổ tông được bao nhiêu đời? Trong mỗi gia đình, nếu có thờ thì cũng chỉ thờ được đến hai ba đời, thờ trong dòng họ thì nhiều lắm cũng chỉ được đôi mươi đời. Vậy thì, trước đôi mươi đời đó, lẽ nào không có tổ tông hay sao? Nếu không có tổ tông xa, ai là người sinh ra tổ tông gần? Thế mà quý vị chỉ thờ tổ tông gần còn tổ tông xa thì bỏ qua, như vậy có phải đạo không?

Chúng ta không thể nào thờ được đủ tất cả các đời tổ tông của loài người. Vả lại, Đức Chúa Trời đã ban điều răn cho loài người là: Ngoài Ngài ra, loài người không được thờ lạy thần nào khác. Cho nên chúng tôi chỉ thờ duy nhất Đức Chúa Trời, là Tổ Tông trên tất cả các tổ tông của chúng ta.

Xin được bàn thêm về câu chữ "Thận chung truy viễn." Thận chung nghĩa là khi cha mẹ lâm chung, kẻ làm con phải hết lòng, cẩn thận, trông nom cho cha mẹ qua đời êm ái và phải chôn cất tử tế cho mồ yên, mả đẹp. Truy viễn nghĩa là tưởng nhớ công ơn và noi theo lời dạy bảo của tổ tông, cha mẹ. Quý vị chỉ thờ tổ tông đôi mươi đời, không gọi là truy viễn được. Muốn truy viễn, phải truy đến Cội Rễ của loài người. Cội Rễ ấy là ai? Là Đức Chúa Trời vậy. Vả lại, quý vị mang sự cúng giỗ xem như để tỏ lòng hiếu kính tổ tông, nhưng thật đáng tiếc, khi cha mẹ còn sống, nhiều người mãi mê lo toan các sự việc ngoài đời mà không quan tâm đến cha mẹ già yếu, bỏ quên cha mẹ ở nhà: mưa mai không biết, nắng chiều không hay, thức ăn ngon ngọt cũng không nhớ mà cho ăn, đạo nghĩa làm con cũng không tròn! Một mai cha mẹ lìa trần, xác thân liệm cứng vào áo quan, quý vị đốt nhang đèn nghi ngút, giấy tiền vàng bạc đốt cả xấp, giết bò, mổ heo đặt trước quan tài rồi khấn vái: "Vong hồn cha mẹ có sống khôn, thác thiêng, về mà hưởng của lễ này." Làm như thế, quý vị nghĩ rằng tỏ lòng hiếu thảo; thật ra, không có chút gì gọi là thảo hiếu trong đó. Vì đồ cúng dọn ra không thấy ông bà nào về ăn mà chỉ thấy có ruồi bu, kiến đậu. Tục ngữ Việt Nam ta có câu: "Sống một miếng chẳng cho ăn, chết làm văn tế ruồi," có ý nghĩa gì không? Nếu thật sự tổ tông có về ăn, nhưng mỗi năm quý vị chỉ cúng tế được một lần, còn những ngày khác, tổ tông chắc phải nhịn đói chờ qua năm sau? Và cũng chỉ cúng được tổ tông gần còn tổ tông xa không cúng thì họ phải chịu đói khát sao?

Chúng tôi theo đạo Tin Lành, trên chỉ thờ duy nhất Đức Chúa Trời, dưới hiếu kính cha mẹ; hằng ngày cung hiến sự cần dùng cho cha mẹ khi cha mẹ còn mạnh khỏe; lo thuốc thang khi cha mẹ đau yếu; quan tâm chăm sóc khi cha mẹ già; đến khi cha mẹ qua đời thì lo chôn cất tử tế, và luôn tạ ơn, nhớ ơn công sinh thành, dưỡng dục. Đó mới chính là "thận chung truy viễn" vậy.

21. Mộc Chủ, Bài Vị

Hỏi: Các ông nói mình thờ Đức Chúa Trời tức là thờ kính tổ tông, mà các ông không lập mộc chủ, bài vị, thì thờ làm sao được?

Đáp: Mộc chủ hay bài vị chỉ là một cái thẻ làm bằng gỗ trên có ghi tên họ và tuổi của người được thờ. Thờ kính tổ tông không phải do ở việc có lập mộc chủ, bài vị hay không, vì bài vị là căn cứ theo tục lệ xưa lưu truyền lại, không phải do mạng lệnh của Chúa. Người xưa, khi tế tổ tiên, dùng cháu làm thần thi, tức người đại diện cho tổ tiên, người đứng tế kính bái thần thi như kính bái tổ tiên. Về sau người ta nhận thấy: lập thần thi thì cha mẹ phải lạy con, anh phải lạy em, như vậy, luân thường đạo lý bị đảo ngược, do đó, người ta thay thế bằng cái thẻ, có thể làm bằng gỗ hoặc bìa giấy cứng, trên thẻ ghi tên và tuổi người chết, gọi là mộc vị. Vậy thì, biết rằng lễ nghi do con người đặt ra nên cũng có thể dễ dàng thay đổi tùy theo thời thế. Cả hai việc lập thần thi và mộc vị đều không nên, nhưng nếu thử phân tích, thì lập thần thi còn hơi có ý nghĩa vì là huyết mạch của tổ tông, chứ còn như mộc chủ, bài vị chỉ là một khúc gỗ vô tri, vô giác, mang ra làm đại diện cho tổ tiên mình thì xem chừng như rất vô lễ?

Không nên lập mộc chủ, bài vị vì như thế chúng ta có thể vô tình xúc phạm đến ông bà tổ tiên của mình. Có những gia đình đặt mộc chủ, bài vị trên bàn thờ nhưng không thường xuyên làm vệ sinh nên bụi bặm bám đầy, mạng nhện giăng bủa, theo thời gian, trở màu đen

đũa, dơ bẩn trông rất thảm thương. Lại có những gia đình: ngày trước, lúc còn giàu có, khá giả thì mua sắm khảm thờ thật đẹp, thật quý, về sau cửa nhà sa sút, nghèo khổ đành phải bán cả khảm thờ, còn mộc vị phải mang đi gửi nhờ nhà bà con, hàng xóm. Chúng tôi là người có đạo thật, chỉ xem những vật ấy như mảnh gỗ vô tri, vô giác, có như thế nào đi chăng nữa cũng chẳng xem đó làm quan trọng; còn như quý vị đã xem mộc chủ, bài vị là nơi vong linh tổ tiên mình nương tựa, trông thấy cảnh tượng ấy, không phải là đau lòng cho ông bà tổ tiên của mình lắm hay sao?

Tổ tông vẫn nên nhớ, nên kính, nhưng chỉ nên kỷ niệm trong lòng mình, không nên lập mộc chủ, bài vị mà thờ.

22. Đốt Giấy Tiền, Vàng Bạc

Hỏi: Biết rằng giấy tiền vàng bạc, khi đốt gửi đi không thể nào biến thành tiền thật được, nhưng phải làm như thế là để thể hiện tấm lòng hiếu thảo đối với các bậc sinh thành, thì có hại chi đâu?

Đáp: Chỉ vì quý vị có những suy nghĩ như thế, cho nên quy tội cho những người theo đạo Tin Lành là bất hiếu, cha mẹ chết mà không đốt được cho một tờ giấy. Như vậy, quý vị xem việc đốt giấy tiền vàng bạc là hiếu, và phê phán chúng tôi không đốt giấy là bất hiếu. Nhưng trái lại, đốt giấy mới thật sự là bất hiếu.

Chúng tôi xin lược kể về tục lệ đốt giấy tiền vàng bạc như sau:

Tục lệ đốt giấy tiền, vàng bạc là một tục lệ xuất xứ từ bên Trung Quốc, lan truyền sang nước ta. Người Trung Quốc thời thượng cổ chôn người chết không có áo quan, không làm mộ phần. Đến đời Vua Hoàng Đế (năm 2679 TCN), vua cho rằng việc chôn cất sơ sài như thế là chưa tròn bổn phận, nên vua mới truyền lệnh cho ông Xích Xương chế tạo ra quan, quách để chôn cất người chết. Về sau, phát sinh thêm việc chế tác các vật dụng bằng đất sét để chôn theo người chết. Trải dài qua các đời, tục lệ này cũng thay đổi dần dần, các loại đồ vật chôn theo cũng đa dạng. Cho đến đời nhà Hán, vua nhà Hán muốn thực hành nghiêm túc lời giáo huấn của Khổng Tử: "Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn." Nghĩa là: xem người chết như người sống, xem người mất như người còn; nên vua ra lệnh: khi vua băng hà, phải bỏ tiền vàng thật vào áo quan cho vua tiêu dùng. Sau đó, các quan và dân chúng học cách làm theo, bọn trộm cắp thừa cơ hội nên đào mộ của người giàu để lấy vàng bạc, châu báu rất nhiều.

Đến đời Nguyên Hưng (105 TCN), có ông Thái Lĩnh chế tạo ra được giấy từ vỏ cây dó và giẻ rách, lưới rách. Ông Vương Dũ, làm quan Thái Thượng đời vua Huyền Tôn, liền nghĩ ra cách dùng giấy chế tạo ra tiền, vàng, bạc, quần áo và các vật dụng khác mang đi cúng tế rồi đốt theo người chết để thay thế cho vàng bạc và các đồ dùng thật trong khi làm tang lễ. Dần dà, người dân bắt chước theo và trở thành tập tục.

Đây là một tập tục của người Trung Quốc xưa du nhập sang nước ta, dân ta chịu ảnh hưởng của nước Trung Quốc lâu đời nên bị nhiễm các thói tục của người Trung Quốc mà không suy xét. Bất nguồn từ việc một ông vua Trung Quốc, thực hiện theo lời dạy của Khổng Tử, xem người chết như người sống mà hình thành nên một hủ tục lãng phí tiền của một cách vô ích, lại còn thiếu trí tuệ, vì ai cũng thừa biết: người chết không có thể xác vật lý thì làm sao sử dụng được những vật dụng của người sống? Hơn nữa, làm như thế là khinh thị người chết, vì tất cả các vật dụng gửi đi đều là đồ giả. Đây là một hủ tục mê tín cần phải loại bỏ trong đời sống tâm linh của người Việt Nam văn minh hiện đại.

Lại cũng có những người đốt giấy tiền không phải xuất phát từ động cơ hiếu thảo, nhưng vì lòng mong nhận được sự đáp trả từ người chết, muốn tổ tông phù hộ cho công việc làm ăn được phát đạt thuận lợi, con cháu sớm thăng quan tiến chức đó thôi. Thiết nghĩ, lúc ông cha ta còn sống, có ông bà cha mẹ nào mà không mong muốn con cháu mình được giàu sang, thịnh vượng? nhưng chưa chắc đã thực hiện được ý muốn. Lắm khi, nhìn thấy con cháu đau ốm sắp chết, trong lòng rất đau xót, nhưng vẫn không biết làm thế nào cứu được. Và lại, khi còn sống, mắt thấy, tai nghe, miệng nói, mà còn không có cách thức gì giúp được con cháu thoát cảnh nghèo khổ, bần cùng; huống chi, một khi đã trở thành người thiên cổ thì còn giúp ích được gì cho con cháu? Sách Luận ngữ của Khổng Tử có câu: "Chết sống có mạng, giàu sang ở Trời," chứ không nói chết sống, giàu sang do đốt giấy tiền.

Cần phải biết rằng, sau khi chết, mỗi người đều phải nhận chịu sự thưởng phạt trước Đức Chúa Trời. Ai tin nhận Đức Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa, thì mọi tội lỗi sẽ được tha và linh hồn được trở về với Chúa; còn nếu ai không tin và nghịch mạng Chúa, sẽ phải xuống hỏa ngục nhận chịu sự trừng phạt vì mọi tội mà mình đã gây ra. Tại nơi thiên đàng an hưởng hạnh phúc đời đời, thì mớ tro giấy ấy chẳng dùng để làm gì; còn ở hỏa ngục là nơi chỉ có sự kêu la, khóc lóc, rên xiết, tro giấy ấy cũng là thứ vô dụng. Và lại, người sống có thể xác vật lý mới phải cần dùng những vật dụng và thức ăn, cần phải dùng tiền để trang trải cho những chi phí sinh hoạt, chi phí để nuôi dưỡng thân xác. Còn một khi đã chết, thân thể chôn sâu dưới lòng đất, còn lại chỉ có linh hồn là thể vô hình không còn hành động gì nữa trong thế giới vật chất, thì thứ tiền giả ấy dùng để làm gì? Như vậy, việc đốt giấy tiền vàng bạc vừa lãng phí của cải xã hội, vừa gây ô nhiễm môi trường, làm mất vệ sinh đường phố, lại còn làm hao tổn tiền của của con cháu. Hủ tục này cần phải được bài trừ.

23. Thế Nào Là Hiếu Thật

Hỏi: Việc thờ cúng tổ tiên là một việc làm tốt, thể hiện tấm lòng hiếu thảo của con cháu đối với các bậc trên trước, tại sao phải bỏ đi?

Đáp: Thầy Tăng Tử, học trò của Khổng Tử, có nói rằng: "Giết trâu tế mộ chẳng bằng giết con gà, con heo lúc cha mẹ sinh tiền." Người chết không có thể xác vật lý nên không ăn uống, không sinh hoạt như người sống. Chúng ta chẳng thể làm gì được cho ông bà, cha mẹ đã qua đời; có làm trâu mổ bò gì cũng là điều vô ích. Muốn thể hiện tấm lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ, việc trước tiên là ghi nhớ công ơn sinh thành, dưỡng dục. Kế tiếp là tôn kính và hiếu thuận, phụng dưỡng chu đáo đang lúc ông bà, cha mẹ còn sống; cho ăn con gà cũng đủ làm vui, hoặc nấu cho món ăn các vị ưa thích. Khi cha mẹ đau ốm thì chăm lo thuốc men chữa trị; khi cha mẹ buồn bã, cô đơn thì năng tới lui, thăm viếng, an ủi. Như vậy, mới thật sự là "hiếu thảo." Đừng làm như những người lúc cha mẹ còn sinh tiền thì đối xử rất tệ bạc, nhưng đến khi cha mẹ qua đời thì làm lễ tang trọng thể, hàng năm tổ chức mâm giỗ linh đình để được tiếng là hiếu, nhưng cũng chỉ để những người sống ăn là chính, như tục ngữ có câu: "Sống một miếng chẳng cho ăn, chết làm văn tế ruồi." Thật lạ lùng lắm. Và lại, hai phần ba dân số trên thế giới không bày tỏ tấm lòng hiếu thuận của họ như chúng ta đã làm, như: đốt giấy tiền vàng bạc tiễn đưa ông bà vào cõi chết, rải giấy tiền vàng bạc đầy đường khi đưa tang (mục đích hồi lộ cho ma quỷ đừng hiếp đáp người mới chết), làm mâm giỗ linh đình hàng năm, làm hàng mã đốt cúng theo cho ông bà dùng... Họ thể hiện tấm lòng hiếu thảo một cách thiết thực hơn, điển hình như người Mỹ, hàng năm, họ dành riêng hai chủ nhật để mừng cha mẹ, là ngày "Lễ Phụ Thân" và ngày "Lễ Mẫu Thân." Mục đích để con cháu ghi nhớ và bày tỏ tấm lòng biết ơn công lao sinh thành, dưỡng dục của ông bà, cha mẹ.

Người theo đạo Tin Lành thể hiện chữ "hiếu" theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời đã ban bố nơi điều răn thứ năm, có kèm theo lời hứa, sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, đoạn 5, câu 16: "*Phải hiếu kính cha mẹ người, hầu cho người được sống lâu và có phước trên đất mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho.*" (Giê-hô-va nghĩa là Đấng Tự Có và Còn Đến Mãi Mãi). Người Tin Lành không làm bàn thờ, thắp đèn nhang nghi ngút hay tổ chức cúng giỗ hàng năm vì người Tin Lành hiểu rằng người chết không về ăn giỗ như người ta tin; mà người Tin Lành chỉ bày tỏ tấm lòng tôn quý ông bà cha mẹ mình qua những hành vi thiết thực hơn, như: đang khi cha mẹ còn sống, phụng dưỡng chu đáo, hiếu thuận cho vừa ý song thân. Nếu cha mẹ chưa tin nhận Đức Chúa Giê-xu, thì việc quan trọng và cần kiết trên hết là phải hướng dẫn cha mẹ đến với Chúa qua hành động biểu lộ tấm lòng yêu thương của mình cho cha mẹ, nêu gương sáng của một con cái Chúa cho những người trong gia đình được biết, và kiên trì khuyên lơn cha mẹ tin nhận Cứu Chúa để linh hồn cha mẹ không phải sa vào hỏa ngục sau khi chết. Khi cha mẹ từ trần, việc tang lễ phải tùy theo hoàn cảnh và tình trạng của mỗi gia đình mà tổ chức cho hợp với lễ phải trong tinh thần cần kiệm, không rườm rà, lãng phí. Không mời thầy bói, thầy tụng xem ngày giờ hoặc tìm long điểm huyết, không nghe những lời bày vẽ mê tín để bày ra những lễ lạc rình rang, tốn kém...

Như vậy, thế nào mới gọi là hiếu thật? Theo lịch sử Việt Nam, trước đời nhà Đinh, tổ tiên của chúng ta cũng chỉ biết thờ "Trời" và hiếu kính cha mẹ theo cách tự nhiên. Về sau này, do chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo khác nhau, kết hợp thêm với những suy luận cá nhân, dẫn đến việc thờ cúng lung tung cùng với đủ thứ lễ lạc rườm rà, gây biết bao nhiêu hao phí tiền của và sức lực của con cháu, như thế, thật không phải là hiếu. Hiếu thật là: nếu cha mẹ là người hiền, chúng ta phải học hỏi và phát huy những mặt tốt của cha mẹ, đó là "đạt hiếu" như Võ Vương đời xưa. Nếu cha mẹ không phải là người hiền, chúng ta cũng phải biết khắc phục và sửa chữa những sai lầm của cha mẹ như Vua Thuấn đời xưa, đó mới là "đại hiếu."

Từ tấm lòng hiếu thảo ấy mà biết đối xử hợp tình hợp lý với anh em mình, giúp đỡ cho họ hàng, dòng tộc mình cùng tiến lên; từ đó nảy sinh thêm những thứ tình yêu bao la hơn và làm nên nghiệp lớn, trở nên người hữu ích cho xã hội và cho đất nước. Như thế, nếu đem so sánh việc hiếu là cúng tế tổ tiên với hiếu này thì sẽ thấy rõ ràng đâu là hiếu thật đâu là hiếu giả.

24. Không Lạy Xác Chết

Hỏi: Nghe qua những lời biện luận của các ông, chúng tôi nhận thấy: việc không thờ một chủ, không đốt giấy tiền vàng bạc là hợp lý. Nhưng khi cha mẹ qua đời, việc khâm liệm đã hoàn tất, con cháu phải lạy quan tài để bày tỏ tình cảm yêu thương, nuối tiếc mới hợp lễ đạo; tại sao các ông không lạy?

Đáp: Sau khi cha mẹ qua đời, linh hồn lìa khỏi thể xác, hoặc vào nước Thiên Đàng để được cứu rỗi, hoặc nếu còn mang tội phải sa xuống địa ngục để nhận chịu án phạt. Còn lại là một thi hài bất động, vô cảm, lạy có ích gì không? Dầu con cháu có lạy mòn đầu gối, thể xác vô tri cũng không cảm nhận được tình cảm ấy mà đáp lại.

Vả lại, lúc cha mẹ còn sống, nếu quý vị muốn lạy, cũng không lạy khi cha mẹ đang ngủ. Vậy, lúc cha mẹ ngủ, linh hồn vẫn còn trong thân thể, quý vị còn chẳng lạy nữa là, huống chi khi chết rồi, linh hồn đã ra khỏi thể xác, xác chết bất động, vô cảm, việc lạy lức có ích gì cho người chết không?

25. Đức Chúa Trời

Hỏi: Các ông theo đạo Tin Lành, thờ kính Đức Chúa Trời; vậy Đức Chúa Trời là ai?

Đáp: Đức Chúa Trời không phải là trời, không phải là đất, không phải lý, không phải khí, không phải tánh, không phải người, không phải vật cũng không phải quỷ thần, mà là Đấng Chủ Tể dựng nên trời đất, muôn vật và loài người. Ngài làm Chúa của muôn dân, Vua của muôn vua, không có khởi đầu cũng không có kết thúc. Ngài là Đấng toàn năng, toàn trí, toàn tri, toàn thiện, toàn tại. Ngài là Đấng Chí Tôn, không gì có thể sánh được với Ngài.

Quý vị cứ thử nghĩ: Con có cha, nhà có chủ, nước có vua, sông có nguồn, thân thể có đầu, cây có rễ. Nếu con không có cha, thì ai là người sinh dưỡng? Nhà vô chủ, lấy ai bảo quản, giữ gìn? Nước không vua, lấy ai cai trị? Sông không nguồn, sông phải cạn kiệt. Thân thể không có đầu, có sống được không? Cây không rễ, chắc chắn cây phải khô héo. Cũng như vậy, nếu không có Đức Chúa Trời, cũng sẽ không có trời đất, loài người và muôn vật. Người có trí xem ngọn biết gốc, xét hậu quả biết nguyên nhân, nên cứ nhìn thấy trời đất, muôn vật và loài người, tự nhiên phải biết có một Đấng Tạo Hóa, tức là Đức Chúa Trời, không điều gì có thể nghi ngờ được.

26. Đức Chúa Trời:

Trọn Tài, Trọn Trí, Trọn Lành

Hỏi: Tại sao có thể nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng trọn tài, trọn trí, trọn lành?

Đáp: Đức Chúa Trời từ trong hư không mà dựng nên trời đất, muôn vật; không cần học mà biết, không dùng tài liệu sách vở, không phải nhọc lòng, phí sức mà chỉ với một lời phán của Ngài thì mọi vật được dựng nên. Ngài phán phải như thế nào thì mọi việc sẽ phải như thế đó. Ngài phán bảo sinh thì sinh ra, bảo chết thì chết, vì thế, tôn xưng Ngài là trọn tài không đúng hay sao?

Đức Chúa Trời không những chỉ dựng nên trời đất, muôn vật, mà còn thông suốt tất cả đặc tính của mọi vật trong trời đất. Vì vậy, Ngài mới có thể bố trí muôn vật theo một trật tự nhất định và ấn định quy luật riêng cho mọi sự vật, sự việc, đồng thời bảo tồn muôn vật được tồn tại, bền lâu. Việc lành, việc dữ trong đời sống của loài người, cùng với những ý tưởng kín giấu trong tận đáy lòng của mỗi người, Ngài đều nhìn thấu suốt, do đó, ta xưng Ngài là trọn trí.

Đức Chúa Trời là căn nguyên của mọi điều thiện, là cội nguồn mọi điều tốt lành, không có khiếm khuyết. Ngài là Đấng tuyệt đối. Tất cả những sự đẹp đẽ, tuyệt diệu của vũ trụ đều bởi Đức Chúa Trời mà đến, cho nên chúng ta xưng Ngài là trọn lành.

27. Đức Chúa Trời Dựng Nên Người Dữ?

Hỏi: Đức Chúa Trời là Đấng trọn lành, tại sao lại tạo ra kẻ ác?

Đáp: Đức Chúa Trời là Đấng Chân Thiện, Ngài phú cho loài người bản tính thiện. Sách "Tam Tự Kinh," tập hợp những tinh hoa của Đạo Nho, đạo Khổng của Trung Quốc, được dùng để dạy cho học sinh khởi đầu việc học tập, có viết: "Nhân chi sơ tính bản thiện," nghĩa là: Lúc ban đầu, người vốn thiện. Thật vậy, Đức Chúa Trời ban cho loài người có lương tri và có sự tự do quyết định về những chọn lựa của mình. Mỗi người đều có quyền lựa chọn điều thiện hay điều ác tùy quyết định của mình. Vì có lương tri, nên con người vẫn biết điều thiện là tốt,

điều dữ là xấu; nếu không có lương tri, thì có ai quan tâm đến việc tu thân, tích đức? Người làm điều ác là do nơi sự lựa chọn điều ác của họ chứ không do Đức Chúa Trời dựng nên họ vốn là như vậy. Cũng như cha mẹ sinh con, ai cũng muốn con mình là người hiền lành, tử tế. Nhưng nếu lỡ có đứa nghịch tử, hung ác, không tuân theo sự dạy dỗ của cha mẹ, ấy là do tự nó, chứ có cha mẹ nào muốn vậy.

Có người lại hỏi: Vì cha mẹ là người trần gian không có quyền phép, nên dù có muốn con nên người tốt, cũng khó thực hiện; nhưng Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng, có việc chi mà Ngài không làm được, tại sao không tạo dựng tất cả loài người đều tốt đẹp, trọn vẹn, đúng như loài người cần phải?

Đáp: Dù Đức Chúa Trời có đủ quyền phép làm được điều ấy, song Ngài tạo dựng loài người là một sinh linh có sự tự do. Ngài không xem chúng ta như nô lệ, hay như những con rối, nên không bắt ép chúng ta phải làm mọi điều theo sự sắp đặt của Ngài. Ngài cũng không đối xử với chúng ta như loài thảo mộc vô tri, đặt nơi nào phải yên vị tại nơi ấy, nói sao nghe vậy. Vì Ngài đã ban linh tánh cho loài người nên Ngài xem loài người cao quý hơn vạn vật. Ngài cho loài người có sự tự do, có ý chí, có quyền tự chủ, có lương tri cho nên loài người được tự do lựa chọn con đường của riêng mình. Và đến ngày cuối cùng, mỗi người trong chúng ta sẽ phải nhận chịu trách nhiệm đối với sự lựa chọn của chính mình; được thưởng hay bị phạt tùy theo những công việc mình đã làm lúc còn tại thế.

28. Chân Thần Sinh Ra Thú Dữ?

Hỏi: Chân Thần là Đấng Trọn Lành, sinh ra muôn vật để nuôi dưỡng loài người, vậy, tại sao lại còn sinh những loài thú dữ, loài rắn độc, loài sâu bọ để làm hại người như vậy?

Đáp: Những loài thú dữ, loài rắn độc và loài sâu bọ tuy có hại cho người nhưng cũng hữu ích cho người. Vì kiến thức của chúng ta còn yếu kém, sự hiểu biết cũng bị hạn chế nên chưa hiểu rõ công dụng của những loài độc hại ấy; chúng ta chỉ mới nhìn thấy mặt hại mà chưa thấy mặt lợi. Ví dụ như: cọp, gấu, rắn rít, bò cạp, đều là những loài thú độc hại nhưng, xương cọp, mật gấu, nọc độc của rắn rít bò cạp đều là những vị thuốc quý hiếm dùng để chữa bệnh. Con tằm cũng là một loài sâu bọ, nhưng từ nó chúng ta có được sợi tơ để dệt vải dùng may mặc quần áo che thân. Tất cả những gì mà Đấng Chân Thần đã tạo dựng nên, đều có mục đích và có tính khả dụng của riêng nó, điều đó thể hiện rõ quyền năng và sự toàn tri của Ngài. Ngài đã tạo dựng nên một ngôi nhà vũ trụ vô cùng xinh đẹp cho loài người cư ngụ, đồng thời, Ngài cũng ban cho loài người đầy đủ những thứ cần dùng. Chỉ vì loài người chưa khám phá được tất cả những gì Đấng Tạo Hóa đã ban cho mình nên chúng ta mới hiểu sai lệch. Cũng như có ánh sáng, không có bóng tối, thì làm sao thành ngày và đêm? Có màu trắng, không có màu đen, thì sao chia được năm sắc màu? Có vị ngọt, không có vị đắng, thì sao chia được năm mùi vị? Do đó, mọi vật, bất luận lớn, nhỏ, tốt, xấu, đều hữu ích cho chúng ta; có loài thú hiền lành để giúp ta làm lành mà được thưởng, có loài thú hung dữ độc hại để nhắc nhở chúng ta không phạm tội để phải bị phạt. Kinh Thánh có chép rằng: "*Vi muôn vật đều là từ Ngài, bởi Ngài, và hướng về Ngài, vinh hiển cho Ngài đời đời vô cùng*" (Rô Ma 11:36).

Vả lại, lúc ban đầu, tất cả các loài thú vật đều từng phục con người, nhưng sau đó, vì loài người phạm tội nghịch mạng cùng Đức Chúa Trời, nên một số thú vật biến đổi ra hung dữ và trở tính làm hại con người. Nhưng sau này, trong Nước Bình An do Đức Chúa Giê-xu thành lập trên mặt đất, các thú dữ sẽ trở lại hiền lành và phục tùng loài người.

29. Một Chúa Cai Quản Cả Trời Đất Muôn Vật

Hỏi: Theo như các ông nói, chỉ có một Đức Chúa Trời. Vả lại, trời đất bao la như thế, muôn vật hằng hà sa số như thế, một mình Chúa cai trị sao cho hết?

Đáp: Vũ trụ này chỉ có một Chúa mà thôi, cũng như nước chỉ có một vua, nhà chỉ có một chủ, thân thể chỉ có một cái đầu. Nếu nước có hai vua, thì nước loạn; nhà có hai chủ, thì nhà phải chia rẽ; thân thể có hai đầu, thì thành ra quái vật.

Thầy Mạnh Tử nói rằng: "Trời không có hai mặt, dân không hai vua." Từ đó suy ra, vũ trụ chỉ có một Chúa Chí Tôn mà thôi, không thể có hai đấng.

Có người lại nói: Đành rằng, trong nước chỉ có một vua, nhưng cũng phải có các quan dưới quyền để giúp vua trị nước; Như vậy, dù chỉ có một Đức Chúa Trời, cũng cần có các thần khác để giúp Ngài cai quản vũ trụ chứ!

Xin đáp: Chúng ta không thể nhân cách hóa Đức Chúa Trời, vì Ngài là một vị thần linh, vua ở trần gian không thể sánh được với Chúa trên trời. Vua cũng là người, không thể chia thân để ở khắp mọi nơi, cũng không thể thấu hiểu và thực hiện được tất cả mọi sự việc nên cần phải nhờ các quan dưới quyền làm tai, mắt, vi, cánh để cai trị đất nước. Nhưng Đức Chúa Trời là Chúa Cao Cả, là Đấng Toàn Năng, Toàn Tri, thông suốt tất cả mọi sự. Ngài làm được mọi việc và Ngài cũng là Đấng Toàn Tại. Ngài hiện diện khắp mọi nơi, nghe, và thấy tất cả các việc từ nhỏ nhất cho đến lớn nhất, kể cả những việc sâu kín nhất được che giấu trong đáy lòng của mỗi người, như thánh hiền có câu rằng: "Đức Chúa Trời nhìn xem người, người đừng hai lòng" và "Người đời nói riêng, Trời nghe như sấm."

Như vậy, Đức Chúa Trời cần chi phải có thần khác làm tai, mắt cho Ngài để cai quản vũ trụ? Duy chỉ có Ngài là vị thần duy nhất cai quản và bảo tồn vũ trụ cho đến ngày hôm nay, theo quyền phép tối thượng của Ngài. Chúng ta đáng nên thờ phượng chỉ mỗi mình Ngài mà thôi, không cần thờ thần nào khác nữa.

30. Chân Thần Bời Đâu Sinh Ra?

Hỏi: Trời đất, vạn vật đều bởi một Chúa là Chân Thần tạo nên. Nhưng xin hỏi: Chân Thần từ đâu sinh ra?

Đáp: Chân Thần là nguồn gốc của muôn loài, song tự mình không có nguồn gốc; là đầu tiên của mọi vật, song tự mình không có đầu tiên. Nếu Chân Thần còn phải được sinh ra bởi một đấng nào khác, thì Ngài cũng không còn là Chân Thần độc nhất vô nhị nữa.

Vả lại, Đức Chúa Trời tạo ra vạn vật, nếu ta kể từ vạn vật mà kể lên đến Đức Chúa Trời, đã là tột đỉnh, không còn chỗ để kể lên nữa. Vậy, hỏi ai sinh ra Đức Chúa Trời là câu hỏi vô lý. Cũng như ta đếm số: số vạn từ số ngàn, số ngàn từ số trăm, số trăm từ số chục, số chục từ số một; số một là đầu của các số, không thể hỏi còn số gì trên số một được. Cũng như khi ta xem một cái cây: hoa, lá mọc ra từ nhánh, nhánh mọc ra từ thân cây, thân cây từ rễ mà có, rễ tức là cội của cây, nhánh, hoa lá ; ta không thể hỏi dưới rễ còn gì nữa, vì là tận cùng rồi. Cũng như vậy, Đức Chúa Trời như là số một của các số, như là rễ của cả cây; có lẽ nào còn hỏi được rằng: Ai sinh ra Đức Chúa Trời?

Ta thử xét phá hệ của loài người: Người ta sinh ra bởi cha mẹ, cha mẹ sinh ra bởi ông bà, ông bà sinh ra bởi ông bà cố, cứ thế mà kể lên mãi đến ông kỵ và đến ông cao, ông tăng, ông viễn ở đời thượng cổ, không người nào có thể liệt kê cho đến hết được. Tóm lại, ta phải chấp nhận rằng khi trời đất mới được dựng nên, chắc chắn phải có một người đàn ông và một

người đàn bà, rồi từ hai con người đầu tiên ấy sinh sôi nảy nở ra đám con cháu đông đúc cho đến ngày hôm nay. Người đàn ông và người đàn bà ấy là nguyên tổ của loài người. Nguyên tổ ấy bởi ai sinh ra? Thừa, do Đức Chúa Trời tạo nên. Vậy thì Chân Thần không những là Cội Rễ của trời, đất, muôn vật, mà cũng là Tổ Tông của loài người; như thế ấy, người ta không kính thờ Ngài sao cho được?

31. Chân Thần Không Có Cuối Cùng

Hỏi: Chân thần là đầu tiên của muôn loài, muôn vật, nhưng tự mình không có đầu tiên. Vậy, xin hỏi: tại sao Chân Thần không có cuối cùng?

Đáp: Sự việc, sự vật gì đã có cuối cùng, tất nhiên phải có đầu tiên. Như xác thịt của loài người và của cầm thú, đã có sinh ra, thì có chết. Nhưng Chân Thần là Đấng Vô Hình, đã không có đầu tiên, thì cũng không có cuối cùng. Vì Ngài là Đấng Vô Thi, Vô Chung (không có bắt đầu, không có kết thúc), Đấng Hằng Sống, đời đời vô cùng.

32. Không Nhìn Thấy Chân Thần Được

Hỏi: Có người nào đã thấy Đức Chúa Trời không?

Đáp: Nên biết rằng Đức Chúa Trời mà chúng tôi thờ lạy chính là Đức Chúa Trời mà các sách Tứ Thư, Ngũ Kinh đã nói đến. Đức Chúa Trời là Thần Linh vô hình như Kinh Thi có viết: "Các việc trên trời không tiếng, không hơi." Và sách Trung Dung, là một trong bốn sách Tứ Thư, cũng viết: "Xem mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, cho nên người quân tử răn giữ chỗ mình chẳng thấy, e sợ chỗ mình chẳng nghe." Nếu không có một Đấng Chân Thần vô hình như vậy, "chỗ" mà người quân tử răn giữ, e sợ đó là gì? Vả lại, chiếu theo lý mà suy xét, dù không thấy, cũng phải tin có Đấng Chân Thần, Chủ Tể; cũng như chúng ta dù không nhìn thấy tổ tông các đời trước của mình, nhưng có ai dám bảo rằng đời trước không có tổ tông?

Người thấu hiểu lý lẽ nhờ căn cứ vào lý trí suy xét mà biết đến căn nguyên; như: nhìn thấy một ngôi nhà, tất biết phải có người thợ xây dựng; thấy ánh sáng, biết có mặt trời; thấy khói, biết có lửa; thấy quốc gia có luật pháp thì biết có chính phủ đang điều hành; thấy vũ trụ và muôn loài muôn vật tất nhiên phải biết có Đức Chúa Trời tạo dựng và cai quản. Giả sử không có tổ tông, làm sao có con cháu? Không có thợ, làm sao có ngôi nhà? Không có mặt trời, chắc chắn không có ánh sáng; không có lửa sẽ không có khói; không có chính phủ, đất nước sẽ hỗn loạn vì không có pháp luật. Cũng vậy, nếu không có Đức Chúa Trời, thì vũ trụ và loài người do đâu mà có?

Kinh Thánh chép rằng: "*Kẻ ngu dại nói trong lòng rằng: Không có Đức Chúa Trời*" (Thi thiên 14:1). Người khôn ngoan dùng lý trí mà suy luận, nếu nhận thấy hợp lý thì tin, vô lý thì không tin. Cũng như tất cả người Việt Nam đều phải công nhận Hùng Vương là tổ của nước mình, nhưng có ai đã từng nhìn thấy Vua Hùng chưa? Chúng ta chỉ căn cứ vào sử ký đã ghi chép lại, dùng lý trí để suy luận, và tin quyết có Hùng Vương vậy. Vậy thì, nói rằng có một Chân Thần, tức là Đức Chúa Trời cai quản cả vũ trụ và muôn loài muôn vật, đây là dùng lý trí suy luận, căn cứ vào Kinh Thánh làm chứng mà tin rằng có Đức Chúa Trời. Người khôn ngoan không thể không tin.

33. Đức Chúa Trời và Thượng Đế

Như đã trình bày trong tiểu mục 07 trên đây, danh xưng Thượng Đế là do người Trung Quốc đặt ra để gọi vị thần, mà theo tín ngưỡng của họ, cai trị ở trên trời, điều hành cõi thần linh, tương tự như các vua cai trị các nước trong thế gian. Thượng Đế của người Trung Quốc ở dưới quyền ba thần linh khác, gọi là Tam Thanh. Như vậy, từ nguyên thì, danh xưng Thượng Đế không phải để chỉ về Đấng Tạo Hóa là Đức Chúa Trời Tự Có và Còn Đến Mãi Mãi.

Về sau, trong dân gian phát sinh ra nhiều truyền thuyết, thần thoại về các thần linh; danh xưng Thượng Đế lại được gán ghép cho nhiều giả thần và tà thần khác nhau. Sở dĩ gọi là giả thần là vì đó chỉ là những thần linh trong tưởng tượng hoặc là các vật vô tri, vô giác được tôn làm thần. Các thiên sứ phạm tội, trở thành ma quỷ, còn gọi là tà linh, khi tà linh được người ta thờ phượng thì trở thành tà thần. Ngày nay, có nhiều tôn giáo thờ lạy các giả thần và tà thần mang danh xưng Thượng Đế. Vì thế, chúng ta không nên dùng danh xưng Thượng Đế để gọi Đức Chúa Trời.

Trong văn hóa Việt Nam, khái niệm về Đức Chúa Trời được thể hiện qua bàn thờ "Ông Thiên," tức "Ông Trời." Người Việt tin rằng "Ông Trời" là một thần linh cao cả, cầm quyền trên tất cả muôn loài vạn vật, là Đấng thường thiện, phạt ác, ban phước, giáng họa. Người Việt dâng lễ cho Trời bằng một nén hương, một ngọn đèn, một chén nước trong; vào ngày trăng mới và trăng tròn hoặc những khi có việc cầu khẩn thì dâng thêm một ít hoa quả. Điều đó cho thấy trong tâm thức người Việt đã có sự nhận biết Đức Chúa Trời. Việc còn lại là người Việt cần tiếp nhận ơn cứu rỗi của Ngài và học biết về Ngài qua Thánh Kinh.

Đức Chúa Trời là Thần Linh, là Đấng Tạo Hóa đã tạo dựng nên vũ trụ và muôn loài, vì thế chúng ta phải kính sợ và tôn thờ chỉ mỗi Ngài mà thôi. Người tin Chúa rồi cũng không kêu "Trời" vô cớ. Trời là tôn danh của Đức Chúa Trời. Chúng ta chỉ nhắc đến tôn danh của Ngài khi chúng ta cầu xin với Ngài, hoặc khi chúng ta ca ngợi Ngài, cảm tạ Ngài, hoặc khi chúng ta rao giảng về Ngài.

Chúng ta cũng nên dùng từ phước và họa để gọi những sự xảy đến cho mình thay cho các từ hên xui và may rủi; vì mọi việc của mình đều do Đức Chúa Trời định liệu.

Ngoài ra, chúng ta không sử dụng tuổi tính theo Thiên Can Địa Chi, vì cách tính tuổi này chỉ dùng để xem số tử vi, bói quẻ... chúng ta chỉ nên sử dụng tuổi tính theo năm sinh. Thí dụ, chúng ta nên nói: Tôi sinh vào năm 1954; thay vì nói: Tôi sinh vào năm Giáp Ngọ, hoặc nói: Tôi tuổi Ngọ. Khi chúc mừng nhau năm mới thì cũng nên tránh kèm theo các tên gọi của năm thuộc về Thiên Can, Địa Chi. Những cách tính tuổi và tính năm theo Thiên Can, Địa Chi đã bị ảnh hưởng nặng nề của thần thoại và mê tín dị đoan, là những điều mà Đức Chúa Trời ghét gớm cho nên người tin Chúa cần phải từ bỏ.

34. Thiên Đàng – Hỏa Ngục

Hỏi: Quý vị nói rằng: Thiên đàng là nơi an hưởng hạnh phúc để đón nhận người được Chúa tha tội, còn hỏa ngục là nơi khổ ải để trừng phạt kẻ hung ác, nhưng các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư không hề đề cập đến hai nơi đó; vậy tại sao quý vị lại tin là có?

Đáp: Người đời nay đọc sách đời xưa, không hiểu tường tận ý nghĩa nên cho rằng người xưa chưa hề nói đến thiên đàng, hỏa ngục, ấy là làm to. Chúng ta hãy xem Kinh Thi nói rằng: "Tam hậu tại thiên" và cũng có nói: "Văn Vương trắc, giáng tại Đế tả hữu." Có nghĩa là:

Ba vua ở trên trời, và: Văn Vương lên xuống ở bên tả, bên hữu Vua Trời, tức là nói về thiên đàng đó. Vì nơi ấy là nơi vô cùng tốt đẹp, vô cùng hạnh phúc trên trời, không thể dùng từ gì để diễn tả được nên chúng tôi gọi là thiên đàng. Xem các câu sách dẫn trên đây, đủ biết người xưa đã công nhận có thiên đàng rồi.

Có thiên đàng thì phải có hỏa ngục, vì có thưởng, tất nhiên phải có phạt. Những người tôn thờ Đức Chúa Trời và tin nhận Đức Chúa Giê-xu thì được lên thiên đàng, còn những kẻ gian ác, vô đạo cũng lên thiên đàng được hay sao? Họ phải xuống hỏa ngục là nơi ma quỷ và linh hồn những kẻ dữ bị trừng phạt đời đời để trả giá cho những việc ác mình đã tạo ra trên dương thế, không thể nào thoát khỏi. Phương cách duy nhất để một người thoát khỏi hình phạt đời đời nơi hỏa ngục là ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại qua sự chết chuộc tội của Đức Chúa Giê-xu.

35. Linh Hồn

Hỏi: Người chết như ngọn đèn hết dầu thì tắt, làm gì có linh hồn để được thưởng hay bị hình phạt?

Đáp: Linh hồn là bản ngã, là cái tôi đích thực của mỗi người. Linh hồn ở trong thân thể con người cũng như người ở trong một cái nhà. Khi linh hồn lìa khỏi thể xác, thân thể bị mục rữa, trở về với cát bụi nhưng linh hồn thì còn lại. Đối với người tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời thì sau khi chết, linh hồn vào cõi thiên đàng, chờ ngày thân xác được sống lại rồi sống đời đời, phước hạnh trong cõi trời mới, đất mới với Đức Chúa Trời. Đối với người không tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời thì sau khi chết, linh hồn vào địa ngục, chờ ngày thân xác được sống lại, chịu xét xử trước tòa phán xét của Đức Chúa Trời, rồi bị giam vào trong hỏa ngục, để nhận lãnh hình phạt tùy theo mỗi việc tội lỗi đã làm.

Nếu nghĩ rằng khi chết, linh hồn cũng tiêu tan, như vậy, con người có cần làm điều thiện tránh điều ác hay không? làm điều thiện thì sẽ nhận được gì? và người làm ác sẽ như thế nào? Việc làm thiện khó hơn việc làm ác, cho nên, nếu không có linh hồn, nếu không có thưởng phạt của đời sau thì chúng ta cứ tự nhiên mà làm ác, vì như vậy sẽ dễ hơn!

Xưa kia, ông Nhan Hồi, học trò của Khổng Tử, chết năm 31 tuổi, là người hiền mà chết yểu; Đạo Chích, một người sống lâu lẳng vào thời Xuân Thu, bên Trung Quốc, chuyên hành nghề ăn trộm, là kẻ xấu xa mà sống lâu. Nếu nói không có linh hồn, còn ai muốn làm người tốt như Nhan Hồi? Có kẻ nói rằng người ta làm điều thiện không phải vì linh hồn, nhưng là vì muốn được đời vinh danh. Nhưng một khi đã ra người thiên cổ, thân xác tan thành bụi đất, dù có danh tiếng ngàn thu đi nữa, liệu chừng có đủ để bù đắp cho nỗi vất vả, khổ cực lúc còn sống hay không? Hơn nữa, ta thường thấy người ở hiền gặp họa nạn, kẻ ác được sung sướng; nếu nói rằng không có linh hồn, sau khi chết không có báo ứng, thế thì con người cứ tự do làm điều ác hay sao? Vì vậy, chúng ta phải tin rằng loài người có linh hồn và sẽ có sự phán xét chung cuộc của Đức Chúa Trời dành cho mỗi người sau khi Ngài kết thúc thế gian tội lỗi này. Và, lưới Trời không có cách gì thoát ra được. Vì thế mới có câu: "Lưới trời lồng lộng khó qua, tuy thưa mà khó lọt."

Người đời không biết đến sự báo ứng cho linh hồn, nên thường làm việc thiện để cầu mong nhận được sự đáp trả cho phần xác đời này và cũng mong muốn có chút phước dư thừa để lại cho con cháu mình. Nếu không đạt được mong muốn ấy, ý chí hướng thiện của họ sẽ nguội lạnh dần dần, đến lúc nào đó sẽ biến đổi thành kẻ ác. Đó là lỗi vì không biết mình có linh hồn.

36. Thiên Sứ, Ma Quỷ, và Linh Hồn Người Ta

Hỏi: Người ta chết thành ma quỷ, ma quỷ cũng có thể chuyển kiếp làm người, điều này có thật không?

Đáp: Thiên sứ, người ta, và ma quỷ là ba giống loài khác nhau. Nhiều người thường hay lầm lẫn vì không hiểu rõ căn nguyên. Thiên sứ và ma quỷ đều vô hình. Đức Chúa Trời đã dựng nên các thiên sứ trước khi Ngài dựng nên loài người. Trong số các thiên sứ được tạo dựng, có một thiên sứ được Chúa ban cho tài phép cao siêu nên sinh lòng kiêu căng, đã cấu kết bè đảng, lộng lẫy một số thiên sứ khác phản nghịch, chống Chúa. Đức Chúa Trời trừng phạt tất cả đám thiên sứ phản loạn và đày xuống hỏa ngục, chịu án đời đời làm ma quỷ. Còn các thiên sứ khác không cùng phe với thành phần phản nghịch thì được ở cùng Đức Chúa Trời mãi mãi.

Sau khi Đức Chúa Trời trừng phạt đám thiên sứ phản nghịch ấy rồi, Ngài mới dựng nên loài người giống như hình ảnh của Ngài: Một người nam tên A-đam, và một người nữ tên Ê-va. Ngài lấy bụi đất nắn nên hình người và hà linh khí vào; do đó, người trở nên một loài sinh linh. Đức Chúa Trời truyền dạy loài người phải kính mến và vâng lời Ngài, để được hưởng phúc vô tận. Nếu ai rời bỏ Chúa và vi phạm điều luật của Chúa, khi chết, linh hồn sẽ phải sa xuống hỏa ngục, là chỗ Đức Chúa Trời sắm sẵn cho ma quỷ, để nhận chịu hình phạt đời đời và cũng không đi đầu thai chuyển kiếp như người ta vẫn nghĩ.

Đây là lai lịch của thiên sứ, ma quỷ, và linh hồn người ta là như thế.

37. Ma Quỷ Ở Thế Gian

Hỏi : Trên thế gian, vẫn có những người có tà thuật thường hay làm được nhiều điều quái lạ, nếu không được ma quỷ giúp sức, thì do đâu mà họ làm được như thế? Vậy, nếu Chúa biết ma quỷ vẫn ở thế gian cám dỗ loài người, tại sao Chúa không biệt giam chúng ở hỏa ngục và cấm đoán không cho chúng lên trần thế cám dỗ loài người?

Đáp: Vì kỳ hạn Chúa định chưa đến nên Ngài chưa bắt phạt ma quỷ mà để cho chúng tạm trú trên thế gian, rong ruổi khắp nơi, dụ dỗ những người yếu đuối gia nhập phe phản nghịch của chúng. Chúng cũng thử thách những người theo Chúa với mưu đồ hãm hại loài người, để linh hồn của họ cùng nhận chịu chung số phận với chúng. Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng, Ngài tận dụng cơ hội ấy để làm điều hữu ích cho loài người, như sau đây:

1. Có những người không tin có ma quỷ; nhưng khi thể xác bị ma quỷ xâm nhập và điều khiển họ làm những việc kỳ quái mà bình thường không bao giờ làm, khi đó người ta mới công nhận ma quỷ có thật. Và, khi đã nhìn nhận có ma quỷ, tất phải tin có Đấng Chân Thần. Do vậy, người ta tỉnh ngộ, xa lánh ma quỷ để tìm kiếm Đức Chúa Trời.

2. Đức Chúa Trời đã không tiếc gì các thiên sứ nghịch mạng mà định tội họ phải chịu khổ hình đời đời nơi hỏa ngục, thì Ngài cũng sẽ không bỏ qua tội lỗi của loài người. Do đó, người đời cần ăn năn, hối cải, quy phục Chúa.

3. Ma quỷ cũng được Chúa sử dụng để thử thách người thiện lành như lửa thử vàng. Vàng càng được tôi luyện, tuổi vàng càng cao. Nếu không có ma quỷ cám dỗ, thì những người trung thành với Chúa sao có được cơ hội thể hiện tấm lòng trung thành, yêu mến Chúa của mình?

Ma quỷ không có quyền ép buộc loài người vi phạm điều luật của Chúa, chúng chỉ được phép cám dỗ loài người phạm tội; nghe theo nó hay không là tùy tâm của mỗi người.

Nhưng Đức Chúa Trời cũng giúp sức cho loài người đối địch cùng ma quỷ. Ngài ban cho loài người lễ thật Tin Lành và dạy loài người cách thức để chiến thắng ma quỷ. Chúng ta là chiến sĩ của Chúa, chúng ta phải chiến thắng ma quỷ trong đời này để linh hồn được thăng tiến lên nước Trời. Vậy nên, phải tỉnh thức, cầu nguyện, cậy vào sức toàn năng của Đức Chúa Trời để không rơi vào bẫy cám dỗ của ma quỷ, và hãy đánh trận tốt lành mà lãnh mãi sự sống.

38. Sự Công Bình Của Đức Chúa Trời

Hỏi: Quý vị nói rằng Đức Chúa Trời rất công bình, làm tốt thì thưởng, làm ác thì phạt; thế thì, tại sao có người ở hiền lại phải gặp hoạn nạn, khổ sở, còn người ác thì được thông dong, sung sướng? Như thế, sự công bình của Ngài ở đâu?

Đáp: Làm tốt được thưởng, làm dữ phải phạt, đó là lẽ nhất định, không có gì phải nghi ngờ. Kinh Thi có chép: "Noi lành thì được lành, theo nghịch thì mắc dữ, như bóng và vong." Và lại cũng có nói: "Đạo Trời xuống phước cho kẻ lành, xuống họa cho kẻ dữ." Điều luật thưởng người hiền, trừng phạt kẻ dữ dù cho ở thời nào cũng như thế, không hề thay đổi. Song chúng ta cũng nên biết rằng: họa hay phúc không phải chỉ trong đời này, chúng ta còn cả một cuộc đời vĩnh cửu sau cái chết của thể xác. Đức Chúa Trời không chỉ ban phước, giáng họa trong đời này mà thôi, nhưng việc thưởng phạt còn thực hiện trên linh hồn và thân xác phục sinh của chúng ta trong đời sau.

Vả lại, việc phán đoán thiện và ác trong đời này cũng không phải tuyệt đối. Cùng một sự việc xảy ra, nhưng mỗi người lại có một nhận định khác nhau. Chúng ta không thể nào nhìn thấy xuyên suốt cả cuộc đời của một con người để kết luận người ấy là người hiền hay người dữ. Chúng ta chỉ có thể thấy được một đoạn nào đó trong một phần của cuộc đời họ, do đó đánh giá của chúng ta về một người chỉ là tương đối. Chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng toàn tri, Đấng nhìn thấu suốt tận trong sâu thẳm lòng dạ của mỗi người, Đấng đếm được từng sợi tóc trên đầu của một người, và duy nhất chỉ có Ngài là Đấng có đủ thẩm quyền để định tội hay giáng phúc. Hơn nữa, cuộc sống đời này chỉ là tạm, do đó, sự vinh hoa phú quý và hoạn nạn bần cùng ở đời này cũng không có ý nghĩa vĩnh cửu, nên không thể xem là phúc thật hay họa thật. Cuộc đời thật sự của chúng ta là ở đời sau, vì vậy, phúc và họa chỉ thật sự có giá trị ở cuộc đời sau cái chết thuộc thể.

Những người thật lòng tin nhận Chúa thì rất hiền lành, nhưng dù sao cũng chỉ là những con người còn xác thịt nên không thể thoát khỏi những tội lỗi không cố ý. Chúa lấy hoạn nạn, bần cùng, là họa tạm, mà trừng phạt cho những tội lỗi ấy để người tỉnh ngộ và linh hồn không bị hư mất về sau. Trong đời sau, Chúa mới ban cho phúc vĩnh cửu nơi thiên đàng để thưởng cho người. Vì Đức Chúa Trời là Đấng công bình tuyệt đối cho nên tội lỗi cũng như những việc thiện lành của mỗi người sẽ được định đoạt sau khi chết. Chúng ta đừng nhìn thấy một mặt của vấn đề lại vội vàng kết luận Chúa không công bình. Vì ý chỉ của Đức Chúa Trời rất cao, như Ngài đã phán trong Kinh Thánh, sách Ê-sai đoạn 55, câu thứ 8 và 9: "... Ý tưởng Ta chẳng phải ý tưởng các ngươi, đường lối các ngươi chẳng phải đường lối Ta. Vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối Ta cao hơn đường lối các ngươi, ý tưởng Ta cao hơn ý tưởng các ngươi cũng bấy nhiêu." Người đời không thông suốt lẽ thưởng phạt của Đức Chúa Trời, không biết họa phúc thể nào là thật giả nên kêu ca Đức Chúa Trời không công bình. Nhưng lại không biết rằng: "Ngọc bất trác, bất thành khí." Ngọc có dồi mài mới nên của báu, người có cùng khổ, hoạn nạn mới biết tìm cầu Đức Chúa Trời và tin nhận Đức Chúa Giê-xu, để được cứu rỗi khỏi tội lỗi và hưởng phúc lành nơi Thiên Quốc. Ví như một người vô học, không tài trí, mà muốn làm nên danh phận, có thể được sao?

Chúng tôi là môn đồ Đức Chúa Giê-xu, còn sống trên đời thì chuyên tâm rao truyền đạo thật, dù có bị bắt bớ, vu oan, hành hạ khổ sở như thế nào, vẫn cứ phải cam chịu và nhịn nhục cho đến ngày cuối cùng, hầu mong được đáp trả trên Thiên Quốc.

39. Sự Nhân Từ Của Đức Chúa Trời

Hỏi: Kẻ ác trên đời thường hãm hại người hiền. Đức Chúa Trời là Đấng công bình, sao Ngài không trừng phạt những kẻ ác để báo thù cho người lương thiện?

Đáp: Đức Chúa Trời rất công bình, nhưng cũng rất nhân từ. Sự công bình trong Ngài muốn phạt tội, song sự nhân từ lại muốn tha thứ. Đức Chúa Trời lại có lòng hiếu sinh, nên vũ trụ và loài người nhờ sự nhân từ của Ngài mà hình thành và tồn tại. Quyền thưởng, phạt cũng đều do nơi Đức Chúa Trời. Linh hồn tất cả mọi người đều phải nhận chịu sự phán xét sau cùng của Ngài, ấy là lúc Ngài thi hành sự công chính. Chúa lấy sự nhân từ đối đãi với người. Có những kẻ gian ác mà Ngài vẫn khoan dung, mục đích để cho họ cơ hội ăn năn hối cải, tin nhận Cứu Chúa Giê-xu, từ bỏ sự dữ mà làm lành, hầu cho linh hồn của họ được cứu sau này. Thế nhưng, tội ác châm rễ quá sâu trong tâm những người ác, dù có đạo thật làm chứng và có Lời Chúa dạy dỗ, nhưng đến chết họ cũng không biến chuyển; cho nên, chỉ sau khi họ chết, Chúa mới thi hành sự công bình của Ngài trên họ. Nếu trừng phạt những người ác đang khi họ còn sống, sợ rằng sẽ liên lụy đến người hiền. Ví dụ như: người cha ác mà sinh ra đứa con hiền lành, nếu trừng phạt cha, con sẽ cô cút không người nuôi dưỡng. Cũng như thế, suy rộng ra, đối với anh em, vợ chồng cũng vậy. Vì cỏ mọc trong lúa, nếu nhổ ngay đi sẽ ảnh hưởng đến lúa (Ma-thi-ơ 13:29), lể gai thì châm đến thịt; vì thế, mới phải chờ cho đến khi lúa và cỏ cùng lớn lên, lúa thì *"thâu trữ vào kho, còn cỏ lũng thì phải nhổ đi và đốt trong lửa chẳng hề tắt"* (Ma-thi-ơ 13:30).

Như vậy, chúng ta đã biết Đức Chúa Trời gồm cả nhân và nghĩa, chúng ta phải ghi ơn Ngài và biết khiếp sợ hình phạt của Ngài. Hãy nhanh chóng tỉnh ngộ và ăn năn, hối cải, tìm kiếm và thờ lạy Đức Chúa Trời, tin cậy vào sự chết chuộc tội của Đấng Cứu Thế Giê-xu, để linh hồn được cứu rồi đời đời.

40. Chúa Sinh Người Có Thứ Bậc

Hỏi: Đức Chúa Trời là Đấng công bình, tại sao Ngài không mang tất cả những của cải trong thế gian này phân phát đều cho mỗi người, để mọi người được như nhau, không có kẻ giàu, người nghèo, như thế chẳng tốt hơn hay sao?

Đáp: Trong xã hội loài người, tất cả các sự vật, sự việc đều phải có hai mặt đối nghịch, như: có nóng, có lạnh; có mưa, có nắng; có sáng, có tối... tất nhiên, phải có người giàu, kẻ nghèo. Đức Chúa Trời thường mang sự nghèo hoặc giàu mà báo trả cách sinh sống và xử thế của người ta. Nếu người mà giữ gìn lòng thành, biết làm lành, lánh dữ, chăm chỉ làm lụng, không ngại gian khó và biết cần kiệm, tất nhiên sẽ có ngày trở nên giàu có. Còn nếu là người giàu mà tính nét hung ác, hãm hại người hiền, sống hoang dâm, vô độ và buông lung, xa xỉ vẫn có lúc sẽ trở nên nghèo hèn. Sự giàu và nghèo luân chuyển như thế đó.

Đức Chúa Trời sinh loài người chúng ta, mỗi người đều có một khối óc để suy luận, có tay chân, mắt mũi, và các bộ phận khác của cơ thể để sống và lao động. Trong xã hội có bốn loại nghề nghiệp: sĩ, nông, công, thương. Nếu như Đức Chúa Trời sinh ra mọi người đều giàu sang, thì lấy ai là người làm thợ và người làm nghề nông? Không có người làm thợ, thì ai là

người chế tạo các vật dụng cho chúng ta sử dụng? Không có người nông dân thì ai là người sản xuất, trồng trọt để có thóc lúa mà ăn? Không có đồ dùng và gạo ăn, loài người cũng sẽ như một loài cầm thú. Hơn nữa, loài người không thể tự mình làm được tất cả các công việc. Nếu Đức Chúa Trời sinh ra người nào cũng nghèo, thì ai là người có tiền để thuê thợ? ai có tiền để bỏ vốn kinh doanh? Không có người thuê thợ, không có người bỏ vốn kinh doanh, cuộc sống của con người trên đất sẽ rất khó khăn vì không ai giúp được ai; như thế thì sống như thế nào? Cho nên Chúa khiến trong xã hội phải có nghèo, có giàu; người giàu có của, kẻ nghèo có công, nương nhờ nhau mà sinh sống. Người xưa có câu: "Quân tử nhọc lòng, tiểu nhân nhọc sức," chứ làm sao có thể mang tất cả của cải phân chia đều cho mọi người? Như thế, thì không còn gì là xã hội của loài người, và loài người sẽ chỉ là một trong số các loài cầm thú mà Đức Chúa Trời đã dựng nên.

Vả lại, Đức Chúa Trời dựng nên loài người cũng như người thợ gốm nắn nên những chậu: có lớn, có nhỏ, mẫu mã đa dạng là tùy theo nhu cầu sử dụng. Cái chậu đất dùng trồng cây kiểng thì phải ở ngoài sân vườn, cái chậu ấy không thể trách tại sao thợ gốm không nặn ra mình thành cái lọ cắm hoa, trang trí phòng khách cho sang? Vậy thì, Đức Chúa Trời dựng nên người ta có giàu, có nghèo, chúng ta làm sao có thể phê phán Ngài được? Biết như thế, dù mình giàu có hay nghèo hèn, hoặc gặp hoàn cảnh khó khăn khổ sở như thế nào, cũng nên vui lòng tuân theo ý Chúa. Sách Luận Ngữ chép rằng: "Người quân tử lo đạo, chẳng lo nghèo," đó là một câu nói đáng để cho chúng ta suy gẫm. Người nào hiểu được như thế sẽ dễ dàng tiếp nhận đạo của Đức Chúa Giê-xu.

41. Thờ Lạy Đức Chúa Trời Cách Nào?

Hỏi: Muốn thờ lạy Đức Chúa Trời, phải làm như thế nào?

Đáp: Thờ lạy Đức Chúa Trời không cần phải xây cất đền đài, dinh thự, không cần tạc tượng để trên bàn thờ, vì Ngài là Thần Linh; Ngài hiện diện ở khắp mọi nơi. Chúng ta không cần phải dùng vật tế lễ hay đèn hương để cúng kiếng, vì Đức Chúa Trời là Đấng ban cho, Ngài cần gì những thứ của con người làm ra. Ngài cũng không cần trú ngụ trong những đền đài do tay loài người xây dựng nên. Trời là ngai của Ngài, đất là bệ chân của Ngài. Ngài không cần dùng những vật của con người cần dùng, nhưng Ngài có muôn vật ban cho loài người. Bởi vậy, Đức Chúa Trời chỉ muốn người ta lấy tâm thần mà thờ lạy Ngài, bất luận nơi nào, lúc nào cũng được cả. Vì trong Kinh Thánh, sách Giăng, đoạn 4, câu 24 đã có viết lời Chúa Giê-xu dạy dỗ cách thờ lạy Đức Chúa Trời như sau:

"Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy."

Nhưng vì tất cả loài người đều phạm tội, do đó lòng dạ của mỗi người chúng ta cũng chất chứa đầy tội lỗi, ô uế, không xứng đáng là nơi ngụ trị của Đức Chúa Trời; nên việc trước tiên của mỗi người là phải tẩy sạch lòng mình, ý thức được con người tội lỗi của mình là đáng gớm ghiếc, thành tâm hối cải, ăn năn, rồi nhờ vào ơn cứu chuộc của Đức Chúa Giê-xu để được thánh sạch. Sau mới lấy đức tin tiếp cận Đức Chúa Trời và hòa hợp với Ngài được. Phải thật lòng tin cậy Đức Chúa Giê-xu, là Đấng đưa đường cho loài người đến cùng Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Giê-xu đã có phán:

"Ta là Đường Đi, Lễ Thật, và Sự Sống; chẳng bởi Ta, thì không ai được đến cùng Cha" (Giăng 14:6).

Kể từ ngày bắt đầu tin nhận Cứu Chúa Giê-xu trở về sau, trước mỗi bữa ăn, chúng ta nên cảm tạ ơn Chúa nuôi dưỡng chúng ta. Chúng ta cầu xin Chúa ban phước cho những thực

phẩm mà chúng ta đưa vào cơ thể, để nhờ đó mà thân tâm được mạnh mẽ. Chúng ta sống khỏe mạnh mà làm tròn trách nhiệm của một con người, chuẩn bị cho linh hồn sau này được quay trở về cùng với Chúa Thánh. Chúng ta có thể quỳ gối mà cầu nguyện với Chúa trong phòng riêng hoặc ở nơi thanh vắng. Cầu nguyện là nói chuyện với Chúa như con nói chuyện với cha. Hoặc cùng toàn thể gia đình nhóm họp lại mỗi ngày hai buổi, sáng sớm và ban tối, để cùng hát tôn vinh Chúa và đọc một vài đoạn Kinh Thánh. Để kết thúc buổi nhóm, một người đại diện cả nhóm, cầu nguyện cảm tạ Chúa và trình dâng những nhu cầu lên Chúa. Những người còn lại thì cùng đồng tâm, hiệp ý với người cầu nguyện. Ngoài ra, chúng ta cũng thường xuyên nhóm họp với các tín hữu khác, trước là để thờ phượng Chúa, sau là học hỏi Lời Chúa trong Kinh Thánh. Thời gian và địa điểm nhóm họp có thể là bất kỳ lúc nào và nơi nào thuận tiện cho mọi người. Đây là những nghi thức thông thường để thờ lạy Đức Chúa Trời.

42. Đức Chúa Giê-xu

Cao Trọng Hơn Các Thánh Hiền

Hỏi: Đức Chúa Giê-xu có phải là một vị thánh hiền ở ngoại quốc không?

Đáp: Danh xưng Giê-xu có nghĩa "Đức Chúa Trời Là Đáng Cứu Rỗi." Vì Ngài là Con Đức Chúa Trời giáng phàm, cứu rỗi nhân loại, nên được đặt tên là Giê-xu. So sánh với các thánh hiền, Ngài phải được tôn trọng hơn bội phần, vì Ngài từ trời mà đến thế gian. Xét về tài năng, sự dạy dỗ và công đức của Ngài thì sẽ nhận thấy rõ hơn.

Tài năng: Dù các thánh hiền có tài trí vượt bậc so với những con người bình thường khác, nhưng cũng chỉ là những người trần gian, sự khôn ngoan và tri thức có giới hạn, còn nhiều lẽ mầu nhiệm trong trời đất họ không thể biết được. Và lại, các vị ấy đều phải trải qua một quá trình học tập chuyên cần mới hiểu thấu được các lý lẽ trong đời. Đức Chúa Giê-xu đến thế gian không theo sự phối hợp của người nam và người nữ theo lẽ thông thường. Ngài được sinh ra từ một nữ đồng trinh, trong Ngài có sự thông sáng ngay khi vừa ra đời, kiến thức của Ngài vô cùng uyên thâm mà không cần phải kinh qua một quá trình học tập nào cả, và Ngài cũng thấu hiểu được cả những việc ở trên trời mà chỉ có người từ trời xuống mới thấu hiểu được.

Sự dạy dỗ: Các thánh hiền dạy người ta tu sửa bản thân, tề gia trị quốc, và những cương thường, lễ nghĩa... cũng chỉ là những việc đời nhân, xử thế trong đời này. Còn về việc thờ lạy Đức Chúa Trời, việc giải quyết vấn đề tội lỗi của loài người, việc sống lại từ cõi chết của Đức Chúa Giê-xu, việc Đức Chúa Trời sẽ phán xét tội lỗi của thế gian để ấn định việc thưởng phạt, là những việc thuộc về Chúa và đời sau, họ không hiểu thấu để luận bàn đến, cho nên họ không thể nào sánh được với Đức Chúa Giê-xu. Họ không được toàn vẹn như Chúa. Những sự việc gì các thánh hiền biết, Chúa cũng đã biết, còn những sự việc gì thánh hiền chưa biết, Chúa đã tỏ ra cho chúng ta rồi.

Công đức: Thánh hiền chỉ lấy lẽ đạo làm người khuyến dạy dân thực hiện, mang thân mình dắt dẫn người theo đường thiện, riêng bản thân họ không có tư cách hy sinh thân xác mình, cứu tội cho nhân loại, vì họ cũng là những con người bất toàn như những người khác. Đức Chúa Giê-xu lấy đạo dạy cả thiên hạ, mang thân mình dạy người hành thiện, và duy nhất chỉ có Ngài, là Đáng vô tội tuyệt đối, mới có đủ tư cách hy sinh mạng sống chuộc tội cho nhân loại, khiến cho người nào tin nhận Ngài đều trở nên thánh sạch hoàn toàn để có thể đến gần Đức Chúa Trời, hầu cho linh hồn được cứu. Quyền phép của Ngài lớn lao vô cùng, chỉ với một

lời phán, Ngài đã làm cho kẻ mù thấy được, kẻ câm nói được, kẻ đau được lành, kẻ chết sống lại, thậm chí biển đang dậy sóng cũng phải lặng yên khi bị Ngài quở trách. Những sự việc lạ lùng dường ấy Đức Giê-xu đều thực hiện được, còn các thánh hiền có làm được những việc như thế không? Đức Chúa Giê-xu đã thể hiện những phép lạ ấy không phải như tà thuật của những người đồng bóng. Ngài không thực hiện những phép lạ ấy trong bóng tối mà Ngài đã thực hiện giữa ban ngày và tại nơi công cộng; không phải do phù phép, mà chính là quyền năng của Đức Chúa Trời. Ngài làm những phép lạ ấy không phải để được danh tiếng, hay để được người ta ca tụng, song là để chứng minh cho loài người biết Ngài từ trời xuống, dạy dỗ lẽ đạo cho loài người, và là Đấng Cứu Thế, hầu cho hễ ai tin nhận Ngài thì linh hồn được cứu mà không phải sa vào hỏa ngục đời đời.

Xét các đặc điểm kể trên, chúng ta đủ biết Đức Chúa Giê-xu cao trọng hơn tất cả các thánh hiền trong thiên hạ.

43. Đức Chúa Giê-xu Chuộc Tội Loài Người

Hỏi: Đức Chúa Giê-xu đã là Con Đức Chúa Trời, tại sao lại bằng lòng để người ta đóng đinh trên cây thập tự?

Đáp: Tất cả loài người trên thế gian đều là tội nhân đáng phải chết, và sẽ chết chắc chắn nếu không nhận được sự cứu chuộc. Có những người ý thức được mình là tội nhân nên ra sức lập công đức, như: ăn chay, làm công quả, làm việc từ thiện... hầu mong được xóa tội, nhưng không biết rằng phương pháp giải quyết vấn đề tội lỗi của mình như thế là không đúng. Vì tội lỗi của con người chồng chất mỗi ngày một thêm nhiều, tội trước chưa trả được, tội sau lại phát sinh thêm, cứ như thế, tội chồng thêm tội, trả đến bao giờ cho dứt? Dù chúng ta có dành cả cuộc đời để làm việc phúc đức, cũng không sao có được một chút công đức dư thừa đền bù cho những tội lỗi đã mắc phải. Như một người nợ đã trót mua chịu hàng hóa với số nợ quá lớn, về sau, dù có mua bằng tiền mặt, thì cũng vẫn là người còn mang công, mắc nợ. Cũng như thế, vì loài người đã phạm trọng tội với Đức Chúa Trời nhưng tự mình không có khả năng chuộc tội, vì thế, để cho loài người không bị sự trừng phạt của Đức Chúa Trời, Đức Chúa Giê-xu phải nhận án thay cho loài người qua việc Ngài cam chịu bị đóng đinh trên cây thập tự.

Có kẻ nói rằng: "Loài người phạm tội, Chúa lòng lành có muốn tha tội thì cứ tha, còn nếu như không tha được thì phạt tội, việc gì phải khiến Đức Chúa Giê-xu xuống chuộc tội thay làm chi?"

Xin đáp: Vì Đức Chúa Trời biết loài người không có khả năng tự mình xóa tội được, có tội thì phải nhận chịu sự trừng phạt, đó là lẽ thường tình; nhưng vì tội lỗi của loài người là trọng tội, đó là tội tử hình. Đức Chúa Trời là Đấng rất công bình, nhưng Ngài cũng là nguồn của tình yêu thương, Ngài không nở lòng tận diệt loài người mà Ngài đã tạo dựng nên. Nhưng nếu không phạt tội loài người thì Ngài cũng không còn là Đấng công bình, vì vậy, để giải quyết vấn đề sao cho vừa thể hiện được tính công bình, vừa thể hiện được tình yêu thương nhân loại, cách thức duy nhất là sắp đặt cho một người có đủ tư cách chuộc tội cho nhân loại là Đức Chúa Giê-xu. Đức Chúa Giê-xu là người vô tội tuyệt đối, tuân phục Đức Chúa Trời để nhận án thay cho loài người bằng cách chịu nhục hình trên cây thập tự, chết thay cho nhân loại.

Có một câu chuyện xưa như thế này: vua nước Hy Lạp trách thái tử rằng:

"Ta đã ra lệnh kẻ nào trái luật mà hành dâm sẽ bị móc mắt. Nay con phạm phải mạng lệnh ấy, nếu cứ theo luật gia hình thì ta bắt nhẫn, còn vị tình tha con, ta sẽ không còn được dân chúng tín nhiệm nữa thì còn dạy dỗ được ai? Nếu con có lòng ăn năn hối lỗi, ta tự móc một mắt thế cho con."

Nói xong vua bèn móc một con mắt của mình và truyền móc một con mắt của thái tử. Sau đó, thái tử ghi nhớ việc làm và công ơn của cha mà trở nên bậc minh quân.

Đức Chúa Trời đối đãi chúng ta cũng như vậy; nhưng đáng tiếc là có nhiều người không biết ăn năn hối cải, cũng không tiếp nhận sự cứu chuộc được ban cho nhờ ơn Đức Chúa Giê-xu, như vị thái tử kia nhờ ơn cha mình. Xưa nay, có nhiều trung thần, nghĩa sĩ chịu chết vì nước, thiên hạ đều khâm phục; huống chi Đức Chúa Giê-xu chịu chết vì muôn dân, muôn đời, chúng ta phải biết tạ ơn, kính thờ và đặt trọn lòng tin cậy nơi Ngài, để cho sự hy sinh của Đức Chúa Giê-xu không trở nên vô ích.

44. Sự Tích Đức Chúa Giê-xu Là Thật

Hỏi: Các ông nói rằng Đức Chúa Giê-xu đã từ cõi chết sống lại sau ba ngày, lấy gì làm bằng chứng cho sự việc này?

Đáp: Có rất nhiều bằng chứng chứng minh sự tích về Đức Chúa Giê-xu là thật, vì:

1. Kinh Thánh Cựu Ước được ghi chép hơn một ngàn năm trước lúc Đức Chúa Giê-xu giảng thế, thế mà, trong Kinh Thánh Cựu Ước, các đấng tiên tri đã được Đức Chúa Trời soi dẫn, dự ngôn về dòng dõi mà từ đó Chúa Cứu thế sẽ ra đời. Các chi tiết về địa điểm, thời gian Chúa Cứu Thế giảng sinh đều chính xác, và Ngài sẽ phải chịu khổ hình, chết và sống lại sau ba ngày, kể cả sự kiện Ngài lên trời thế nào, tất cả đều ứng nghiệm nơi Đức Chúa Giê-xu là một nhân vật có thật trong lịch sử.

2. Trước kia, Đức Chúa Trời e rằng loài người không biết rõ giáo lý của sự chuộc tội, nên ngay từ buổi sáng thế, Ngài đã truyền lệnh dâng bò, chiên làm của lễ tế, ám chỉ về sự hy sinh mạng sống vô tội của Đức Chúa Giê-xu để chuộc lại lỗi lầm của loài người. Về sau, Đức Chúa Giê-xu hy sinh mạng sống trên cây thập tự, để làm ứng nghiệm sự dạy dỗ ấy, có nghĩa là chính mình Ngài trở nên của lễ chuộc tội với Đức Chúa Trời cho loài người.

3. Sau khi Đức Chúa Giê-xu sống lại và thăng thiên, Ngài truyền các môn đồ của Ngài, là những chứng nhân trực tiếp chứng kiến các sự việc xảy ra, phải đi rao truyền các sự kiện mà họ được tận mắt chứng kiến để chứng minh cho sự chết chuộc tội của Đức Chúa Giê-xu là chân thật. Các môn đồ đã thi hành mạng lệnh của Ngài một cách tận tâm, tận lực. Dù bị nhục hình, tra khảo, kể cả mạng sống bị tước đoạt, họ cũng không từ nan. Nếu chẳng phải vì đã được chứng kiến tận mắt sự sống lại và thăng thiên của Đức Chúa Giê-xu, cùng các phép lạ Ngài đã làm trong ba năm thực thi chức vụ trên đất, có lẽ họ sẽ không đủ can đảm liều mạng sống để làm nhân chứng cho những sự việc ấy.

4. Người Do Thái giết Đức Chúa Giê-xu chỉ vì lòng đố kỵ và ganh ghét của họ. Các môn đồ của Chúa cũng đã tố cáo tội ác ấy, kết quả dân tộc Do Thái đã phải nhận chịu hình phạt, như: tản lạc khắp trên đất, bị bắt bớ, bị tàn sát theo như lời tổ phụ họ đã thề nguyện: "*Xin huyết Người (Đức Chúa Giê-xu) lại đổ trên chúng tôi và con cái chúng tôi*" (Ma-thi-ơ 27:25). Tuy nhiên, hiện nay, một phần dân tộc Do Thái đã trở về khôi phục tổ quốc, lấy quốc hiệu là "Israel" ứng nghiệm lời tiên tri trong Kinh Thánh, điều này đã thể hiện rõ ràng ngày Đức Chúa Giê-xu tái lâm, như lời Kinh Thánh đã báo trước, sẽ không còn xa nữa.

5. Có nhiều nơi trong Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước ghi chép những sự kiện, những biến cố liên quan đến các nước; ngày nay, mang đối chiếu với lịch sử các nước, tất cả đều phù hợp.

6. Các sự việc ghi chép liên quan đến Đức Chúa Giê-xu tại nhiều nơi trong các sách Phúc Âm của Kinh Thánh, xảy ra tại xứ Israel (Do Thái). Ngày nay, việc đi đến quốc gia Israel tham quan không còn là chuyện quá khó khăn nữa, nên có nhiều người đã đến Israel để xác minh các sự kiện được ghi chép trong Kinh Thánh, và họ đã phải công nhận tính xác thực của Kinh Thánh, vì hiện vẫn còn nhiều vết tích lưu lại trên đất nước Israel.

7. Con người càng ngày văn minh càng hơn, với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, việc di chuyển vòng quanh thế giới cũng rất dễ dàng. Có nhiều điều kiện và phương tiện thuận lợi nên khả năng xác định tính chân thật của các sự việc, sự vật được ghi chép lại trong Thánh Kinh cũng không mấy khó khăn. Khoa khảo cổ học ngày nay cũng góp phần không nhỏ trong việc đi ngược dòng thời gian để chứng minh những sự kiện lịch sử ghi chép trong Kinh Thánh. Do vậy, nếu đạo Đức Chúa Giê-xu không phải là đạo thật, thì sao có những nhà bác học, khoa học, những bậc tài trí, kiến thức uyên thâm trong xã hội cũng không thể nào tìm ra những chứng cứ gì để có thể bác bỏ đạo thật của Chúa được? Họ cũng không thể tìm thấy một điểm mâu thuẫn giữa Cựu Ước và Tân Ước của Thánh Kinh, mặc dù hai phần Cựu và Tân Ước được viết cách nhau hơn một ngàn năm, và lại do nhiều tác giả có kiến thức và trình độ khác nhau viết ra. Cuối cùng, họ đã phải quay trở lại, và dốc lòng tìm kiếm thêm những chứng cứ và dấu tích, để chứng minh cho đạo Chúa; vì thế, đạo Chúa vẫn tồn tại và phát triển, bất chấp muôn vàn bách hại, cho đến ngày hôm nay.

8. Từ mười hai sứ đồ đầu tiên được Đức Chúa Giê-xu thu nạp, phát triển thêm dần độ vài trăm người; phần lớn trong số họ đều là những người thấp kém, ít học, và gồm đủ các thành phần trong xã hội, như: người đánh cá, người thu thuế, thầy thuốc... và trải qua nhiều đời, họ luôn bị ngăn trở, bị bắt bớ, bị giam cầm và bị sát hại. Nếu chẳng phải có Đức Chúa Giê-xu trên trời can thiệp, giúp cho, thì có lẽ đạo Tin Lành đã biến mất, còn đâu để truyền bá ra khắp thế giới như ngày hôm nay?

9. Những ai thật lòng tin nhận Chúa đều tôn trọng và tin tưởng Kinh Thánh, nên các sinh hoạt và cách cư xử trong cộng đồng đều không để bị phê phán. Họ sống và thực hiện theo Lời Chúa được ghi chép trong Kinh Thánh, ngoài ra, còn có trách nhiệm hướng dẫn con cháu mình và những người thân biết đi theo đường lối Chúa dạy, tin nhận vào sự chết chuộc tội của Đức Chúa Giê-xu để linh hồn không bị hư mất. Hiện tại, các quốc gia trên thế giới theo đạo Tin Lành của Đức Chúa Giê-xu đều ý thức rất rõ đạo lý của Ngài rất có quyền phép, nên họ làm việc gì cũng đều nhờ vào danh Ngài mà cầu khẩn. Nước Mỹ là một nước lớn, nhưng tờ giấy bạc của nước Mỹ vẫn luôn in dòng chữ: "In God we trust" (chúng tôi tin tưởng vào Đức Chúa trời). Còn rất nhiều bằng chứng khác chép trong Kinh Thánh Tân Ước, khiến người ta không thể không tin.

45. Ai Tin Chúa Phải Chịu Báp-tem

Hỏi: Có lòng tin Đức Chúa Giê-xu, thiết nghĩ đã đủ, tại sao còn phải chịu báp-tem và gia nhập Hội Thánh?

Đáp: Việc chịu báp-tem là thực hiện theo sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-xu để chứng tỏ mình đã từ vị trí tội nhân bước sang địa vị làm con cái của Đức Chúa Trời, và đã thuộc về Ngài, là môn đồ của Ngài. Cũng tương tự như việc một người nhập quốc tịch để được công nhận là công dân của một quốc gia, trước tiên, người ấy phải tuân thủ những quy định của

quốc gia ấy. Đức Chúa Giê-xu có phán rằng: "*Ai tin và chịu báp-tem sẽ được rỗi; nhưng ai chẳng tin sẽ bị đoán phạt*" (Mác 16:16). Vì thế, bất kể người nào đã tin nhận Đức Chúa Giê-xu đều phải chịu báp-tem để được gia nhập Hội Thánh của Ngài.

Chịu báp-tem là chấp nhận để bị chìm mình xuống nước và ngoi lên ngay. Ý nghĩa của việc làm ấy là để chứng tỏ: bởi đức tin, mình đã cùng Đức Chúa Giê-xu đồng chết, đồng bị chôn, và đồng sống lại.

Gia nhập Hội Thánh là cùng những tín đồ khác của Đức Chúa Giê-xu tập hợp thành một Hội. Hội này bao gồm những người tin Chúa và có cùng một chí hướng, một đức tin, không phải như các đảng phái trong xã hội. Trong Hội Thánh, mọi người có mối liên hệ với các tín hữu khác, cùng nhau học tập và thực hành Lời Chúa, sống theo đường lối của Ngài, thể hiện việc thờ lạy Ngài qua những sinh hoạt, như: cầu nguyện, hát Thánh Ca, học giáo lý... để phần tâm linh được bình an trong ân điển của Cứu Chúa Giê-xu. Ngoài ra, anh chị em trong Hội Thánh khích lệ và yểm trợ lẫn nhau trong việc rao truyền đạo cứu rỗi của Chúa. Nhờ các sinh hoạt của Hội Thánh mà người tin Chúa được:

1. Bổ sung kiến thức về đạo để đức tin được tăng trưởng. Người mới vừa nhận biết mình là kẻ tội đồ, nhờ ăn năn và tin vào ơn cứu chuộc của Đức Chúa Giê-xu Christ mà được trở nên tinh sạch, là những người vừa được tái sinh phần thuộc linh, tương tự như đứa trẻ mới ra đời, còn yếu ớt, chưa đủ khả năng và sức lực để tự sống, cho nên cần phải có người nuôi dưỡng bảo bọc. Gia nhập Hội Thánh để được những đồng đạo, là những người đi trước, đã học nhiều về lẽ đạo, giảng dạy Lời Chúa trong Kinh Thánh để chúng ta bổ sung kiến thức thuộc linh, hầu cho đời sống tâm linh của chúng ta càng ngày càng thêm phong phú, như vậy, chúng ta mới có đủ khả năng chiến thắng sự cám dỗ của ma quỷ.

2. Sự vững vàng trong đức tin. Một người, dù đã ăn năn hối cải, thật lòng quay trở lại đầu phục Chúa, nhưng lòng tin rất dễ bị lung lạc và đánh mất. Gia nhập Hội Thánh sẽ có nhiều tín hữu khác quan tâm, chăm sóc để chúng ta không bị lôi cuốn vào những cám dỗ đời này mà linh hồn bị mất sự cứu rỗi về sau, nhờ vậy, đức tin sẽ được lớn mạnh và vững chắc.

3. Lập Nước Đức Chúa Trời trên thế gian. Loài người, nếu chưa từ bỏ được cái ác thì dù có được lên trời, tâm linh cũng không thể nào vui thỏa. Vì thế, cần phải ở trong Hội Thánh, học tập chân lý, thực hiện mạng lệnh của Chúa, giữ lòng thánh sạch để mai sau về Nước Chúa; ngoài sự cứu rỗi của linh hồn, còn được phần thưởng vinh hiển. Hội Thánh thay mặt Chúa đón tiếp những kẻ có lòng tin, loại trừ những kẻ giả hình ra khỏi Hội, khuyến dạy các tín đồ vâng giữ điều đáng vâng, làm sự phải làm, để phân cách với thế gian nhiều tội lỗi, và nêu gương tốt cho người đời cùng thực hiện.

4. Cùng chung sức rao truyền đạo Tin Lành Cứu Rỗi. Người tin Chúa đã được cứu, ắt hẳn có tình yêu thương đồng loại, muốn cứu giúp dân tộc của mình trong phương diện tâm linh. Nhưng nếu chỉ làm việc đơn độc thì không đủ khả năng. Sức lực ít ỏi, tài chánh hữu hạn, không thể nào làm việc đại sự. Gia nhập Hội Thánh để có nhiều người chung sức, kẻ góp công, người góp của, cùng nhau hợp sức, truyền bá Tin Lành, như thế thì đạo Tin Lành mới có thể phổ biến sâu rộng trên khắp thế giới được.

Vì các lý do nêu trên, những ai tin nhận Đức Chúa Giê-xu phải chịu lễ báp-tem và gia nhập vào Hội Thánh.

46. Người Nam Người Nữ Đều Phải Tin Chúa

Hỏi: Chỉ người đàn ông tin Chúa đủ rồi, sao người đàn bà cũng phải tin Chúa?

Đáp: Nếu là đạo giả thì nam, phụ, lão, ấu gì cũng phải lánh xa, song đạo thật thì tất cả mọi người đều nên tin theo và vâng giữ, bất luận nam hay nữ. Nếu đã biết đạo Đức Chúa Giê-xu là thật, mà chỉ người đàn ông nên theo, còn phụ nữ không cần theo, thì có khác gì nói rằng đàn ông nên ăn cơm Trời mà sống, còn phụ nữ thì chết cho rồi?

Phụ nữ không phải là con người hay sao, mà lại cho rằng không cần đạo Tin Lành, không cần tin nhận Cứu Chúa Giê-xu Christ?

47. Đạo Chúa Có Mười Điều Răn

Hỏi: Trong đạo Chúa có bao nhiêu điều răn?

Đáp: Có Mười Điều Răn, như sau:

1- Chớ có thần nào khác ngoài Đức Chúa Trời.

2- Chớ làm tượng chạm cho mình, cũng chớ làm tượng nào giống những vật trên trời, dưới đất, hoặc trong nước dưới đất; chớ quỳ lạy trước những hình tượng đó.

3- Chớ lấy Danh Đức Chúa Trời mà làm chơi.

4- Phải nhớ ngày yên nghỉ để làm nên ngày thánh (tức ngày thứ bảy trong tuần).

5- Phải hiếu kính cha mẹ.

6- Chớ giết người.

7- Chớ phạm tội tà dâm.

8- Chớ trộm cướp.

9- Chớ làm chứng dối nghịch cùng kẻ lân cận.

10- Chớ tham nhà của kẻ lân cận, cũng đừng tham vợ người, hoặc tôi tớ, bò lừa hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận.

Mười Điều Răn này do chính Đức Chúa Giê-xu Christ đã thay người ta vâng giữ trọn vẹn và Ngài dạy tóm gọn mười điều răn kể trên vào trong hai điều như sau:

"Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thấy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra" (Kinh Thánh, sách Ma-thi-ơ, đoạn 22, câu 37-40).

Người thật lòng tin nhận Chúa sẽ được Đức Thánh Linh, là Thần của Đức Chúa Trời, ngự trong thân thể mình để hướng dẫn, nhắc nhở, ban ơn, thêm sức cho sống đúng theo tiêu chuẩn thánh thiện của Đức Chúa Trời được thể hiện trong Mười Điều Răn. Mười Điều Răn được chép trong Thánh Kinh, sách Xuất Ê-díp-tô Ký, đoạn 20, từ câu 1 đến câu 17 và được nhắc lại trong sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, đoạn 5, từ câu 6 đến câu 21.

48. Tín Đồ Ăn Ở Không Hợp Đạo

Hỏi: Chúng tôi đã chứng kiến có người tự xưng mình là theo đạo Chúa, nhưng làm nhiều điều tội lỗi, xấu xa, gian ác còn hơn những kẻ chưa tin. Thế những kẻ ấy thì gọi như thế nào?

Đáp: Ở đây chúng tôi chỉ bàn luận về tà giáo hay chánh giáo, chứ không luận bàn về những người đã theo đạo mà làm điều xấu. Đạo thật vốn dạy người ta ý thức được con người

tội lỗi là như thế nào để biết ăn năn, cải hối, tin theo Chúa, từ bỏ những điều xấu để chỉ làm những điều thiện, cải tà qui chánh, hầu cho linh hồn được cứu mà không bị hư mất. Nhưng đáng tiếc! Do có những kẻ xấu lợi dụng danh nghĩa đạo Chúa, lạm dụng lòng tin của người khác để mưu cầu tư lợi, và để dễ dàng thực hiện những hành vi gian dối. Loại người ấy thật không xứng đáng được gọi là thánh đồ.

Những người như thế không phải là đại diện cho đạo Chúa, họ chỉ là những "con sâu làm rầu nồi canh," và họ cũng không thể gây ảnh hưởng xấu cho đạo Tin Lành được. Cũng như luật pháp của một quốc gia lập ra là để răn đe dân chúng phải sống trong khuôn khổ quy định, làm điều lành tránh điều dữ. Thế nhưng, không có nghĩa là có luật pháp thì sẽ không có những kẻ bất lương. Mặc dù có luật pháp răn đe, nhưng cũng vẫn có những kẻ bất chấp luật pháp, giết người, cướp của, làm những điều tàn ác. Chúng ta không thể căn cứ vào lý do đó mà cho rằng luật pháp của quốc gia lập ra là không đúng.

Vậy, nếu có người tự nhận mình là tín đồ mà việc làm không hợp với đạo Chúa, thì đó là những kẻ giả hình, không đáng kể. Nhưng mọi người cần phải tự xét lòng mình, ăn năn, đầu phục Đức Chúa Trời, kính sợ, vâng lời Ngài, để linh hồn không bị định tội về sau, cùng hưởng phúc đời đời nơi Nước Chúa.

49. Đạo Thật Chẳng Luận Gốc Từ Đâu

Hỏi: Đạo Đức Chúa Giê-xu tuy là chân chính, nhưng xuất xứ từ nước ngoài, tại sao chúng ta phải tin theo?

Đáp: Vàng thật thì không kể là xuất xứ từ đâu, nếu là vàng tinh luyện là vàng quý. Đạo cũng không nên có chấp từ đâu đến, nếu nhận thấy đúng là chân lý thì nên tin theo. Cũng như Khổng Tử sinh ra từ đất nước Trung Quốc nhưng giáo lý của ông truyền đến nước ta, dân ta vẫn đón nhận. Thầy Mạnh Tử nói vua Thuấn là người Đông Di, vua Văn là người Tây Di, thế nhưng người Trung Quốc vẫn tôn làm thánh nhân, không ai dị nghị tra xét.

Đến như đạo Phật nguồn gốc từ Ấn Độ, được truyền bá sang nước ta, chỉ giảng dạy triết lý của sự hư vô tịch diệt, cũng vẫn được nhiều người tôn sùng. Còn đạo Tin Lành có căn nguyên, nguồn cội rõ ràng, lại được Đức Chúa Trời dạy bảo cho loài người cách sinh sống trên đất để loài người biết cách sinh sống hợp quần trong xã hội. Đạo Chúa còn giải mã được những bí ẩn của vũ trụ, nguồn gốc của loài người và muôn vật trên đất, tất cả đều được giải bày rõ ràng trong Kinh Thánh, câu nào cũng chân thật. Các sự kiện ghi chép trong Kinh Thánh cũng đã được lịch sử công nhận. Quan trọng hơn hết là việc dạy cho loài người con đường cứu tội cho mình, biến đổi kẻ ác ra người thiện, như thế, sao lại cho là đạo nước ngoài, không nên theo?

Và lại, đạo của Đức Chúa Giê-xu có nguồn gốc từ Đức Chúa Trời, khởi phát từ phương Đông, truyền sang phương Tây, và hiện nay đã được rao truyền khắp thế giới và là đạo chung cho muôn người. Còn với các tôn giáo khác, tất nhiên cũng có những điều hay, lẽ phải, nhưng dù sao cũng chỉ là những tôn giáo hình thành từ trong tư tưởng của loài người, tương tự như cái bóng đèn, chỉ soi sáng trong một phạm vi có giới hạn. Còn Đạo Chúa như mặt trời soi cùng khắp mọi nơi. Thế thì, không nên cho rằng: đó là đạo của nước ngoài không phải đạo của dân tộc mình, mà không tin theo.

50. Chớ Xem Việc Theo Đạo Tin Lành Làm Khó

Hỏi: Để linh hồn được cứu, chúng tôi phải theo đạo Chúa, nhưng rất khó, chúng tôi phải làm thế nào?

Đáp: Khó tin theo hay khó giữ đạo, cả hai đều không thể cho là khó được.

Đạo Chúa có nguồn gốc, có bằng chứng hiển nhiên. Quan sát thiên nhiên và các quy luật vận hành của chúng, chúng ta thấy: Trời cao đất rộng, mặt trời mặt trăng chuyển động theo một trật tự nhất định từ bao nhiêu thế kỷ nay. Mặt trời mọc sớm mai, ban tối lặn mất nhường chỗ cho mặt trăng lên. Các ngôi sao lấp lánh trên bầu trời, khi mờ khi tỏ. Gió thổi từ tây sang đông rồi lại từ đông sang tây, cứ thế mà xoay vần. Mây thành mưa sa xuống mặt đất, tưới tiêu cho đất, nước lại bốc hơi bay lên mà thành mây. Thời tiết trên đất thì có bốn mùa thay đổi. Muôn vật phát sinh, tự hoại, rồi lại phát sinh. Thủy triều khi lên, khi xuống, nhiệt độ có nóng, có lạnh... Với bao nhiêu hiện tượng đó cũng đủ cho chúng ta biết chắc chắn có một Đấng Chủ Tể đang cai quản vũ trụ này, không thể nào sai.

Vả lại, loài người có linh khí, không như muôn vật chỉ có sự sống mà không có tâm thần, nhưng cuối cùng loài người cũng không thể tránh khỏi cái chết. Thử xác thối rữa nhưng linh hồn thì trường tồn để nhận chịu sự thưởng phạt đời đời, trả giá cho những việc mình đã làm trên đất. Khổ hình ở trần thế không đáng kể gì so với khổ hình nơi hỏa ngục. Cái chết thể xác trong đời này chỉ là chấm dứt nỗi đau thuộc thể của đời này; nhưng còn linh hồn là linh khí tồn tại sau cái chết, là cái "tôi" thật sự của mỗi người, một ngày kia sẽ kết hợp với thân thể phục sinh để nhận chịu hình phạt nơi hỏa ngục luôn ngày lẫn đêm về những tội lỗi đã làm ra khi còn sống trên thế gian. Như vậy, tin Chúa đời này là khó hay linh hồn và thân xác phục sinh phải nhận chịu sự khổ hình nơi hỏa ngục là khó?

Chúng tôi nhận thấy người trần thế ham danh, hám lợi nên để đạt được danh lợi đời này người ta đã phải chịu đựng gian khổ rất nhiều, như: muốn đỗ đạt, phải tận tâm, tận lực dùi mài kinh sử; muốn có lúa, phải nhọc nhằn cày, cuốc; muốn thu lợi trong kinh doanh phải dầm sương, dãi nắng, lội suối, trèo đèo... sao không xem đấy là khổ, mà lại cho việc tin đạo là khổ? Chúng ta cần biết rằng, không tin Đức Chúa Giê-xu mới thật sự là khổ. Hãy nhìn xem, người nhiều tiền của không biết kiêng sợ ai, ỷ lại vào của cải, vật chất của mình, sống buông lung, gian ác cho đến một ngày nghiệp nhà phải tan nát. Còn kẻ nghèo, nếu không biết an phận thủ thường, chỉ vì mong muốn có nhiều tiền nhanh chóng mà không muốn trải qua lao khổ, thì phải đi giết người, cướp của, để rồi kết thúc cuộc đời trong lao tù. Con người ta chỉ cần mang tất cả tấm lòng thành thờ phượng Đức Chúa Trời, nhờ vào công lao cứu chuộc của Đức Chúa Giê-xu để mọi tội lỗi được tha, linh hồn được cứu mà không phải sa vào hỏa ngục. Nhờ đó, tâm trạng thư thái, an vui, tinh thần bình an, sung mãn, gia đình hạnh phúc, hòa thuận; đến khi kết thúc cuộc đời này sẽ được hưởng phúc nơi thiên cảnh mãi mãi. Ngoài phương pháp ấy ra, không còn phương pháp nào khác. Vả lại, người tin Chúa không cần phải lánh xa trần tục, không cần cắt đứt mọi mối quan hệ, không cần ăn chay. Người tin Chúa vẫn sống bình thường như mọi người khác, nhưng lấy Kinh Thánh làm tiêu chuẩn và mang đạo áp dụng vào đời. Như thế có khó không?

51. Phải Tin Theo Chúa Mới Được Phước

Hỏi: Trong số những người không tin theo Đức Chúa Giê-xu, cũng có nhiều người rất tốt. Mặc dù không thờ lạy Đức Chúa Trời, không nhờ vào sự chết chuộc tội của Đức Chúa Giê-xu, nhưng một người sống có đạo lý, làm nhiều việc thiện, đóng góp nhiều công ích cho

xã hội, làm nhiều việc phúc đức như vậy, sau khi chết có được hưởng phúc nơi thiên đàng không?

Đáp: Xin thưa, chắc chắn là không! Vì đó chỉ là những công việc thuộc về đời này, đời này sẽ báo trả cho những công trạng đó. Còn đối với Trời, tội lỗi chưa được giải quyết. Chúng tôi xin nêu lên một thí dụ cụ thể: Là công dân của một quốc gia, muốn được quốc gia ấy ghi công và ban thưởng, trước tiên, phải là người trung thành với quốc gia của mình, tuân giữ luật pháp quốc gia. Cũng như vậy, một người con, muốn nhận được tình thương yêu của cha mẹ, phải vâng lời và hiếu thảo cha mẹ. Bằng không, đối với tổ quốc thì bất trung, đối với cha mẹ thì bất hiếu, chẳng những không được tổ quốc ghi công ban thưởng, không được cha mẹ quý yêu, mà ngược lại còn bị hình phạt, và bị ghét bỏ.

Nếu như một người công dân có đạo đức, được sự quý trọng của xã hội, được ca tụng công đức, nhưng lại là người bất trung với tổ quốc, như vậy, có được tổ quốc ghi công không? Lại có một người con, đối xử với bạn bè rất tốt, hàng xóm láng giềng không ai phiền hà, nhưng không hiếu thuận với cha mẹ, thì cha mẹ có yêu được không? Chắc là chính phủ và cha mẹ không thương những người ấy.

Đức Chúa Trời đối với kẻ không tin cũng vậy, những người không thờ lạy Đức Chúa Trời, không nhận công ơn cứu chuộc của Đức Chúa Giê-xu, thì dù có làm bao nhiêu việc lành đi chăng nữa cũng không thể nào đến được nước trời để hưởng phúc. Và lại, có những người làm từ thiện vì mục đích muốn đạt danh tiếng đời này chứ không phải xuất phát từ tình thương. Nếu làm việc thiện với mục đích để có nhiều người biết đến tên tuổi của mình thì mục đích ấy đã đạt được trong đời này rồi, không thể trông mong được nhận sự báo trả nào khác từ Chúa được nữa. Người nào thông suốt ý nghĩa lẽ ấy, nên nhanh chóng tìm vào cửa Ân Điển của Chúa Cứu Thế, là Đức Chúa Giê-xu để được tha tội. Đây là phương cách duy nhất để được vào nước trời. Ân Điển là ơn thương xót của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại tội lỗi phương cách thoát khỏi án phạt của tội lỗi và được hưởng sự sống đời đời phước hạnh trong Nước Trời.

52. Phải Kíp Tin Theo Chúa

Hỏi: Chúng tôi đã được nghe bàn luận nhiều về đạo Tin Lành của Đức Chúa Trời, biết rằng, đạo Tin Lành là đạo thật, không có chỗ nào bác bỏ được. Đạo Tin Lành có thể thức tỉnh những kẻ đang mê muội, biến cải kẻ hung ác trở nên hiền lành, người nào tin tưởng và thực hiện theo, tâm linh sẽ được bình an vui vẻ khi còn đang tại thế, lúc lìa trần sẽ được hưởng phúc vô tận nơi Thiên quốc; nhưng hiện tại, chúng tôi chưa thuận tiện để tin theo ngay, có thể chờ đến sang năm không?

Đáp: Như thế là quý vị chưa thông suốt. Nếu như hôm nay quý vị nghe và đã hiểu thì nên tin ngay đi. Quý vị đã thoát khỏi cơn mê muội rồi thì phải nhanh chóng tiếp nhận, sao lại còn hẹn đến sang năm?

Giả sử có một tỷ phú muốn làm từ thiện, ông ta đăng thông báo sẽ phát chẩn trong vòng ba ngày; người nào đến đúng thời gian thông báo, sẽ nhận được phần; người nào đến trễ, quá hạn, sẽ không được chi hết. Những người không nhận được phần là lỗi do mình đến trễ hạn kỳ, không phải vì nhà từ thiện kia thất hứa. Cũng như thế, "*Vi Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài (là Đức Chúa Giê-xu), hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất, mà được sống đời đời.*" Kinh Thánh, sách Giăng, đoạn 3, câu 16. Người nào tin, sẽ được cứu chắc chắn, nếu không, sẽ phải nhận chịu sự phán xét sau cùng, ấy là tùy thuộc nơi mình; không phải tại Chúa không cứu.

Thật đáng thương cho những người đã biết lẽ đạo mà không nhanh chóng quyết định tiếp nhận, để thời gian trôi qua không trở lại, tội lỗi càng chồng chất, ngày chết cận kề, thời gian không dừng lại để chờ đợi ta, không còn trông mong chi được nữa! Nếu thế, tại sao còn chờ đợi đến sang năm? Huống chi việc cần thiết và cấp bách nhất cho chúng ta không gì bằng sự cứu rỗi linh hồn. Kẻ được cứu rỗi đời đời: vui vẻ, ca hát ngợi khen Chúa; còn kẻ hư mất đời đời: phải chịu đau đớn, kêu rên, khóc lóc. Nếu thế, sao lại đợi đến sang năm? Sự cuối cùng của cuộc đời một người là cái chết, nhưng không biết nó sẽ đến vào lúc nào. Vậy, tại sao còn hẹn đến sang năm? Sinh mạng của con người rất mỏng manh, như sợi chỉ mảnh treo chuông. Một mai chỉ đứt, chuông rơi, linh hồn sa xuống vực thẳm không cách gì thoát ra được! Vậy, sao lại còn hẹn đến sang năm?

Có câu phong dao rằng: "*Người đời ví thế phù du. Sớm còn, tối mất, công phu lỡ làng!*"

Trong một giây, một khắc đồng hồ, thế giới này không biết đã có bao nhiêu linh hồn lìa khỏi thể xác; biết đâu rằng chính mình ta sẽ ở trong số ấy? Thế thì, sao lại đợi đến sang năm?

Vậy, xin quý vị hãy tin theo Đức Chúa Giê-xu Christ, tiếp nhận sự cảm động của Đức Thánh Linh, từ bỏ ác dục thế gian, ra khỏi cõi chết, vào cõi sống, bỏ đường tà, theo đường chánh, hằng ngày cầu nguyện, thờ lạy Đức Chúa Trời, nhận ơn cứu chuộc của Đức Chúa Giê-xu trên Thập tự giá để được cứu rỗi, nếu không, sau khi chết sẽ không còn cơ hội ăn năn!

Phần Đọc Thêm

1. Bức Tranh của Cuộc Đời

Bạn thân mến, có khi nào bạn dành thời gian để suy tư về thân phận, về đời người? Nếu ví cuộc đời của bạn như là một bức tranh lớn, được vẽ từ trái qua phải, nối tiếp từ ngày này sang ngày khác, một nét đã vẽ lên thì không thể bôi xóa hoặc sửa đổi, thì bạn sẽ "vẽ" bức tranh cuộc đời của bạn như thế nào?

Cho đến giây phút hiện tại, nếu nhìn lại những gì bạn đã vẽ, có bao nhiêu chỗ trên bức tranh bạn ao ước có thể xóa bỏ, hoặc thêm, bớt để nét vẽ được toàn hảo? Cảm giác đó có khiến cho bạn cẩn thận hơn trước khi "vẽ" tiếp cuộc đời của bạn trong ngày hôm nay?

Bao năm tháng trôi qua, bạn đã miệt mài vẽ lên bức tranh của đời mình; nhưng đã bao giờ bạn có định ý sẽ vẽ bức tranh như thế nào? Đề tài bức tranh của bạn là gì? Bạn muốn người khác sẽ nghĩ gì? cảm nhận được gì khi nhìn vào bức tranh đang vẽ hoặc đã hoàn tất của bạn?

Những tư tưởng, lời nói và hành động mỗi ngày của chúng ta, dù vô tình hay cố ý, là những nét vẽ lên bức tranh cuộc đời của chúng ta. Bức tranh này, một ngày kia sẽ được trình lên Đấng Tạo Hóa, là Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên muôn loài vạn vật. Chúng ta, mỗi một người, sẽ phải trả lời Đức Chúa Trời về "tác phẩm" của đời mình. Đức Chúa Trời đã sáng tạo nên chúng ta, ban cho chúng ta quyền tự do chọn lựa lối sống. Chúng ta có thể sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời mà Ngài đã đặt để trong lương tâm của chúng ta, hoặc chúng ta có thể sống chống nghịch luật pháp của Ngài. Luật pháp của Đức Chúa Trời chia làm hai phần, là tín ngưỡng và nhân ái.

Tín ngưỡng là phải tôn kính, thờ phượng Đấng Tạo Hóa, và chỉ thờ lạy một mình Ngài mà thôi. Nhân ái là phải yêu thương người khác như chính bản thân mình: *"Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người. Ấy là điều răn thứ nhất và lớn hơn hết. Còn điều răn thứ hai đây, cũng như vậy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình. Hết thủy luật pháp và lời tiên tri đều bởi hai điều răn đó mà ra"* (Kinh Thánh, sách Ma-thi-ơ, đoạn 22, câu 37-40). Nếp sống mỗi ngày của chúng ta phải thể hiện sự vâng phục trọn vẹn luật pháp của Đức Chúa Trời.

Người Việt Nam chúng ta, từ thời xa xưa, trước khi các tôn giáo du nhập vào trong nước, đã biết theo lương tâm mà tôn kính, thờ phượng Đức Chúa Trời. Điều đó được thể hiện qua "Bàn thờ Thiên," tức là bàn thờ Trời. Ta có thể nói, tôn giáo chính của người Việt là đạo "Thờ Trời." Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi khi có chuyện đau thương, bất trắc, người Việt đều kêu "Trời;" Mỗi khi có chuyện oan ức, bất công, người Việt cũng kêu "Trời;" Mỗi khi có việc vui mừng, lợi lộc, người Việt đều "cám ơn Trời" và nói rằng: đó là do "Trời thương" hoặc "Trời cho." Khi cầu mong, hy vọng, người Việt xin "lạy Trời." Khi một việc xảy ra, ngoài khả năng kiểm chế, thay đổi của con người, người Việt nói "ý Trời." Khi những tai nạn thiên nhiên xảy ra, người Việt nói "tai Trời..." Ý thức về "Trời," còn gọi là "Hóa Công," là "Đấng Tạo Hóa," hoặc nói theo Thánh Kinh là "Đức Chúa Trời" (Đấng Chủ Tể ở trên trời) trong tâm hồn của người Việt là bằng chứng hùng hồn cho thấy Đức Chúa Trời đã ghi điều luật "tôn kính, thờ phượng Trời" vào trong lương tâm của mỗi người.

Điều luật thứ hai của Đức Chúa Trời là "yêu thương người khác như chính bản thân mình." Điều luật này cũng đã thấm nhuần trong tâm hồn của người Việt từ ngàn đời. Ý thức nhân ái của người Việt đã thể hiện qua các câu ca dao, tục ngữ, điệu hò: "Thương người như thể thương thân;" "Bầu ơi thương lấy bí cùng..." "Nhiều điều phủ lấy giá gương..."

Với truyền thống, văn hoá thờ Trời và yêu người như vậy, người Việt Nam đã có ý thức sống theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Thế nhưng, mỗi người chúng ta, với bản ngã tội lỗi, dù cố gắng hết sức để thờ Trời và yêu người, vẫn không sao "vẽ" lên được những nét vẽ tuyệt hảo trên bức tranh cuộc đời của chúng ta. Nếu chúng ta thành thật với chính mình, khi ngắm nhìn những gì chúng ta đã và đang vẽ lên trên bức tranh của cuộc đời, chúng ta sẽ rất đau buồn và hổ thẹn. Đối với phần lớn những nét vẽ trên bức tranh ấy, chúng ta ước gì có thể xóa đi, ước gì không một ai sẽ nhìn thấy nó, đừng nói là sẽ đệ trình lên Đức Chúa Trời trong ngày phán xét.

Một ngày kia, Đức Chúa Trời sẽ phán xét mỗi một người, tùy theo công việc họ làm: *"Tôi thấy những kẻ chết, cả lớn và nhỏ, đứng trước tòa, và các sách thì mở ra. Cũng có mở một quyển sách khác nữa, là sách sự sống; những kẻ chết bị xử đoán tùy công việc mình làm, cứ như lời đã biên trong những sách ấy"* (Kinh Thánh, sách Khải Huyền, đoạn 20, câu 12).

Trong một quốc gia, luật pháp được làm ra để bảo vệ chủ quyền, sự vẹn toàn lãnh thổ, an ninh công cộng, và phúc lợi của quốc gia cùng mọi người dân của quốc gia đó. Nếu người nào sống trong quốc gia đó mà không tuân giữ luật pháp, thì sẽ bị trừng phạt theo quy định của luật pháp. Đối với Đức Chúa Trời, người nào không giữ trọn luật pháp của Ngài, người đó là tội nhân. Sau khi kết thúc mọi thời đại, Đức Chúa Trời sẽ gọi người đó sống lại và ứng hầu trước tòa phán xét của Đức Chúa Trời: *"Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét"* (Kinh Thánh, sách Hê-bơ-rơ, đoạn 9, câu 27). Khi ấy, tội nhân sẽ cúi đầu nhận tội một cách tâm phục, khẩu phục. Số phận của tội nhân là sự chết lần thứ hai: *"Họ sẽ bị hình phạt đời đời trong hỏa ngục, vĩnh viễn xa cách mặt Chúa không còn thấy vinh quang và quyền năng Ngài"* (Kinh Thánh, sách II Tê-sa-lô-ni-ca, đoạn 1, câu 9).

Tội lỗi có thể phân biệt ra năm loại như sau:

1. Phạm tội vì cố tình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời: Là tội của người biết điều phải mà vẫn làm điều quấy, biết luật pháp mà vẫn vi phạm. Bản năng thứ nhất của con người là bản năng làm điều mình thích, bởi thế, có những lúc người ta muốn đập đổ truyền thống, thách thức luật pháp và làm những điều cấm kỵ.

2. Phạm tội vì vô tình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời: Ví như người vô ý trượt chân. Trượt chân trên một đường trơn, không do cố ý như hành động cố tình bước ngang qua lằn ranh của sự phải trái, thiện ác. Nhiều lần chúng ta buột miệng lỡ lời. Nhiều lần chúng ta bị lỗi cuốn bởi một thôi thúc hay đam mê nào đó; chúng đã chiếm quyền kiểm soát, đoạt mất sự tự chủ của chúng ta trong một phút giây. Người tốt nhất trong chúng ta cũng sa vào tội nếu chúng ta không cẩn thận đề phòng.

3. Phạm tội vì không biết đó là tội: Có những lúc chúng ta phạm những tội mà chúng ta không biết rằng đó là tội. Ví như những người lính La-mã đóng đinh Chúa vào thập tự giá năm xưa, dù biết hay không biết, hành động đó vẫn là hành động giết một người vô tội.

4. Phạm tội vì không sống đúng với tiêu chuẩn đạo đức của Đức Chúa Trời: Ví như một người bán cung mà bán không trúng mục tiêu, người sống không đúng với tiêu chuẩn đạo đức của Đức Chúa Trời là người sống trật mục tiêu mà Chúa đã đặt ra khi tạo dựng nên người. Bởi vậy, tội lỗi là trật mục tiêu, là không sống giống như mình đáng phải sống. Khi chúng ta nhận ra rằng: tội lỗi có nghĩa là không đánh trúng mục tiêu, không đạo đức như mình đáng phải đạo đức, thì rõ ràng mỗi chúng ta đều là tội nhân.

5. Phạm tội vì biết làm điều lành mà không làm: Kinh Thánh dạy rằng: "*Kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội*" (Kinh Thánh, sách Gia cơ, đoạn 4, câu 17). Làm điều ác là phạm tội đã đành nhưng nếu biết điều lành mà không làm thì cũng là phạm tội.

Có hai hình thức phạm tội:

1. Phạm tội qua ngôn ngữ, hành động: Việc phạm tội qua ngôn ngữ, hoặc hành động là điều cụ thể, có thể chứng minh để định tội.

2. Phạm tội trong tư tưởng: Việc phạm tội trong tư tưởng rất khó chứng minh theo quan điểm của loài người. Tuy nhiên, với Đức Chúa Trời là Đấng dò xét trong lòng người thì sự nuôi dưỡng ý tưởng tội lỗi, nghĩa là suy nghĩ, tư tưởng về những điều tội lỗi, cũng là đã phạm tội.

Như vậy, ai trong chúng ta là người có thể thoát khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời? Câu trả lời là: Không một ai cả! Đức Chúa Trời là Đấng Thánh Khiết và Công Chính nên mọi tội nhân phải bị trừng trị theo pháp luật. Theo pháp luật của Đức Chúa Trời, mọi tội nhân phải bị giam đày trong hỏa ngục, vĩnh viễn xa cách mặt Ngài, không còn thấy vinh quang và quyền năng của Ngài. Người Việt chúng ta có câu: "Kêu trời không thấu." Điều đó cũng giống như trong xã hội, những kẻ phạm pháp đều bị chính quyền giam riêng lại một chỗ là nhà tù, để không làm hại và gây ảnh hưởng xấu đến những người dân tuân thủ pháp luật; chỉ khác một điều, luật pháp của Đức Chúa Trời tuyên án "chung thân" cho tất cả tội nhân. Mỗi tội nhân sẽ bị giam "đời đời" trong hỏa ngục.

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời là Tình Yêu. Ngài yêu thương mỗi một người, không muốn cho bất kỳ ai phải bị giam giữ đời đời nơi hỏa ngục. Thế nên, Ngài đã thi hành một kế hoạch chuộc tội cho nhân loại. Theo kế hoạch đó, Đức Chúa Trời đã sai Con Một của Ngài là Đức Chúa Giê-xu, tức Đức Chúa Trời Ngôi Hai, nhập thể làm người để chết trên thập tự giá như một tội nhân, đền tội cho nhân loại. Tội lỗi phải bị trừng phạt trong xác thịt nên Con Đức Chúa

Trời đã phải nhập thể làm người để gánh chịu sự trừng phạt ấy. Chỉ có Con của Đức Chúa Trời là Đấng vô tội mới có thể hội đủ điều kiện đền tội thay cho tội nhân. Thánh Kinh chép: *"Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương của Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ (danh hiệu của Đức Chúa Giê-xu) đã vì chúng ta mà chịu chết"* (Kinh Thánh, sách Rô-ma, đoạn 5, câu 8).

Kế hoạch chuộc tội cho nhân loại đã hoàn thành cách đây gần 2000 năm. Bất kỳ tội nhân nào có lòng ăn năn thống hối về tội lỗi của mình, tin vào kế hoạch chuộc tội của Đức Chúa Trời, chấp nhận sự tha thứ của Ngài, thì tội nhân ấy sẽ được Đức Chúa Trời tha thứ mọi tội lỗi. Sau khi được Đức Chúa Trời tha thứ mọi tội lỗi, người ấy được trắng án. Nếu người ấy chịu quay về đầu phục Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ ban cho quyền trở nên con của Ngài, và Đức Thánh Linh của Ngài, là Đức Chúa Trời Ngôi Ba, sẽ ngự vào lòng của người ấy để tái tạo lại một tâm linh mới, thuần khiết, thánh sạch, và giúp cho người ấy sống một đời sống mới, đắc thắng mọi tội lỗi: *"Nhưng hễ ai đã nhận Ngài, thì Ngài ban cho quyền phép trở nên con cái Đức Chúa Trời, là ban cho những kẻ tin Danh Ngài"* (Kinh Thánh, sách Giăng, đoạn 1, câu 12). Số phận của những người được Đức Chúa Trời tha tội và nhận làm con của Ngài sẽ là sống đời đời trong hạnh phúc bên Ngài: *"Ai tin Con Đức Chúa Trời đều được sự sống vĩnh cửu"* (Kinh Thánh, sách Giăng, đoạn 3, câu 36).

Nói theo cách ví von, toàn bộ những nét vẽ trên bức tranh đời người của chúng ta được Đức Chúa Trời xóa sạch. Ngài ban cho chúng ta cơ hội "vẽ" lại, không những thế, Ngài còn ban cho chúng ta khả năng vẽ những nét tuyệt hảo mỗi ngày trong cuộc sống của chúng ta. Sự cứu chuộc nói trên là "ân phúc" của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta chỉ đem lòng tin mà nhận lấy. Không một nỗ lực nào của chúng ta có thể tự cứu lấy mình. Mọi việc làm để tự cứu của chúng ta đều vô nghĩa. Hãy hình dung cảnh một người sa chân vào vũng lầy, càng cựa quậy để tự cứu, người ấy càng lún sâu... lún sâu... cho đến lúc chìm hẳn dưới lớp sinh lầy hôi hám.

Thánh Kinh chép: *"Vả, ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình"* (Kinh Thánh, sách Ê-phê-sô, đoạn 2, câu 8-9). Có người nói: "Tội lỗi của tôi quá nhiều, làm sao Đức Chúa Trời có thể tha thứ cho tôi?" Đức Chúa Trời đáp: *"Bây giờ hãy đến, cho chúng ta biện luận cùng nhau. Dầu tội các người như hồng điều, sẽ trở nên trắng như tuyết; dầu đỏ như son, sẽ trở nên trắng như lông chiên"* (Kinh Thánh, sách Ê-sai, đoạn 1, câu 18).

Bạn thân mến, sự quyết định thuộc về bạn. Đức Chúa Trời không bao giờ cưỡng ép bạn đứng về phía Ngài. Điều quan trọng là bạn chỉ có thể quyết định trong khi còn sống. Một khi bạn chết, mọi sự đã muộn. Nếu bạn quyết định đứng về phía Đức Chúa Trời, làm lại cuộc đời, nếu bạn muốn sống đời đời trong tình yêu của Ngài, bạn hãy thưa với Chúa bằng những lời tương tự như sau:

"Kính lạy Đức Chúa Trời, con là người có tội. Con thật lòng hối tiếc về những tội lỗi con đã phạm trong đời. Con tin rằng Đức Chúa Giê-xu đã giáng thế làm người, chịu chết để đền tội cho con. Con tin rằng Đức Chúa Giê-xu đã sống lại để ban cho con sự sống đời đời. Con xin tiếp nhận sự tha thứ của Chúa. Xin Chúa ngự vào lòng con, làm chủ đời con và ban cho con quyền năng chiến thắng mọi cám dỗ, mọi tội lỗi. Xin Chúa dạy cho con hiểu biết về Chúa càng hơn. Từ nay, con xin sống trong sự yêu thương, dẫn dắt của Ngài. Con thành kính cầu nguyện trong Danh Đức Chúa Giê-xu. A-men." (A-men nghĩa là xin cho được như vậy.)

Mời bạn ghé thăm trang web Tin Lành Việt Nam để tìm hiểu thêm về nếp sống mới trong Chúa: www.tinlanhvietnam.net.

2. Đạo Nào Cũng Tốt, Nhưng...

Mỗi một người được sinh ra trong thế gian này, dù sớm hay muộn, sẽ đến một lúc người ấy nhìn thấy rõ bản chất tội lỗi, đê tiện, xấu xa, gian ác... của chính mình; và công nhận sự bất lực của bản thân trong việc chiến thắng tội lỗi. Người ấy sẽ đi tìm một trợ lực từ bên ngoài, để giúp cho mình tiêu trừ được mầm tội lỗi luôn phát triển mạnh mẽ từ bên trong mình; và cũng thành tâm, nỗ lực làm những việc công đức hầu mong đền bù lại những tội lỗi đã và vẫn đang gây ra mỗi ngày. Người ấy sẽ tìm đến với các tôn giáo, các tín ngưỡng tâm linh, các triết lý đạo đức.

Người đời thường nói: Mọi tôn giáo, mọi tín ngưỡng, mọi triết lý đạo đức đều giống nhau. Thật vậy, chúng giống nhau ở hai điểm:

1. Tôn giáo nào, tín ngưỡng nào, triết lý đạo đức nào cũng khuyên dạy con người làm lành, lánh dữ, yêu thương, tha thứ mọi người.

2. Nhưng không một tôn giáo nào, tín ngưỡng nào, triết lý đạo đức nào có năng lực giúp cho con người bỏ ác làm lành.

Rất có thể "đạo nào cũng tốt" nhưng đạo tốt không thể cứu được chúng ta ra khỏi sức mạnh và hậu quả của tội lỗi. Khi một người ý thức được không một tôn giáo, tín ngưỡng, triết học nào có thể giúp cho mình sống đúng với lương tâm, có thể giúp cho mình làm lành, lánh dữ, và tìm được sự giải thoát khỏi ách nô lệ cho tội lỗi; thì người ấy cũng cảm nhận được rõ ràng sự tuyệt vọng lớn nhất của đời người.

Trong khi nhân loại chìm trong nỗi tuyệt vọng lớn nhất của đời người, không phương thoát khỏi quyền lực của tội lỗi, và kinh sợ khi đối diện với cái chết, vì biết rất rõ ràng trong lương tâm: những tội lỗi mình đã gây ra, bằng cách nào đó, mình phải trả lời và chịu trách nhiệm; thì Ánh Sáng của Tin Lành Cứu Rỗi đã đến với nhân loại. Gọi đó là Ánh Sáng của Tin Lành Cứu Rỗi vì Tin Lành Cứu Rỗi chiếu ra ánh sáng thiên thượng vào màn đêm tối tăm tuyệt vọng của quyền lực tội lỗi và sự chết, đem lại cho nhân loại niềm hy vọng của sự cứu rỗi. Tin Lành ấy là: Một tin tức tốt lành về sự tha thứ, phục hồi, đổi mới, và sự sống đời đời mà loài người có thể đón nhận chỉ bằng vào "đức tin."

Ý nghĩa của Tin Lành Cứu Rỗi rất là đơn giản:

Đức Chúa Trời dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người và trao cho loài người quyền cai quản muôn vật; nhưng loài người đã không vâng theo luật của Chúa nên phạm tội nghịch lại Chúa và mở đường cho tội lỗi xâm nhập vào thế gian. Cùng với sự xâm nhập của tội lỗi là đau khổ, bệnh tật, và sự chết. Loài người, khi phạm tội, bị cắt đứt với sự sống từ nơi Chúa, giống như một thân cây đào hay cây mai bị cắt lia gốc trong những ngày đầu xuân. Cây đào hay cây mai bị cắt gốc vẫn duy trì được sự sống còn sót lại trong thân, vẫn trở hoa rực rỡ trong những ngày tiếp theo; nhưng theo thời gian, cây đào hay cây mai ấy sẽ héo tàn rồi chết khô, trừ khi được tháp trở lại vào gốc cũ để đón nhận nguồn dinh dưỡng từ gốc cây.

Tin Lành là: Đức Chúa Trời bằng lòng sai Con Một của Ngài là Đức Chúa Giê-xu nhập thế, mang thân xác người, để gánh chịu án phạt tội lỗi của nhân loại. Vì Chúa là công chính nên mọi tội lỗi phải bị trừng phạt; nhưng Chúa lại yêu thương loài người, Ngài không muốn phạt chết loài người. Để có thể thỏa mãn đức công chính và yêu thương của Ngài cùng một lúc, Ngài đã thi hành án phạt trên chính Con Một của Ngài để loài người được tha thứ mọi tội lỗi. Một người, muốn được sạch tội, phải TIN vào Tin Lành Cứu Rỗi. Ví như người tử tù phải tin rằng người con trai duy nhất của quan tòa đã cam lòng tình nguyện chết thế cho anh ta,

cho nên mọi tội của anh ta đều được tha. Muốn nhận được lệnh tha, người tù phải TIN vào sự kiện đền tội mà chính vị quan tòa đã thu xếp cho anh. Anh ta không cần phải làm một điều gì hết, mà chỉ cần tin nhận ơn tha thứ. Tất cả những việc làm "công đức" của anh trong thời gian ở tù chờ ngày xử tử, không cứu được anh ta khỏi án chết đã tuyên phán.

Sau khi thành thật ăn năn tội lỗi, và TIN vào ơn cứu rỗi của Tin Lành, một người được Chúa tha sạch mọi tội lỗi, nhưng người ấy vẫn còn có khả năng phạm tội; nghĩa là dù tội cũ đã được tha, nhưng rồi người ấy sẽ tạo ra những tội mới vì tội lỗi đã buộc mọi người dưới quyền lực của nó. Để được giải phóng vĩnh viễn khỏi quyền lực của tội lỗi, người đó cần phải NHẬN Chúa vào lòng, nhường quyền cai trị đời sống của mình cho Chúa, và xin Chúa ban cho mình năng lực đắc thắng mọi cám dỗ của tội lỗi.

Cuộc đời mới của một người tin nhận Chúa bắt đầu từ khi người ấy ăn năn tội lỗi, tin vào sự chết chuộc tội của Chúa cho mình, và hiến dâng cả cuộc đời mình cho Chúa làm chủ và cai quản. Ngay phút giây đó, người ấy được Chúa ban cho quyền phép trở nên con cái của Đức Chúa Trời; Thánh Linh của Chúa ngự vào bên trong thân xác của người ấy và tái sinh người, khiến người trở nên một tạo vật mới; ban cho người năng lực tránh dữ, làm lành. Năng lực tránh dữ, làm lành này là bản tính mới của một con người mới trong Chúa. Từ nay, người có khả năng làm lành và tránh dữ một cách tự nhiên, bởi vì sự làm lành, lánh dữ không còn là một ước muốn phải đạt tới mà đã trở thành bản tính thiên nhiên trong người ấy. Thánh Kinh là Lời của Chúa, chép rằng: *"Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới"* (Kinh Thánh, sách II Cô rinh tô, đoạn 5, câu 17). Ví như cây mai hay cây đào bị chặt ra, nay được thắp trở lại vào gốc cũ, đón nhận nhựa sống từ gốc cây thể nào, thì người được "thắp trở lại" với nguồn sự sống bất tận của Chúa cũng tiếp nối với sự sống thể ấy và sẽ được sống mãi với Ngài trong cõi vĩnh phúc.

Thân xác hiện tại sẽ phải qua đi, bởi Lời Chúa chép rằng: *"Theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét"* (Kinh Thánh, sách Hê bơ rơ, đoạn 9, câu 27); nhưng từ nay, cái chết không còn là điều khiếp sợ đối với một người đã tin nhận Chúa, bởi cũng chính Lời Chúa bảo đảm rằng: *"Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Jesus Christ"* (Kinh Thánh, sách Rô ma, đoạn 8, câu 1). Và: *"Phước thay cho những người chết là người chết trong Chúa! Đức Thánh Linh phán: Phải, vì những người ấy nghỉ ngơi khỏi sự khó nhọc, và việc làm mình theo sau"* (Kinh Thánh, sách Khải Huyền, đoạn 14, câu 13). Đối với người tin nhận Chúa, cái chết trở thành phước hạnh, vì người được nghỉ ngơi công việc của mình, về với Chúa, an nghỉ, vui thỏa bên Ngài để chờ ngày Chúa làm cho sống lại thân xác của mình và biến hoá thành một thân thể thần linh bất tử.

Người tin nhận Chúa, vẫn còn phải đối diện với những thử thách, tai ương, bất hạnh trong đời. Nhưng giờ đây, người đón nhận những điều đó với đức tin mạnh mẽ vào tình yêu, quyền năng, và sự thành tín của Chúa. Người ấy biết chắc *"mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Đức Chúa Trời"* (Kinh Thánh, sách Rô ma, đoạn 8, câu 28). Người tin Chúa cũng có thể vì yếu đuối mà sa ngã, vấp phạm, gây ra tội nhưng nếu người thực lòng ăn năn, và biết nương cậy vào quyền năng của Chúa để chiến thắng cám dỗ, chứ không phải cậy vào năng lực riêng của mình, thì: *"Ngài là thành tín công bình để tha tội cho chúng ta, và làm cho chúng ta sạch mọi điều gian ác"* (Kinh Thánh, sách I Giăng, đoạn 1, câu 9).

Để có thể nương cậy vào quyền năng của Chúa, người tin nhận Chúa phải mở lòng ra, đón nhận đến tràn đầy ân sủng và quyền năng của Chúa. Khi ân sủng và quyền năng của Chúa tràn ngập trong tâm linh chúng ta, mọi gian ác, xấu xa, nhơ bẩn sẽ bị quét sạch. Tấm lòng cũ của chúng ta ví như một cái ly tràn đầy chất độc, nay chúng ta chịu cho Chúa rót

quyền năng và ân sủng của Ngài vào, tất cả những chất độc sẽ tràn ra ngoài, trong chiếc ly không còn chất độc nữa, mà chỉ là quyền năng và ân sủng của Chúa. Khi chúng ta hoàn toàn phó thác đời mình cho Chúa, mở lòng ra đón nhận quyền năng và ân sủng của Ngài, ngày này qua ngày khác, chúng ta sẽ tràn đầy năng lực của Chúa và năng lực đó giúp cho chúng ta chiến thắng mọi khó khăn, thử thách, cám dỗ và chính tội lỗi.

Người tràn đầy năng lực của Chúa được Thánh Kinh gọi là người được đầy dẫy Thánh Linh. Thế nào là mở lòng ra để đón nhận tràn đầy ân sủng và quyền năng của Chúa? Đó là người tin nhận Chúa phải tự mình thiết lập mối quan hệ cá nhân mật thiết với Chúa qua sự cầu nguyện, tức là trò chuyện với Chúa, và đọc Thánh Kinh, tức là học hỏi, tìm biết về Chúa và tìm biết ý chỉ, phước hạnh của Ngài dành cho chính mình. Bên cạnh việc đọc Thánh Kinh và cầu nguyện, là mối tương giao cá nhân của mình với Chúa, người tin Chúa cũng cần phải thiết lập mối tương giao cá nhân với những người cùng đức tin để nâng đỡ, khích lệ, tương thân, tương ái, và học hỏi lẫn nhau trong Chúa như chi thể của cùng một thân mà Chúa là đầu của thân thể: *"Vả, anh em là thân của Đấng Christ, và là chi thể của thân, ai riêng phần nấy"* (Kinh Thánh, sách I Cô rinh tô, đoạn 12, câu 27).

Những người tin Chúa và vâng theo Lời Chúa được Chúa gọi là các thánh đồ, nghĩa là những người đã được huyết thánh của Ngài rửa sạch mọi tội lỗi, và biệt riêng ra làm con dân của Ngài. Chỗ nào có các thánh đồ, dù chỉ hai ba người, nhân Danh Chúa mà nhóm họp lại, chỗ đó có Chúa hiện diện và được gọi là Hội Thánh của Chúa: *"Vì nơi nào có hai ba người nhân Danh Ta nhóm nhau lại, thì Ta ở giữa họ"* (Kinh Thánh, sách Ma thi ơ, đoạn 18, câu 20). Hội Thánh nhóm họp lại để các thánh đồ hiệp nhau thờ phượng Chúa, cùng nhau nghe và học lời Chúa, làm chứng, chia sẻ những kinh nghiệm sống trong Chúa của mỗi cá nhân, và phát triển sự tương thân, tương ái để cùng nhau rao giảng Tin Lành Cứu Rỗi đến những người chưa tin nhận Chúa.

Một trong những phước hạnh mà các thánh đồ trong Hội Thánh của Chúa có thể chia sẻ cho nhau không ngừng nghỉ, đó là sự thuật lại cho nhau nghe những điều kỳ diệu Chúa dạy dỗ cá nhân mình qua Lời Hằng Sống của Chúa là Thánh Kinh, qua Thánh Linh của Ngài đang ngự trị trong thân thể của chúng ta, và qua những điều kỳ diệu Chúa đã và đang làm trong đời sống của mình mỗi ngày, để cùng nhau vui mừng tôn vinh, cảm tạ Chúa và học hỏi lẫn nhau trong Danh Chúa.

Ước mong quý ông bà anh chị em nào đang đọc những dòng chữ này mà chưa thật sự TIN NHẬN Chúa, thì hãy đến với Chúa để được sự tha tội, được sự cứu rỗi, được ban cho quyền năng thiên thượng để làm lành, lánh dữ, và được vào sống đời đời trong nước vinh hiển, phước hạnh của Đức Chúa Trời.

3. Lòng Tin và Đức Tin

Loài người không thể sống mà không có lòng tin và đức tin.

Hàng ngày, chúng ta dựa vào lòng tin để sinh hoạt. Khi chúng ta đem tiền gửi vào ngân hàng, thì chúng ta tin rằng tiền của chúng ta sẽ được cất giữ an toàn và khi chúng ta cần thì có thể lấy ra bất kỳ lúc nào. Khi chúng ta bước chân lên một chiếc máy bay, thì chúng ta tin rằng, chiếc máy bay và các phi công sẽ đưa chúng ta an toàn đến nơi chúng ta muốn đến. Khi chúng ta ngồi xuống một chiếc ghế, thì chúng ta tin rằng chiếc ghế có thể chịu được sức nặng của chúng ta... Tất cả các thí dụ đó, cho thấy lòng tin của chúng ta vào các sự vật, sự việc, và con người chung quanh chúng ta, để chúng ta có thể sinh hoạt mỗi ngày. Lòng tin được thiết lập bởi sự quan sát, học hỏi, lý luận, và kinh nghiệm thực tế; nghĩa là, những gì chúng ta tin, ít

ra có thể kiểm chứng trước khi tin. Chúng ta nhìn thấy: khi đưa thẻ rút tiền vào máy rút tiền, thì chúng ta lấy được tiền. Chúng ta nhìn thấy: chiếc máy bay vận chuyển hành khách bay trong không gian. Chúng ta nhìn thấy: chiếc ghế vững vàng giữ lấy thân thể của chúng ta. Chúng ta lý luận: nếu những sự kiện đó xảy ra cho người khác được, thì cũng có thể xảy ra cho chúng ta.

Cũng có những điều chúng ta tin mà không thể kiểm chứng qua sự tai nghe, mắt thấy, như: lòng tin vào Đức Chúa Trời, lòng tin vào thiên đàng và hỏa ngục, lòng tin vào sự sống đời đời... Lòng tin không thể kiểm chứng trước khi tin đó, được gọi là đức tin.

Lòng tin

Mặc dù, lòng tin được thiết lập sau khi kiểm chứng; nhưng không phải lúc nào lòng tin cũng đem đến cho chúng ta kết quả chắc chắn. Đã từng có trường hợp ngân hàng bị phá sản và tiền gửi vào ngân hàng bị mất; đã từng có trường hợp máy bay bị rớt và mọi người trên máy bay đều tử nạn; đã từng có trường hợp chiếc ghế ngồi bị gãy đổ khiến cho người ngồi bị té nặng... Trong thực tế, nhiều khi lòng tin của chúng ta bị phản bội; bởi vì ngay từ ban đầu, đối tượng mà chúng ta tin tưởng đã không đáng tin, đã cố tình đánh lừa chúng ta, hoặc có những điều vượt quá sự kiểm soát của chúng ta.

Có lòng tin là một việc, nhưng có can đảm để hành động theo lòng tin là một việc khác. Chúng ta có thể xem và thán phục những người biểu diễn nhảy dù. Chúng ta có thể hiểu biết đầy đủ những gì cần biết về kỹ thuật nhảy dù. Chúng ta có thể được trang bị với những phương tiện và dụng cụ tối tân nhất, an toàn nhất để nhảy dù. Và chúng ta hoàn toàn tin tưởng chúng ta sẽ an toàn trong sự nhảy dù. Nhưng nếu chúng ta không có đủ can đảm thì chúng ta sẽ không thể thực hiện sự nhảy dù!

Trong tác phẩm "Anh em nhà Karamazov" của Văn Hào Dostoievsky, có ghi lại câu chuyện cậu bé Kolya đánh cá với bạn của mình rằng: cậu dám nằm giữa hai đường rầy xe lửa để cho chuyến tàu tốc hành Moscow chạy ngang qua. Bạn của Kolya chấp nhận đánh cá và Kolya đã thản nhiên nằm xuống chính giữa hai đường rầy xe lửa, để cho chuyến tàu tốc hành rầm rộ chạy qua, trong khi bạn của cậu đứng nhìn và sợ run. Sau khi chuyến tàu qua khỏi, Kolya nằm im vài giây, trước khi trỗi dậy, không hề trầy trụa, huyết sáo và bước đi với số tiền thắng cá trong tay, để lại thằng bạn vẫn còn run sợ điếng người.

Dĩ nhiên, Kolya đã tin chắc rằng mình sẽ an toàn khi nằm giữa hai thanh đường rầy với cả chuyến tàu chạy ngang qua. Trước đó, Kolya đã quan sát thật kỹ con tàu khi nó nằm yên trên sân ga. Cậu đã đi dọc theo toàn chiều dài của con tàu để chắc chắn rằng một người có thể nằm giữa hai thanh đường rầy khi con tàu lướt qua, mà sẽ không bị hề hấn gì. Nhưng lòng tin vẫn đòi hỏi lòng can đảm kèm theo. Nếu không có đủ can đảm, Kolya không thể thực hiện điều mà mình tin.

Trong cuộc sống, luôn luôn có những sự bất ngờ, vượt ngoài sự kiểm soát của chúng ta khiến cho lòng tin của chúng ta kết thúc bằng thảm họa. Đã nhiều lần trong chương trình thám hiểm không gian, thảm họa vẫn xảy ra, cho dù những phi hành gia đầy lòng tin và lòng can đảm. Trong câu chuyện của Kolya, Văn Hào Dostoievsky đã thêm vào một chi tiết lý thú như sau: Trong khi Kolya đang nằm giữa hai đường rầy và con tàu rầm rộ lướt qua, cậu bé đã sợ đến thất thần nên nằm yên như chết. Chính vì sự sợ hãi quá lớn đó mà Kolya đã không còn đủ sức để ngồi bật dậy sau khi chuyến tàu đã qua khỏi. Vài giây sau, Kolya mới hồi phục lại tinh thần và mới có thể trỗi dậy.

Có lẽ Văn Hào Dostoievsky muốn nhấn mạnh đến điều quan trọng sau đây: Trong thực tế của đời sống, cho dù chúng ta có cẩn thận tính toán và chuẩn bị đến mức nào đi nữa, thì

vẫn có một yếu tố độc lập hoàn toàn chi phối kết quả cuối cùng các hành động của chúng ta. Trong nhiều trường hợp, dường như có một "ai đó," đầy lòng thương xót, đã nắm giữ chúng ta cho đến khi sự nguy hiểm hoặc khó khăn qua khỏi! Và, đó chính là sự khác biệt giữa lòng tin với đức tin.

Đức tin trong các tín ngưỡng và tôn giáo thế tục

Loài người có ý thức và kinh nghiệm về thế giới thần linh; ý thức cùng kinh nghiệm đó tạo ra tín ngưỡng và tôn giáo. Trong mỗi tín ngưỡng và tôn giáo đều có những điều người ta tin mà không thể kiểm chứng trước khi tin, và chúng ta gọi đó là đức tin. Có thể nói, đức tin trong các tín ngưỡng và tôn giáo đều giống nhau ở một điểm, đó là lòng hy vọng và khiếp sợ của loài người đối với thế giới thần linh. Sự hy vọng và khiếp sợ của loài người đối với thế giới thần linh tùy thuộc vào quan điểm của loài người về thế giới thần linh và kinh nghiệm của họ đối với thế giới thần linh. Mỗi dân tộc, mỗi thời đại, mỗi địa phương, nghĩa là mỗi nền văn hóa có các quan điểm khác nhau về thế giới thần linh, nhưng luôn có cùng một kinh nghiệm. Vì thế, chúng ta thấy loài người đã sáng tạo ra biết bao nhiêu là tín ngưỡng và tôn giáo; nhưng mẫu số chung vẫn là thờ lạy hình tượng. Mỗi người có thể gọi tên các thần linh mà họ tin tưởng bằng những tên khác nhau, thờ phượng bằng những nghi thức khác nhau; nhưng sự thờ phượng luôn luôn thông qua các hình tượng. Riêng trong Đạo của Đấng Christ, đức tin mang một ý nghĩa hoàn toàn khác biệt.

Đức tin trong Đạo Chúa

Đức tin trong Đạo Chúa không đến từ loài người, nhưng đến từ Đức Chúa Trời. Đức tin trong Đạo Chúa không dựa trên những gì loài người hy vọng nơi Đức Chúa Trời, nhưng dựa trên những gì Đức Chúa Trời đã làm cho loài người. Trong các tín ngưỡng và tôn giáo thế tục, loài người đến với các thần linh, thờ phượng các thần linh: hy vọng nhận được phước hạnh và tránh khỏi cơn thịnh nộ từ các thần linh mà họ thờ lạy. Trong Đạo Chúa, loài người được đón nhận tất cả các phước hạnh trong tình yêu Đức Chúa Trời dành cho họ và họ thờ phượng Đức Chúa Trời để bày tỏ lòng biết ơn Ngài, không có sự sợ hãi nào trong mối quan hệ giữa họ với Đức Chúa Trời (Kinh Thánh, sách I Giăng, đoạn 4, câu 18). Đức tin trong Đạo Chúa là mối quan hệ cá nhân giữa một người với Đức Chúa Trời: là sự nương cậy hoàn toàn của một người nơi tình yêu và quyền năng của Đức Chúa Trời, đồng thời dâng hiến trọn vẹn tâm lòng, cuộc đời của mình cho Chúa.

Trở lại với câu chuyện về lòng tin của cậu bé Kolya trên đây. Giả sử, Kolya chưa bao giờ có sự quan sát, để kết luận rằng: một người có thể nằm giữa hai đường rầy xe lửa trong khi xe lửa chạy qua mà không hề hấn gì. Giả sử, một hôm mẹ của Kolya hỏi cậu rằng: Con có yêu mẹ không? Kolya nhìn mẹ, lòng tràn đầy xúc động và thưa rằng: Thưa mẹ, mẹ biết rằng con yêu mẹ! Bà mẹ nói: Nếu con thật yêu mẹ thì hãy nằm xuống giữa hai đường rầy xe lửa, chờ cho chuyến tàu tốc hành Moscow chạy qua. Đừng hỏi tại sao, nhưng hãy tin mẹ và làm theo lời mẹ. Kolya ngược nhìn mẹ, cậu không hiểu lý do của lời yêu cầu; nhưng cậu yêu mẹ và tin cậy mẹ. Kolya đi ra chỗ đường rầy và nằm xuống với đức tin.

Một câu chuyện khác kể lại rằng: Có hai cha con cùng đi săn với nhau. Hai cha con đang nép mình đằng sau hai gốc cây lớn, cách nhau vài thước, để chờ con mồi. Đột nhiên, người cha nói nhỏ nhẹ với đứa con: Con ơi! con có yêu cha không? Cậu bé ngạc nhiên, nhìn cha mình và đáp: Thưa cha, cha biết là con yêu cha! Người cha nói: Như vậy, con hãy làm chính xác theo lời cha đây. Mặc dù cha làm gì, con hãy bình tĩnh, đừng yên, đừng lên tiếng, đừng bỏ chạy, hãy biết rằng cha yêu con hơn tất cả mọi sự. Cậu bé nhìn chăm chăm vào cha mình và đáp: Dạ! Người cha từ từ nâng nòng súng của mình lên, nhắm về phía đỉnh đầu của cậu con. Cậu con xanh mặt, từ từ nhắm mắt lại, đứng yên, chờ đợi, với đức tin. Một tiếng nổ

vang lên, một con trăn lớn rơi xuống bên chân cậu bé. Người cha chạy đến ôm choàng lấy con mình trong tay...

Đức tin trong Đạo Chúa không có lý luận, không có kiểm chứng, mà chỉ hoàn toàn dựa vào tình yêu của Đức Chúa Trời bày tỏ cho loài người qua kinh nghiệm cá nhân hoặc trong Thánh Kinh. Thánh Kinh định nghĩa đức tin rất ngắn gọn, nhưng cũng rất đầy đủ và rõ ràng, như sau: *"Vả, đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong là bằng cứ của những điều mình chẳng xem thấy"* (Kinh Thánh, sách Hê-bơ-rơ, đoạn 11, câu 1).

Đức tin, trước hết là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong. Khi đã biết một cách chắc chắn và vững vàng rồi, thì sự hiểu biết đó trở thành bằng cứ cho những điều mình chẳng xem thấy. Những điều một người tin nhận Chúa đang trông mong chỉ có thể là những gì có ích lợi cho người đó, vì lời Chúa dạy rõ: *"Vả, chúng ta biết rằng mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yếu mến Đức Chúa Trời, tức là cho kẻ được gọi theo ý muốn Ngài đã định"* (Kinh Thánh, sách Rô-ma, đoạn 8, câu 28). *"Ngài đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì chúng ta hết thảy mà phó Con ấy cho, thì Ngài há chẳng cũng sẽ ban mọi sự luôn với Con ấy cho chúng ta sao?"* (Kinh Thánh, sách Rô-ma, đoạn 8, câu 32).

Một người có đức tin nơi Chúa là một người biết chắc bất cứ điều gì xảy ra cho mình, cũng nằm trong thánh ý của Chúa và vì lợi ích của mình. Người ấy luôn mong đợi thánh ý của Chúa được thể hiện mỗi ngày trong đời sống của mình.

Khi nghịch cảnh, khổ đau, bệnh tật, tai ương xảy ra trong đời sống của chúng ta, chúng ta không có đức tin mù quáng để bảo rằng những điều đó không có thật. Chúng ta chấp nhận thực tế với đức tin vững vàng rằng: "mọi sự hiệp lại có ích" cho chúng ta, và Chúa là nguồn trông cậy duy nhất của chúng ta. Chúng ta có đức tin vững vàng nơi sự thành tín của Chúa rằng: *"Những sự cám dỗ đến cho anh em, chẳng có sự nào quá sức loài người. Đức Chúa Trời là thành tín, Ngài chẳng hề cho anh em bị cám dỗ quá sức mình đâu; nhưng trong sự cám dỗ, Ngài cũng mở đường cho ra khỏi, để anh em có thể chịu được"* (Kinh Thánh, sách I Cô-rinh-tô, đoạn 10, câu 13).

Ngay cả khi Chúa không giải cứu chúng ta ra khỏi những nghịch cảnh của đời này, thì chúng ta vẫn trung tín với Chúa như ba người thanh niên Hê-bơ-rơ khi đối diện với Vua Nê-bu-cát-nét-xa: *"Này, hỡi vua! Đức Chúa Trời mà chúng tôi hầu việc, có thể cứu chúng tôi thoát khỏi lò lửa hực, và chắc cứu chúng tôi khỏi tay vua. Dầu chẳng vậy, hỡi vua, xin biết rằng chúng tôi không hầu việc các thần của vua, và không thờ phượng pho tượng vàng mà vua đã dựng"* (Kinh Thánh, sách Đa-ni-ên, đoạn 3, câu 17, 18).

Chính sự biết chắc chắn và vững vàng của chúng ta (tức đức tin) về tình yêu và sự thành tín của Đức Chúa Trời, dẫn đến thái độ đứng đắn của chúng ta đối với mọi cảnh ngộ trong cuộc sống, và những thái độ đó trở thành bằng cứ của những điều mà chúng ta tin.

Chúng ta được cứu rỗi nghĩa là được tha tội, được làm cho sạch tội, và được xưng công bình bởi đức tin vào Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Giê-xu, và chúng ta cũng chỉ sống bởi đức tin (Kinh Thánh, sách Rô-ma đoạn 1, câu 17; đoạn 3, câu 25, 28; sách Ga-la-ti, đoạn 3, câu 11). Chúng ta chỉ có thể được Đức Chúa Trời tiếp nhận khi chúng ta có đức tin nơi Ngài. Thánh Kinh cho biết: *"Vả, không có đức tin, thì chẳng hề có thể nào ở cho đẹp ý Ngài; vì kẻ đến gần Đức Chúa Trời phải tin rằng có Đức Chúa Trời, và Ngài là Đấng hay thưởng cho kẻ tìm kiếm Ngài"* (Kinh Thánh, sách Hê-bơ-rơ, đoạn 11, câu 6).

Đức Chúa Trời không khiến cho chúng ta yêu Ngài một cách máy móc; nhưng Ngài bày tỏ tình yêu của Ngài đối với chúng ta, và để cho chúng ta tự do chọn lựa sự đáp ứng. Chúng ta có thể toàn quyền chối bỏ tình yêu của Ngài hoặc hết lòng đáp ứng tình yêu của Ngài. Khi

chúng ta đáp ứng tình yêu của Đức Chúa Trời bằng cách hết lòng tin cậy và đầu phục Ngài là chúng ta có đức tin nơi Ngài.

Lời Tâm Tình của Ban Hiệu Đính

Kính thưa quý bạn đọc.

"Chân Giả Luận" là một cuốn sách được trình bày theo thể hỏi đáp những câu hỏi và lời giải luận liên quan Đạo Cứu Rỗi của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại, còn được gọi là Tin Lành hoặc Đạo Chúa. Chân Giả Luận có nghĩa là luận bàn về sự giả và sự thật. Cuốn sách nhỏ này luận bàn về những sự giả trong quan niệm của người thế gian về các tôn giáo và Đạo Chúa; đồng thời trình bày những lẽ thật của Tin Lành, là sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho loài người tội lỗi, và cách thức thờ phượng Đức Chúa Trời một cách chân thật.

Cuốn sách này được biên soạn từ khoảng giữa thế kỷ 20, cho nên, trong nguyên tác, giọng văn rất xưa, có nhiều từ ngữ cổ không còn thông dụng. Vì vậy, chúng tôi đã mạo muội biên soạn trở lại bằng lối văn và các từ ngữ thông dụng hiện đại; mong sao giúp ích cho dân tộc Việt Nam trong sự tìm hiểu Đạo Chúa. Chúng tôi không biết tác giả là ai, chỉ thu gom và biên tập các bài viết được đăng tải trên Internet. Chúng tôi đoán rằng: Có lẽ tác giả hay các tác giả, hiện nay, đã yên nghỉ trong nước Chúa. Chúng tôi tin rằng, tác phẩm này đã được (các) tác giả dâng lên Đức Chúa Trời, như một của dâng để phục vụ công tác rao truyền Đạo Chúa cho dân tộc Việt Nam. Trong niềm tin đó, chúng tôi làm công việc hiệu đính, như là phải đi lớp bụi thời gian, để tác phẩm này tiếp tục sự phục vụ của nó một cách hữu hiệu.

Cuốn sách này được trao tặng hoàn toàn miễn phí cho những ai muốn nhận. Mọi sự mua bán hay trao tặng có điều kiện cuốn sách này đều là không hợp pháp. Mọi sự sao chép, tái bản dưới mọi hình thức, xin người thực hiện vui lòng giữ đúng nguyên văn. Một phiên bản điện tử (e-book) của cuốn sách này được lưu trữ trên Internet, tại địa chỉ dưới đây, để mọi người tự do đọc và sao chép: www.tinlanhvietnam.net.

Kính thưa quý bạn đọc.

Đạo Tin Lành chúng tôi trình bày trong quyển sách nhỏ này không phải là một hình thức tôn giáo với các hệ thống tổ chức: Giáo hội, Giáo hạt, nhà thờ... mà chỉ đơn thuần là tin tức tốt lành mang đến cho quý bạn, với mong muốn đưa dẫn quý bạn hướng tâm đến một Đấng Chân Thần, là Đấng Tạo Hóa đã tạo dựng nên muôn loài, muôn vật, và loài người chúng ta. Chúng tôi ao ước: quyển sách nhỏ này sẽ giúp cho quý bạn có một nhận thức đúng đắn và sáng suốt, để lựa chọn cho mình một con đường đi đúng mà không phải hối tiếc, ân hận về sau.

Tin Lành này là con đường cứu rỗi duy nhất để cứu loài người thoát khỏi quyền lực của tội lỗi, mà hậu quả của nó là linh hồn sẽ phải nhận chịu sự đau đớn, kinh khiếp nơi hỏa ngục đời đời sau cái chết thuộc thể nơi trần thế. Đạo Tin Lành chúng tôi trình bày ở đây để giúp quý bạn tìm đường quay trở lại với Đấng Tạo hóa là Đức Chúa Trời, thông qua Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Giê-xu, mà do hậu quả của tội lỗi, chúng ta đã bị xa lìa khỏi Ngài.

Quý bạn ý thức được mình là một tội nhân. Quý bạn luôn bất an, lo lắng về những tai họa không nhìn thấy, có thể bất ngờ giáng xuống cuộc đời của mình. Quý bạn tích cực đi nhà thờ, chùa chiền, làm công đức, dâng hiến của cải, tiền bạc, làm từ thiện... hầu mong tội lỗi được bôi xóa. Nhưng đó không phải là phương cách để được giải thoát khỏi tội. Phương cách duy nhất để quý vị thoát khỏi tội lỗi là tìm về với Đấng đã tạo dựng ra mình là Đức Chúa Trời

để cầu xin được tha tội. Con đường duy nhất đến với Đức Chúa Trời phải thông qua Đức Chúa Giê-xu như Ngài đã phán trong sách Kinh Thánh, sách Giăng, đoạn 10, câu 9: *“Ta là cái cửa; Nếu ai bởi Ta mà vào, thì sẽ được cứu rỗi; họ sẽ vào ra và gặp đồng cỏ.”* Và trong sách Giăng, đoạn 14, câu 6: *“Ta là đường đi, lẽ thật, và sự sống; chẳng bởi Ta thì không ai được đến cùng Cha.”*

Đức Chúa Giê-xu (Giê-xu có nghĩa là: Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi) là Ngôi Hai của Đức Chúa Trời giáng trần để chịu chết trên thập tự giá chuộc tội cho loài người, và Ngài cũng đã từ cõi chết sống lại để ban cho những ai tin nhận Ngài sự sống đời đời. Nếu quý bạn tin nhận điều này và thật lòng ăn năn tội, tức là hối tiếc những việc làm tội và quyết tâm từ bỏ tội, quý bạn chỉ cần quỳ gối, thành tâm xưng nhận tội với Đức Chúa Trời, và bằng lòng tin nhận Chúa Cứu Thế Giê-xu đã trả thay cho quý bạn án tử, thì quý bạn sẽ được Đức Chúa Trời tha tất cả mọi tội lỗi đã phạm. Quý bạn có thể thưa với Chúa những lời như sau:

“Kính lạy Đức Chúa Trời, con biết con là một người có tội, con tin Đức Chúa Giê-xu là Ngôi Hai của Ngài đã xuống thế gian thay con nhận chịu án chết, nhờ đó mọi tội lỗi của con đã được tha. Con bằng lòng tiếp nhận Đức Chúa Giê-xu làm Cứu Chúa của con. Con cảm tạ ơn Ngài. A-men.”

A-men có nghĩa là “thật như vậy.” Bạn không cần lập lại nguyên văn như trên, chỉ cần bạn thật lòng và thành tâm xưng nhận tội, tiếp nhận ơn cứu rỗi từ Đức Chúa Giê-xu và trình dâng với Đức Chúa Trời những gì từ tâm bạn xuất phát ra, là đủ.

Sau khi bạn thật lòng ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời ban cho mình qua cái chết chuộc tội của Đức Chúa Giê-xu, bạn cần tìm đọc Kinh thánh để hiểu biết thêm về Đức Chúa Trời và nếp sống của một người tin Chúa. Bạn có thể tìm mua, hoặc nhờ những người đã tin Chúa trước đó, mua giúp một cuốn Kinh Thánh tiếng Việt, bản dịch Truyền Thống, còn gọi là bản dịch Phan Khôi hay bản dịch năm 1926, bạn cũng có thể đọc Kinh Thánh trên mạng bằng cách vào trang web: www.thanhkinhvietngu.net.

Khi đã tin nhận Chúa, bạn nên tìm đến các Hội Thánh Tin Lành địa phương để làm quen với những anh chị em tín hữu khác; cùng nhóm họp thờ phượng Chúa, cùng nhau học hỏi Kinh thánh để biết sống nếp sống đúng theo lời dạy của Chúa trong Kinh thánh. Nhưng bạn cũng cần biết, không phải tất cả những người xưng danh tín đồ Tin Lành đều thật sự là tín đồ Tin Lành. Do đó, bạn cần cầu xin Chúa Thánh Linh soi sáng cho bạn để bạn có thể nhận ra đâu là tín đồ thật của Chúa và đâu là những kẻ giả hình như đã được ghi lại trong Kinh Thánh, sách Ma-thi-ơ đoạn 7, từ câu 15 đến câu 23:

15 Hãy coi chừng tiên tri giả, là những kẻ mang lót chiên đến cùng các người, song bề trong thật là muông sói hay cắn xé.

16 Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được. Nào có ai hái trái nho nơi bụi gai, hay là trái vả nơi bụi tật lê?

17 Vậy, hễ cây nào tốt thì sanh trái tốt; nhưng cây nào xấu thì sanh trái xấu.

18 Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt.

19 Hễ cây nào chẳng sanh trái tốt, thì phải đốn mà chum đi.

20 Ấy vậy, các người nhờ những trái nó mà nhận biết được.

21 Chẳng phải hễ những kẻ nói cùng Ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha Ta ở trên trời mà thôi.

22 Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng Ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhơn danh Chúa mà nói tiên tri sao? nhơn danh Chúa mà trừ quỷ sao? và lại nhơn danh Chúa mà làm nhiều phép lạ sao?

23 Khi ấy, Ta sẽ phán rõ ràng cùng họ rằng: Hỡi kẻ làm gian ác, Ta chẳng biết các người bao giờ, hãy lui ra khỏi Ta!

Bạn nên lánh xa các phong trào "Tin Lành Nói Tiếng Lạ." Hiện tượng "nói tiếng lạ" không ai hiểu, không ai thông giải chỉ là một sự kiện bị ảnh hưởng bởi tà linh, khác với ơn nói và thông giải ngoại ngữ đến từ Đức Chúa Trời như Kinh Thánh trình bày. Bạn cũng nên lánh xa các phong trào "Tin Lành Thịnh Vượng," là phong trào cho rằng một người tin theo Chúa sẽ luôn được giàu có về vật chất, khỏe mạnh về thể xác. Chúa dạy người tin Chúa: Hễ đủ ăn, đủ mặc thì phải thỏa lòng. Chúa dạy người tin Chúa: Chớ yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian. Chúa dạy: Người giàu vào nước thiên đàng còn khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim. Chúa dạy: Thân thể loài người sẽ trở về với bụi đất trước khi Ngài phục sinh những người tin nhận Chúa vào một thân thể mới, sống đời đời hạnh phúc trong nước thiên đàng; còn những người không tin nhận Chúa cũng sẽ phục sinh để chịu hình phạt đời đời trong hỏa ngục. Vì thế, việc thân thể bị đau ốm, bệnh tật, già yếu rồi chết đi là điều đương nhiên. Trong thánh ý của Chúa, Ngài cũng chữa lành cho nhiều người trong nhiều lúc để bày tỏ quyền năng của Ngài. Nguyên tắc chính để có thân thể khỏe mạnh là giữ gìn vệ sinh cho thân thể và linh hồn. Đau ốm, bệnh tật phần lớn là do ăn ở kém vệ sinh hoặc không tuân thủ các sự dạy dỗ của Lời Chúa, như: lo lắng về sự sống; tham lam tiền bạc, vật chất mà lao tâm, lao lực; không để cho thân thể được yên nghỉ vào mỗi ngày thứ bảy; không điều độ trong sự ăn uống; làm những điều mê tín dị đoan, bói toán, tử vi, xem ngày, cúng sao, thờ cúng người chết và các thứ hình tượng...

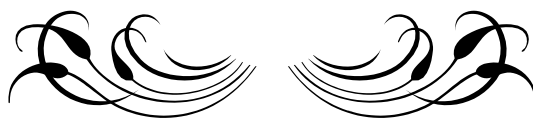
Bạn cần đọc và suy ngẫm Lời Chúa là Kinh Thánh một cách cẩn kẽ để hiểu và làm theo thánh ý của Đức Chúa Trời và lấy tâm thần trong sạch mà thờ lạy Ngài, vì: *"Đức Chúa Trời là Thần, nên ai thờ lạy Ngài thì phải lấy tâm thần và lễ thật mà thờ lạy"* (Giăng 4 : 24). Bạn hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời về chính đời sống của bạn. Tất cả mọi sự giảng dạy của bất kỳ ai cũng cần được đối chiếu với Kinh Thánh để xem lời giảng đó có đúng với Kinh Thánh hay không. Kinh Thánh là thẩm quyền duy nhất và tuyệt đối trong đời sống của người đi theo Chúa.

Mời bạn ghé lại hai trang web sau đây để tìm biết thêm về những sự dạy dỗ của Kinh Thánh và nếp sống của người tin Chúa:

www.tinlanhvietnam.net và www.thanhkinhthanhoc.net.

Trân trọng.

Ban Hiệu Đính Chân Giả Luận
www.tinlanhvietnam.net
Tháng 10 Năm 2010



Kính mời quý vị tìm hiểu thêm về Tin Lành
qua các bài giảng luận và giải thích Kinh Thánh
tại website sau đây:

www.tinlanhvietnam.net

Ngày Đức Chúa Trời hủy diệt thế gian này đã rất gần.
Thánh Kinh là Lời của Đức Chúa Trời ban cho nhân loại đã tiên tri trước về các "điềm tận thế."
Hiện nay, các điềm tận thế đang xảy ra khắp nơi trên thế gian. Quý vị có thể hỏi xin người trao
tặng cuốn sách **Chân Giả Luận** này một đĩa CD MP3 bao gồm 50 bài giảng về điềm tận thế
và tiến trình tận thế, tựa đề: "Chú Giải Sách Khải Huyền"

Để hiểu biết thêm về Đức Chúa Giê-xu, quý vị có thể hỏi xin một đĩa CD MP3 tựa đề:
"Chú Giải Sách Ma-thi-ơ"

Hoặc mời quý vị lắng nghe các bài giảng:
"Chú Giải Sách Khải Huyền"
"Chú Giải Sách Ma-thi-ơ"
"Chương Trình của Đức Chúa Trời cho Mọi Thời Đại"
được đăng trên website:
www.tinlanhvietnam.net

Quý vị có thể đọc Thánh Kinh Việt ngữ trên Internet
qua địa chỉ website sau đây:
www.thanhkinhvietngu.net

Mọi thắc mắc về lẽ đạo và nếp sống đạo
xin trực tiếp liên lạc qua địa chỉ email:
lienlac@tinlanhvietnam.net

Sách này được tặng miễn phí